

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ  
HUYỆN HẢI LĂNG**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ  
HUYỆN HẢI LĂNG**

**TẬP II  
(1975 - 2000)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HÀ NỘI - 2004**

**Chỉ đạo nội dung:**

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY HẢI LĂNG, KHÓA VII

**Ban Chỉ đạo:**

- |                 |                                        |
|-----------------|----------------------------------------|
| - VÂN NGỌC HÙNG | - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy        |
| - TRẦN NGỌC ÁNH | - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy      |
| - TRẦN ĐỨC TÂM  | - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện      |
| - MAI VĂN GIANG | - UVTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy |
| - VĂN VIÊM      | - Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy   |

**Ban Biên soạn:**

- PGS.TS. NGUYỄN VĂN TẬN (*chủ biên*)
- PGS.TS. NGUYỄN VĂN MẠNH
- GVC.ThS. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN
- GVC.ThS. NGUYỄN CHÍ KIỂM
- GV. PHẠM CÔNG NHÀN

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

**T**HIẾT thực kỷ niệm 29 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30-4-1975 - 30-4-2004), 114 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu (19-5-1890 - 19-5-2004), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Ban Thường vụ Huyện ủy Hải Lăng tổ chức xuất bản cuốn sách **Lịch sử Đảng bộ huyện Hải Lăng, tập II (1975 - 2000)**

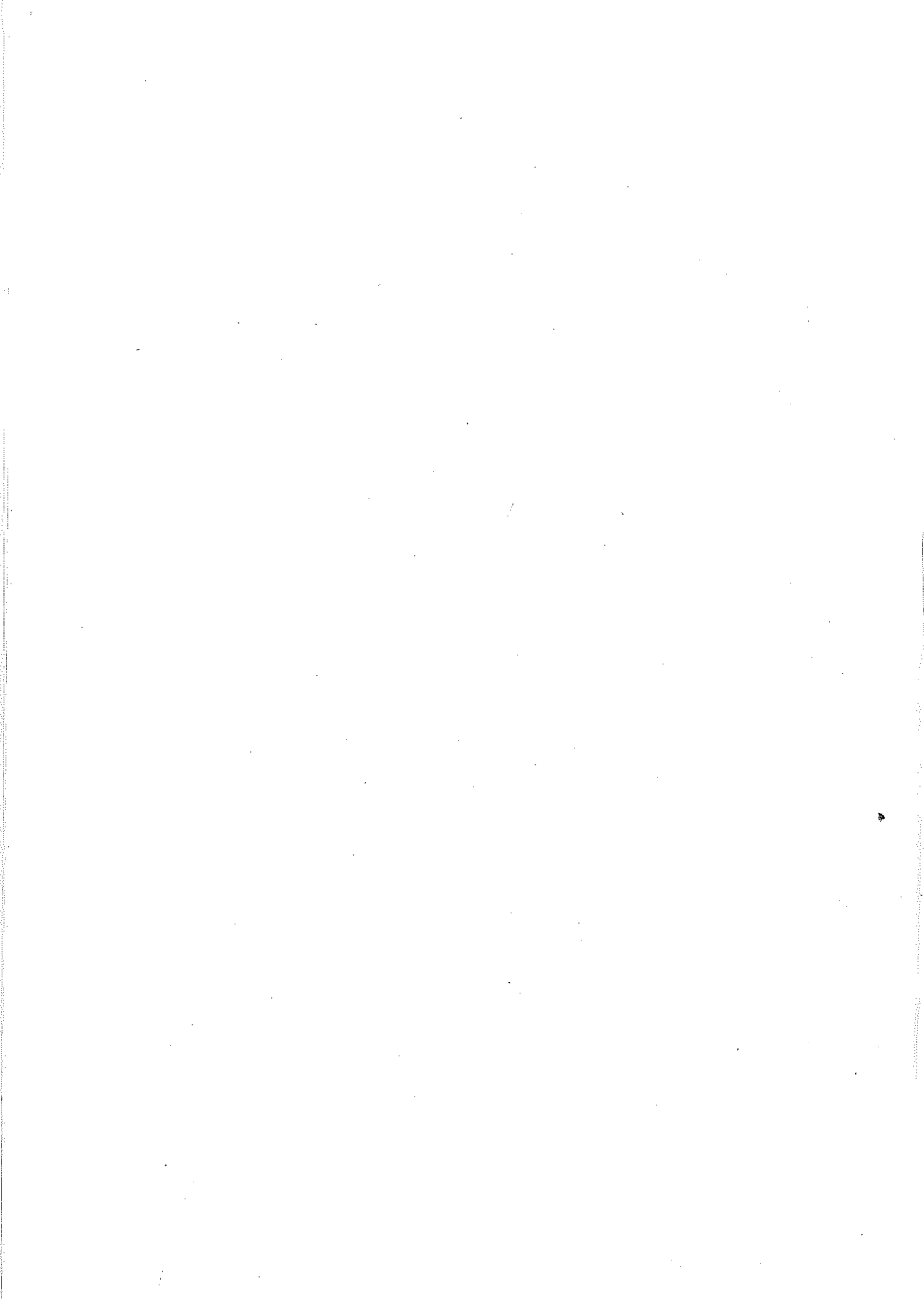
Nội dung cuốn sách nêu bật quá trình phấn đấu xây dựng quê hương của Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng từ sau ngày đất nước thống nhất (1975) cho đến năm 2000, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế - xã hội kể từ khi Đảng ta bước vào công cuộc đổi mới đất nước.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác biên soạn và xuất bản, song do điều kiện thời gian có hạn nên cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định, mong bạn đọc góp ý kiến để lần xuất bản sau được tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

*Tháng 4 năm 2004*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**





## LỜI MỞ ĐẦU

**Đ**ẠI thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài và đầy hy sinh, gian khổ, đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong khí thế hào hùng, sôi nổi đó, Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Hải Lăng nhanh chóng chuyển sang thời kỳ cách mạng mới, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, khôi phục, cải tạo và xây dựng lại quê hương.

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2000), nhất là thời gian hơn 10 năm kể từ khi huyện Hải Lăng được lập lại (1-5-1990), thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ và nhân dân huyện nhà đã thu được những thành tựu hết sức quan trọng: nền kinh tế tăng trưởng khá; cơ sở vật chất kỹ thuật như điện, đường, trường học, trạm xá, thủy lợi tưới tiêu... được đầu tư toàn diện; các hoạt động văn hóa - xã hội có những chuyển biến tiến bộ; quốc phòng - an ninh được tăng cường và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. "Đó là những tiền đề quan trọng để

chúng ta vững tin xây dựng những chủ trương có tính đột phá trong thời kỳ mới".<sup>1</sup>

Nhằm đúc kết những thành tựu của Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng đã đạt được trong thời gian qua, rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh, chỉ đạo; đồng thời tiếp nối **Lịch sử Đảng bộ huyện Hải Lăng, tập I (1930 - 1975)** đã xuất bản năm 1995, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng đã quyết định tổ chức tiến hành biên soạn **Lịch sử Đảng bộ huyện Hải Lăng, tập II (1975 - 2000)**.

**Lịch sử Đảng bộ huyện Hải Lăng, tập II (1975 - 2000)** được Ban Thường vụ Huyện ủy (khóa XII) chịu trách nhiệm chỉ đạo nội dung, các đồng chí được phân công trong Ban Chỉ đạo biên soạn trực tiếp phối hợp với Khoa Lịch sử - Trường Đại học Khoa học Huế triển khai thực hiện.

Mặc dù Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức thu thập tư liệu, gập gờ nhân chứng, tra cứu văn bản, xử lý và đối chiếu, tổng hợp tư liệu; đồng thời, Ban Chỉ đạo biên soạn cũng đã nhiều lần tổ chức tọa đàm, trao đổi, lấy ý kiến đóng góp của nhiều cán bộ chủ chốt, am hiểu tình hình của huyện, song không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, chúng tôi mong muốn nhận được sự góp ý chân tình của đồng bào, đồng chí và bạn đọc gần, xa nhằm làm cho cuốn sách **Lịch sử Đảng bộ huyện Hải Lăng, tập II (1975 - 2000)** tiếp tục được hoàn chỉnh hơn.

## BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY HẢI LĂNG, KHÓA XII

---

1. Đảng bộ huyện Hải Lăng: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII, năm 2000.

## CHƯƠNG I

# **DẢNG BỘ HẢI LĂNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (3-1975 - 3-1977)**

## **I - TÌNH HÌNH HẢI LĂNG SAU NGÀY GIẢI PHÓNG**

Đúng 18 giờ 30 ngày 19 tháng 3 năm 1975, huyện Hải Lăng - huyện cuối cùng của tỉnh Quảng Trị, đã hoàn toàn giải phóng. Sau hơn 20 năm đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, chúng đã để lại hậu quả hết sức nặng nề trên mảnh đất này.

Kinh tế yếu kém, cơ sở vật chất ban đầu hầu như không có gì; nông nghiệp đang tồn tại tình trạng độc canh cây lúa, tự cung tự cấp, kỹ thuật canh tác lạc hậu, hệ thống thủy lợi chưa được đầu tư, nông cụ thô sơ, trình độ kỹ năng lao động còn thấp kém. Mặt khác, phần lớn ruộng đất bị hoang hóa, bom mìn, đạn chưa nổ rơi vãi dày đặc, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhất là vấn đề lương thực. Ngành

nghề tiểu thủ công nghiệp không có gì đáng kể. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất, đời sống của nhân dân trong huyện thiếu thốn nghiêm trọng.

Hệ thống trường, lớp đã ít lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, cả huyện chỉ có 1 trường cấp II - III với số học sinh ít ỏi. Đội ngũ giáo viên thiếu trầm trọng.

Y tế chỉ còn lại bệnh viện dã chiến của Mỹ - nguy, trang thiết bị y tế không có, đội ngũ y, bác sĩ ít, lại di tản khắp nơi. Trong khi đó, tai nạn lao động do bom đạn chiến tranh gây chết chóc, đau thương cho nhân dân diễn ra hàng ngày. Hàng trăm đồng bào, đồng chí tiếp tục ngã xuống vì bom đạn Mỹ trong công cuộc khai hoang, phục hóa; hàng ngàn người bị thương tật do chiến tranh để lại, phải mang trên mình những di chứng suốt đời.

Gần 10 vạn dân, bao gồm một bộ phận sơ tán ra vùng giải phóng Gio Linh, Cam Lộ, Quảng Bình từ năm 1972 nay trở về quê hương; một bộ phận bị Mỹ - nguy dồn vào các khu tập trung hoặc do chiến tranh phải rời bỏ quê hương đi kiếm sống, nay quay về, cuộc sống cũng hết sức vất vả, khó khăn. Hầu hết đồng bào không có nhà cửa, ruộng vườn hoang hóa, bom đạn cày xới chưa sản xuất được; lương thực và một số thực phẩm thiết yếu đều dựa vào sự cứu trợ của Nhà nước.

Mặt khác, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn những vấn đề phức tạp. Phần lớn những người tham gia trong bộ máy chính quyền Mỹ - nguy đã ăn năn, hối cải, đồng sức, đồng lòng cùng

nhân dân xây dựng quê hương; song còn một số ít vẫn cố tình tìm cách móc nối, lôi kéo, kích động một bộ phận nhân dân, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, gây rối an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng phát huy truyền thống anh hùng trong chiến đấu, dựa vào tiềm năng, thế mạnh vốn có của huyện, sự giúp đỡ của tỉnh và bè bạn, anh em, đồng chí; với khí thế cách mạng hừng hực trong hoàn cảnh đất nước được hòa bình, hệ thống tổ chức đảng, chính quyền cách mạng được củng cố và xây dựng đến tận cơ sở; toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện đoàn kết thống nhất, vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định cuộc sống, vừa từng bước khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội huyện nhà.

## **II - ĐẢNG BỘ HẢI LĂNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (3-1975 - 3-1977)**

Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân trong huyện "Gấp rút tiến hành công tác điều tra, khảo sát, quy hoạch, phân vùng kinh tế, bố trí cây trồng ổn định, thâm canh tăng năng suất, đi đôi với quy hoạch dân cư, phân bố lao động hợp lý giữa các vùng... Kết hợp xây dựng kinh tế với an ninh quốc phòng, kết hợp giữa yêu cầu trước mắt và phương hướng lâu dài, sử dụng

tốt lực lượng lao động dồi dào, tận dụng khai thác tốt năng lực và tiềm năng sẵn có tại địa phương, triển khai cùng một lúc mọi mặt sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, thương nghiệp, bảo đảm lương thực và thực phẩm cho xã hội, làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, có dự trữ, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, có hàng hóa xuất khẩu. Nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế địa phương. Tạo điều kiện đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa" <sup>1</sup>.

### 1. Về kinh tế

Nông nghiệp vốn là ngành kinh tế chủ yếu trong toàn bộ cơ cấu kinh tế của huyện Hải Lăng, với 13.000ha ruộng đất có khả năng canh tác các loại cây nông nghiệp ở đồng bằng, chiếm 26% diện tích đất tự nhiên. Đại bộ phận ruộng đất trồng được lúa hai vụ và có hơn 3.000ha đất đai trồng các cây công nghiệp ngắn và dài ngày <sup>2</sup>.

Để khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục nền kinh tế, Đảng bộ Hải Lăng chủ trương phát triển các tổ chức sản xuất vốn có từ vùng giải phóng, đưa lao động vào làm ăn tập thể trong các tập đoàn sản xuất, tổ đổi công, tổ vận công; tập trung mọi nguồn lực để

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 1976 - 1980 và nhiệm vụ năm 1977*, tr.4, 5.

2. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Ban Chấp hành Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ, công tác năm 1976*, tr.1.

đẩy mạnh phong trào rà phá bom mìn, khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích canh tác. Để mở thêm diện tích đất trồng trọt, lập lại màu xanh cho đồng ruộng, xóm làng, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng ngày đêm phải vật lộn với những gian nan, nguy hiểm, nhiều lúc phải hy sinh cả tính mạng của mình. Chỉ tính riêng trong hai năm đầu sau ngày giải phóng, bom đạn tổn động của chiến tranh đã cướp đi sinh mạng 92 người, 69 người khác phải bỏ lại một phần xương thịt của mình trên các ruộng đồng <sup>1</sup>.

Dù có mất mát, hy sinh, song với tinh thần cách mạng tiến công, đức tính cần cù, chịu thương, chịu khó, đoàn kết, chung lưng đấu cật, nhân dân Hải Lăng, với sự giúp sức của các đơn vị bộ đội và các địa phương bạn ở miền Bắc, đã tích cực tham gia phong trào khai hoang phục hóa, tháo gỡ bom mìn, san lấp hố bom, vệ sinh đồng ruộng, điển hình là các xã Hải Lệ, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Vĩnh... Đến cuối năm 1975, toàn huyện khai hoang, phục hóa được 9.500ha ruộng đất, đưa diện tích canh tác từ 12.068ha năm 1975 lên 16.300ha trong đông - xuân 1975 - 1976 <sup>2</sup>.

---

1. UBND huyện Hải Lăng: *Báo cáo tổng kết vụ đông - xuân năm 1975 - 1976*, Hải Lăng, 1976.

2. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ, công tác năm 1976*, tr.4; *Báo cáo tình hình chuẩn bị cuộc họp Tỉnh ủy lần thứ XI*. Hải Lăng, 6-1976.

Cùng với phong trào sôi nổi trên, Đảng bộ Hải Lăng đã nhanh chóng đưa hàng vạn nhân dân sơ tán trong chiến tranh trở về quê cũ, tạo điều kiện tu sửa nơi ăn, chốn ở, mua sắm phương tiện sản xuất để từng bước ổn định cuộc sống; đồng thời chăm lo thực hiện tốt chính sách đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới nhằm phân bổ lại lao động. Đến năm 1976, huyện Hải Lăng có 2.410 hộ với 11.000 nhân khẩu đi xây dựng các vùng kinh tế mới, hình thành nên 3 xã Hải Trung, Hải Thái và Hải Bình ở miền tây huyện Gio Linh; có 2.000 lao động được đưa đi xây dựng vùng kinh tế ở Lâm Đồng <sup>1</sup>.

Đảng bộ cũng tập trung phát triển hệ thống thủy lợi, gắn "thủy lợi hóa đi đôi với hợp tác hóa" và xem thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp, nên đã "Phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi rộng khắp, liên tục, dựa vào sức dân là chủ yếu, tranh thủ sự viện trợ của cả nước, tận dụng tốt nhất các công trình của Nhà nước xây dựng trên đất của địa phương", đồng thời "tập trung sức toàn huyện hoàn thành các công trình đang xây dựng dở dang như đê chắn cát, trạm bơm Hải Vĩnh, Hải Sơn, trạm chống úng và khử chua ở Hải Thọ, Hải Thiện, làm mới trạm bơm cầu Hội Yên, Cầu Nhi, đập Phước Môn và một số công trình nhỏ ở các địa phương" <sup>2</sup>.

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ, công tác năm 1976*, tr.4.

2. Huyện ủy Hải Lăng: *Phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 1976 - 1980 và năm 1977*, Hải Lăng, 1977, tr.9.



Trong hai năm 1975 - 1976, mỗi năm huyện đầu tư kinh phí và huy động hàng vạn ngày công để đào đắp, tu sửa, xây dựng và từng bước hoàn chỉnh mạng lưới thủy lợi, huy động các máy bơm nước hiện có để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Các công trình như đê chắn cát (ở các xã Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương), trạm bơm nước (các xã Hải Trí, Hải Sơn, Hải Vĩnh), công trình nạo vét sông Vĩnh Định, hói Cự Hà, đập máng sông Nhùng... đều hoàn thành và được đưa vào sử dụng, đáp ứng một phần nguồn nước tưới, tiêu cho hàng ngàn ha đất canh tác.

Gắn với việc phát triển hệ thống thủy lợi, mở rộng diện tích canh tác, Đảng bộ Hải Lăng đã bắt đầu coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất, như chọn lọc một số giống mới thích hợp với các loại đất, cho năng suất cao, ổn định loại giống như nông nghiệp 8, 20, 22, 23, C463, 732... cho một số vùng; chú trọng các khâu cấy đúng mật độ, đúng kỹ thuật, chăm bón, phòng trừ sâu bệnh, thí nghiệm hình thức gieo thẳng, đảm bảo đúng thời vụ<sup>1</sup>. Do đó đã tạo điều kiện nâng cao năng suất cho tất cả các loại cây trồng, góp phần thúc đẩy nền sản xuất nông nghiệp huyện nhà phát triển.

Cùng với việc tiến hành cải tạo và xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa bằng hình thức hợp tác giản đơn trên tất cả các thành phần kinh tế, Đảng bộ

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 1976 - 1980 và năm 1977*, Hải Lăng, 1977, tr.10.

chủ trương xây dựng hợp tác xã nông nghiệp với phương châm từng bước, có trọng điểm, có bước đi và hình thức thích hợp, phù hợp đặc điểm của từng vùng. Trong vụ tám năm 1975 toàn huyện đã hình thành 261 tập đoàn sản xuất, 290 tổ đổi công; đến cuối năm 1976, toàn huyện có 92,3% số hộ nông dân vào hợp tác xã <sup>1</sup>. Tuy việc tổ chức lại mô hình sản xuất và cung cách làm ăn còn mới mẻ, nhưng hầu hết các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đã tích cực, năng động tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ban đầu, tập trung xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, xây dựng kế hoạch, định mức lao động, đăng ký ngày công... với khí thế lao động sôi nổi của đông đảo xã viên. Nhờ vậy, từ một huyện nhân dân phần lớn dựa vào nguồn lương thực của Nhà nước cung cấp, nạn đói luôn đe dọa, chỉ sau hai năm kể từ ngày quê hương hoàn toàn giải phóng, tình hình sản xuất nông nghiệp đã có những chuyển biến tích cực, năng suất cây lúa bình quân từ 12 tạ/ha năm 1975 đã tăng lên 25 tạ/ha, và tổng sản lượng quy thóc đạt tới 31.000 tấn năm 1976 <sup>2</sup>.

Gắn với trồng trọt, chăn nuôi cũng được chú trọng nên chỉ một thời gian ngắn đàn gia súc, gia cầm tăng khá nhanh. Đàn trâu, bò từ 1.000 con vào cuối năm 1974 đã tăng lên 3.403 con vào năm 1976; góp phần

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Sơ kết phong trào tập thể 1973 - 1976*, Hải Lăng, 1976.

2. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị BCH Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976*, tr.4.

giải quyết nhu cầu sức kéo, phân bón cho sản xuất và cung ứng nguồn thực phẩm cho xã hội <sup>1</sup>.

Là huyện đồng bằng của tỉnh Quảng Trị, nhưng Hải Lăng có 118,843 km<sup>2</sup> rừng và 156,2 km<sup>2</sup> đất đồi núi có khả năng phát triển lâm nghiệp, chiếm 56,2% diện tích đất tự nhiên <sup>2</sup>. Do rừng bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng, phần lớn đất rừng bị chất độc hóa học làm trơ trụi, toàn bộ vùng đồi, vùng cát đều phải trồng cây, nên Đảng bộ xác định: "Đẩy mạnh phong trào ươm và trồng cây, chăm sóc và bảo vệ cây, xanh hóa nhanh nông thôn, bãi cát, đồi trọc, trong 5 năm (1976 - 1980) trồng một vạn hecta rừng. Giao đất cho tập đoàn, hợp tác xã trồng cây, có chỉ tiêu cho từng gia đình, từng lao động, từng đơn vị sản xuất, từng đoàn thể chính trị và các cơ quan trồng cây lấy gỗ, cây chắn gió, chắn cát, làm thay đổi khí hậu" <sup>3</sup>.

Cùng với việc hình thành Lâm trường quốc doanh Triệu Hải với chức năng trồng và ươm cây nhằm cung cấp cây giống cho các địa phương trong huyện, năm 1976 lâm trường đã tổ chức trồng được khoảng 300ha rừng tập trung và ươm 4,6 triệu cây chuẩn bị cho vụ đông - xuân 1976 - 1977, nhiều hợp tác xã lập vườn

---

1. UBND huyện Hải Lăng: Báo cáo tổng kết vụ đông - xuân năm 1975 - 1976, Hải Lăng, 1976.

2. Phòng Thống kê Hải Lăng: Niên giám thống kê 1999 - 2000, Hải Lăng, 2001, tr.11.

3. Huyện ủy Hải Lăng: Phương hướng và nhiệm vụ 5 năm 1976 - 1980 và nhiệm vụ năm 1977, tr.7.

uơm và đội sản xuất riêng. Phong trào trồng rừng phát triển ở hầu hết các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã, cơ quan, trường học và trong nhân dân dưới hai hình thức tập trung và phân tán, hình thành vành đai rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển. Trong hai năm 1975 - 1976, hàng năm toàn huyện trồng mới hàng trăm hecta rừng, góp phần phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, chống cát bay, cát nhảy, cát lấp, tăng độ che phủ, bảo vệ môi trường sinh thái.

Hải Lăng có 12 km bờ biển, có lợi thế về đánh bắt và nuôi trồng thủy sản<sup>1</sup>, với nhiều hải sản có giá trị kinh tế cao như cá thu, cá ngừ, tôm, mực...được thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng. Tuy vậy, là huyện chỉ có bãi ngang, phương tiện, ngư lưới cụ thủ công lạc hậu, thiếu thốn, nên việc đánh bắt hải sản còn có những hạn chế.

Sau chiến tranh, khi trở về quê cũ, hầu hết nhân dân ở 2 xã ven biển không còn nhà cửa, không có ghe mành và ngư cụ, cuộc sống vô cùng cơ cực. Trước tình hình đó, cùng với việc nhanh chóng ổn định nơi ăn, chốn ở cho ngư dân, Đảng bộ đề ra chủ trương: "Khôi phục và phát triển một bước kinh tế biển, thực chất là tổ chức lại sản xuất kinh tế biển, bảo đảm khôi phục, phát triển và củng cố quốc phòng..., thực hiện một bước phân công lao động hợp lý nhằm đẩy mạnh sản

---

1. Quảng Trị có 4 huyện nằm dọc theo ven biển, có khả năng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, đó là: Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh và Vĩnh Linh.

xuất nghề cá, chế biến hải sản" <sup>1</sup>. Coi ngư nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn của 2 xã vùng biển nên đã tập trung tổ chức lại sản xuất theo hướng tập thể hóa, đến cuối năm 1975 tại 2 xã Hải An và Hải Khê hình thành 20 tập đoàn đánh cá biển, tạo ra cung cách làm ăn mới.

Với việc Nhà nước đầu tư vốn dài hạn 842.303 đồng cho hai xã Hải An và Hải Khê phát triển ngư nghiệp, ngư dân đã có nguồn vốn để mua sắm trang thiết bị đánh bắt. Nhờ vậy, phương tiện đánh bắt từ chỗ hầu như không có gì, đến cuối năm 1975 đã có 129 thuyền, trong đó thuyền có máy đẩy chiếm 56%, 49 vàng xэм, 159 mức dạ..., góp phần đưa sản lượng đánh bắt bình quân trong hai năm 1975, 1976 đạt 360 tấn <sup>2</sup>, khắc phục dần sự thiếu đói của ngư dân.

Hải Lăng vốn là nơi có nhiều ngành nghề thủ công cổ truyền như nghề mộc, chạm trổ, gạch ngói, nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa, làm nón, ép dầu trầm, làm chổi đót, dệt chiếu, đan mây tre,... đặc biệt là nghề nấu rượu Kim Long, không những nổi tiếng trong vùng mà trước đây đã từng được thực dân Pháp đưa đi buôn bán ở nhiều nước trên thế giới. Sau hơn 60 năm bị chèn ép, kìm hãm của thực dân Pháp (1885 - 1945) và sự tàn phá khốc liệt trong 30 năm chiến

---

1. UBND huyện Hải Lăng: Báo cáo tổng kết vụ đông - xuân năm 1975 - 1976, Hải Lăng, 1976.

2. Huyện ủy Hải Lăng: Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976, tr.5 - 11.

tranh (1945 - 1975), hầu hết các ngành nghề thủ công truyền thống của Hải Lăng bị mai một dần.

Để nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo và xây dựng nền kinh tế, Đảng bộ chủ trương khôi phục và phát triển thủ công nghiệp, chế biến nông - lâm - hải sản, nhất là sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói), cơ khí, mộc, rèn... nhằm đáp ứng một số mặt hàng thiết yếu cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt (như nông cụ cầm tay, nón lá, hàng đan lát dùng cho gia đình, gạch, ngói cho xây dựng).

Hầu hết các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp của huyện Hải Lăng như Xưởng Cơ khí nông cụ (thành lập ngày 25-11-1975), các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng ở Hải Quy, Hải Thiện, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Thượng, Hải Vĩnh, Hải Xuân, Hải Ba, Hải Quế, Hải Phú... đồng loạt ra đời trong điều kiện thiếu thốn mọi bề<sup>1</sup>; nhưng chỉ trong một thời gian ngắn đã tạo ra các mặt hàng như nông cụ cầm tay, trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, gạch ngói sản xuất được mỗi năm hàng triệu viên, phát triển được nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp khác nhau, tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động<sup>2</sup>.

---

1. Hải Lăng cũng nhận được sự trợ giúp của nhiều đơn vị trong nước, như Xí nghiệp than Hòn Gai (Quảng Ninh) giúp đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật từ 1974 - 1975, sau đó giúp cơ sở vật chất cho việc thành lập Xưởng Cơ khí nông cụ.

2. Phòng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Hải Lăng: *Báo cáo tình hình công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp 1975 - 1976*, Hải Lăng, 1976.

Căn cứ vào đặc điểm của nền kinh tế huyện nhà, Đảng bộ chủ trương phát triển rộng rãi thương nghiệp như: hình thành các cửa hàng mậu dịch quốc doanh, đại lý bán lẻ, mở thêm hợp tác xã phục vụ ăn uống ở chợ Diên Sanh, bến xe Diên Sanh, Mỹ Chánh, bến xe Thạch Hãn..., thành lập ở mỗi xã một hợp tác xã mua bán, với chức năng tiếp nhận và phân phối hàng hóa thuận lợi đến người tiêu dùng. Đồng thời, tập trung cải tạo và sắp xếp lại thị trường tự phát, chấn chỉnh hệ thống chợ nông thôn, tích cực chống gian thương đầu cơ, buôn lậu, cải tạo và mở rộng thị trường có tổ chức.

Nhờ vậy, ngành thương nghiệp Hải Lăng đã tổ chức kinh doanh và từng bước xác định vai trò và vị trí của mình đối với nền kinh tế. Đến cuối năm 1975 doanh số bán ra đạt gần 2 triệu đồng (tiền cũ), đã mua vào và bán ra trên 8.000 tấn lương thực<sup>1</sup>, góp phần phục vụ đời sống nhân dân, phát triển sản xuất. Tuy vậy, hàng hóa tiêu dùng thiết yếu được phân phối bằng tem, phiếu vẫn còn thiếu thốn, nhiều mặt hàng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày khan hiếm, không đủ hoặc không có cung cấp cho nhu cầu cuộc sống của nhân dân.

Về giao thông vận tải: Sau ngày giải phóng cơ sở hạ tầng, cầu cống, đường sá ở Hải Lăng bị tàn phá nặng nề, hoặc bị xuống cấp một cách nghiêm trọng.

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976*, tr.6.

Huyện chủ trương: "Khôi phục, sửa chữa các tuyến đường bộ sẵn có, làm mới các cầu Quy Thiện, Thượng Xá, Như Lệ. Quy hoạch giao thông nông thôn và đồng ruộng để chuẩn bị cơ giới hóa. Trước mắt, phát triển xe cải tiến để giải phóng đôi vai cho nông dân. Nạo vét các tuyến sông, rạch ở phía nam để chuyên chở hàng hóa bằng thuyền. Tận dụng các năng lực vận tải sẵn có gồm cơ giới và thô sơ phục vụ cho sản xuất, xây dựng cơ bản và lưu thông phân phối"<sup>1</sup>. Bình quân hàng năm huyện đã đầu tư hàng chục triệu đồng và hàng vạn ngày công để sửa chữa, duy tu và nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 68, đường số 8, làm mới hệ thống cầu, cống và các trục đường liên xã, nạo vét sông Vĩnh Định, hời Cựu Hà... khai thác các loại xe vận chuyển thô sơ như xe lam, xe kéo bánh lốp, xe thô vận tải hàng hóa, tạo ra sự giao lưu giữa các vùng kinh tế, phục vụ tích cực cho công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế và việc đi lại của nhân dân trong huyện.

## 2. Về văn hóa - xã hội

Sau ngày giải phóng, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa từng bước được xác lập, song những tàn dư văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ để lại vẫn còn nặng nề. Việc "Trồng người phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên nhằm xóa bỏ tàn tích của xã hội thực dân, phong kiến, xóa bỏ nạn mù chữ, phổ biến khoa học thường thức trong nhân dân, phát triển giáo dục,

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Phương hướng và nhiệm vụ 5 năm (1976 - 1980) và nhiệm vụ năm 1977*, tr.12.



nâng cao dần trình độ văn hóa của quần chúng nhân dân, cải tạo trí thức cũ, đào tạo trí thức mới, bồi dưỡng nhân tài để đáp ứng cho nhu cầu ngày một tăng của sự nghiệp xây dựng và quản lý đất nước"<sup>1</sup>.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng vừa kiên quyết đấu tranh loại bỏ những di hại của nền văn hóa nô dịch, lạc hậu, vừa tích cực thực hiện công cuộc khôi phục và phát triển nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, trước hết là trong giáo dục, y tế và các loại hình văn hóa cách mạng mang đậm bản sắc dân tộc.

Mặc dù trước mắt còn lắm gian truân, còn nhiều khó khăn và thiếu thốn về kinh tế, lại thêm mâu thuẫn gay gắt giữa nhu cầu học tập của nhân dân với cơ sở vật chất nghèo nàn hiện có của ngành giáo dục, nhưng huyện kiên quyết đề ra chủ trương khôi phục và xây dựng lại hệ thống trường, lớp, đồng thời tận dụng các cơ sở tạm bợ để dạy và học, tạo tiền đề cho sự nghiệp giáo dục phát triển, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ cách mạng mới.

Hệ thống giáo dục mầm non và phổ thông được quan tâm chăm lo. Nhiều cơ quan, xí nghiệp đều tổ chức trường, lớp mẫu giáo cơ sở, nuôi dạy trẻ, thu hút các cháu từ 3 đến 6 tuổi theo học. Riêng hệ bổ túc văn hóa được khai giảng vào đầu tháng 7-1975; và cho đến

---

1. Trường Chinh: *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1976, tr.77 - 78.

đầu năm 1976, ngoài trường bổ túc tập trung của huyện mở được một khoá cho 138 học viên, các xã trong huyện đã tổ chức được 522 lớp, thu hút trên 8.000 học viên là cán bộ, du kích và thanh niên tham gia xóa nạn mù chữ <sup>1</sup>. Hình thức các lớp học rất đa dạng, phong phú; học ngày, nếu không có điều kiện thì học vào ban đêm.

Đối với hệ thống giáo dục phổ thông, tuy cơ sở vật chất phục vụ dạy và học còn nghèo nàn, trường lớp chủ yếu là mái tranh, vách đất, nhiều trường phải tổ chức học ca ba; nhưng với truyền thống hiếu học, lại được sự quan tâm đặc biệt của Đảng bộ và toàn xã hội, nên sự nghiệp giáo dục đã có những bước khởi sắc. Hệ thống trường, lớp và số lượng học sinh gia tăng đáng kể. Từ chỗ chỉ có một trường cấp III và các lớp học cấp I - II, với 24.535 học sinh trong năm học 1975 - 1976; đến năm học 1976 - 1977 đã có 31 trường các cấp với 304 lớp và có trên 25.780, trung bình cứ 3,5 người dân có một người đi học <sup>2</sup>. Điều đó đã góp phần tạo tiền đề cho phép nhân dân Hải Lăng nâng cao một bước dân trí, tiếp cận với những thành tựu khoa học kỹ thuật để xây dựng và cải thiện đời sống.

Về y tế, Đảng bộ chủ trương: "Xây dựng và phát triển y tế theo phương châm phòng bệnh là chính, kết

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976*, tr.8.

2. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng*, số 235, Hải Lăng, 1976.

hợp đông - tây y, phổ biến kiến thức và phương pháp phòng bệnh trong nhân dân, tổ chức hệ thống phòng bệnh, chữa bệnh xuống khu vực xã và phát triển mạng lưới y tế xuống tận thôn, đội sản xuất, đẩy mạnh công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em, tuyên truyền sinh đẻ có kế hoạch" <sup>1</sup>.

Cùng với việc hình thành mạng lưới y tế xuống tận cơ sở, phong trào phòng trừ dịch bệnh, xây dựng các công trình vệ sinh, triển khai xây dựng hố xí hai ngăn trong từng gia đình, hạn chế các bệnh xã hội do chiến tranh để lại được chú trọng. Kết hợp với việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế, huyện còn tổ chức các tổ lưu động đi khám và chữa bệnh cho nhân dân. Các ổ dịch bệnh như sốt rét, thương hàn, tả, lị... được ngăn chặn. Huyện còn tuyên truyền, giáo dục và tổ chức phong trào toàn dân tham gia vệ sinh phòng dịch, xây dựng nếp sống văn minh.

Từ một địa phương chỉ có vài trạm xá và phòng phát thuốc nghèo nàn, trang thiết bị và thuốc men đều thiếu thốn, nhân dân ốm đau thường phải chuyển ra bệnh viện Quảng Trị hoặc vào bệnh viện Trung ương Huế; đến đầu năm 1976, mạng lưới y tế Hải Lăng đã có một bệnh viện khoảng 100 giường bệnh, 100% số xã đã có trạm y tế, có 17 phòng hộ sinh. Toàn huyện có 176 cán bộ y tế, đã khám và điều trị

---

1. Phòng Y tế Hải Lăng: *Dự án công tác y tế huyện Hải Lăng năm 1976*.

cho hàng ngàn lượt người <sup>1</sup>. Việc áp dụng phương pháp điều trị đông - tây y kết hợp đã nâng cao hiệu quả chăm sóc và bảo vệ sức khỏe được tốt hơn, phòng trừ và đẩy lùi nhiều loại dịch bệnh, mang lại hạnh phúc cho toàn dân.

Gắn liền với công cuộc xây dựng, phát triển giáo dục và y tế, Đảng bộ còn chú trọng đến việc hình thành con người mới có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có tri thức, có thể lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân, tạo cho mọi người có cuộc sống tinh thần phong phú. Với nhận thức đó, đã đẩy mạnh hoạt động thông tin - văn hóa, tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng trong nhân dân, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, loại trừ văn hóa đồi trụy, phản động, đẩy lùi dần các tệ nạn mê tín, dị đoan, bài trừ văn hóa lạc hậu, xây dựng nếp sống mới, văn minh, tiến bộ <sup>2</sup>. Để làm được những việc đó, Đảng bộ chủ trương xây dựng các thiết chế văn hóa như: nhà văn hóa của huyện và các sân bãi sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao. Đồng thời, khuyến khích phát triển phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục - thể thao từ huyện đến cơ sở. Hầu hết các xã đều có đội văn nghệ. Huyện có đội văn nghệ và đội chiếu bóng lưu động, có tờ tin, có đội bóng đá, bóng chuyền. Các hoạt

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976*, tr.9.

2. Huyện ủy Hải Lăng: *Phương hướng và nhiệm vụ 5 năm (1976 - 1980) và nhiệm vụ năm 1976*, tr.13.

động văn hóa - thể thao phát triển mạnh mẽ, rộng khắp mang tinh thần cuộc sống mới, tạo sân chơi lành mạnh, đáp ứng nhu cầu mở mang dân trí, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân theo đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh các hoạt động xây dựng, phát triển văn hóa - xã hội, Đảng bộ còn thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến đời sống của đồng bào các tôn giáo, khuyến khích hoạt động nhân đạo, từ thiện trong nhân dân, kêu gọi nhân dân phát huy truyền thống đoàn kết, gần bó, thương yêu nhau, "lá lành đùm lá rách" và có chủ trương cụ thể với các đối tượng thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

Với truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc, Đảng bộ và nhân dân huyện Hải Lăng đã xây cất nghĩa trang liệt sĩ, tổ chức tìm kiếm hài cốt liệt sĩ đưa vào nghĩa trang; thường xuyên thăm hỏi, động viên những gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh, những người có công với tổ quốc cả vật chất lẫn tinh thần. Những việc làm này có ý nghĩa góp phần bù đắp một phần những hy sinh, mất mát của các gia đình có công với quê hương, đất nước, động viên gia đình chính sách và góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho nhân dân.

### **3. Về quốc phòng - an ninh**

Vận dụng sáng tạo đường lối quân sự của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng đã coi trọng kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và phát

triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh - quốc phòng; vừa tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang tập trung, vừa tích cực xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ trong các xã, đơn vị, cơ quan hành chính sự nghiệp, sản xuất kinh doanh. Trường học và các xã, thôn cũng hình thành thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, trở thành những pháo đài quân sự vững chắc, xây dựng các phương án phòng thủ, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch.

Tính đến năm 1976, cùng với việc củng cố và phát triển lực lượng dân quân du kích với số lượng 2.583 người, chiếm khoảng 2,8% dân số<sup>1</sup>, nhiều làng, xã, nhất là các xã giáp ranh và ven biển đã tích cực tuần tra, canh gác, đắp đê, trồng cây chắn cát, hình thành thế trận chống vượt biên, vượt biển, chống xâm nhập trái phép, bảo vệ an toàn vùng biển.

Tuy vậy, cùng với các thế lực phản động bên ngoài, bọn phản động trong nước liên kết nhau tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Mặt khác, các tệ nạn xã hội như gây rối trật tự, trộm cắp, lừa đảo, cờ bạc, rượu chè, mê tín, dị đoan... vẫn tồn tại, nên càng làm cho tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn những vấn đề phức tạp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền cách mạng huyện, xã đã kêu gọi lực lượng nguy quân, nguy

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976*, tr.10.

quyền ra trình diện và tổ chức học tập, cải tạo tại địa phương cho hơn 11.000 người hiểu rõ chính sách khoan hồng, nhân đạo của cách mạng<sup>1</sup>. Tăng cường công tác phòng gian, bảo mật, hình thành mạng lưới an ninh nhân dân rộng khắp, kiên quyết đấu tranh với các loại đối tượng hình sự, đẩy lùi nhiều hiện tượng tiêu cực, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

### III - XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, MẬT TRẬN VÀ ĐOÀN THỂ

Sau ngày giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hệ thống bộ máy Nhà nước ở địa phương nhanh chóng được hình thành từ huyện đến xã, với tên gọi Ủy ban nhân dân cách mạng. Đó là mô hình quản lý nhà nước chuyển tiếp theo thiết chế xã hội xã hội chủ nghĩa, làm nhiệm vụ chuyên chính vô sản; trong đó lấy việc cải tạo, khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội làm nhiệm vụ căn bản. Mặc dù phải đứng trước những khó khăn, thử thách, nhưng đội ngũ cán bộ chính quyền cách mạng các cấp đã kinh qua chiến đấu và sản xuất, hăng hái, gương mẫu đi đầu trên mọi lĩnh vực công tác, tạo tiền đề để phát huy năng lực quản lý nhà nước trong việc điều hành quản lý kinh tế - xã hội ở địa phương.

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy Hải Lăng*, số 235, 1976.

Cùng với việc hình thành, củng cố chính quyền và để lãnh đạo chính quyền, công tác kiện toàn và hoàn thiện hệ thống tổ chức của Đảng là yêu cầu quan trọng trong giai đoạn cách mạng mới. Huyện đã tập trung kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng từ huyện đến cơ sở. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cũng được củng cố gồm 21 Huyện ủy viên, trong đó Ban Thường vụ có 7 đồng chí, do đồng chí Võ Thanh Bình làm Quyền Bí thư; sau đó tháng 5-1976, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị điều động đồng chí Lê Văn Hoan, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Bí thư Huyện ủy, các đồng chí Hồng Minh, Bùi Văn Huy làm Phó Bí thư<sup>1</sup>. Hệ thống tổ chức cơ sở Đảng được phân bố theo từng xã, cơ quan, đơn vị, phù hợp với mô hình của từng địa phương.

Đến đầu năm 1976, Đảng bộ huyện Hải Lăng đã có 4 đảng bộ và 20 chi bộ xã, 1 đảng bộ cơ quan và 5 chi bộ trực thuộc. Như vậy 100% số xã ở Hải Lăng đã có cơ sở đảng, với tổng số 564 đảng viên, chiếm khoảng 0,56% so với dân số<sup>2</sup>. Phần lớn đảng viên đã phát huy vai trò tiên phong trên mặt trận kinh tế - xã hội, thể hiện năng lực lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và xây dựng quê hương.

Nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ đã mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày, huấn luyện

---

1. Xem thêm phần Phụ lục.

2. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976*, tr.12 - 13.



chuyên đề và cử nhiều đảng viên đi học các lớp chính trị, văn hóa của tỉnh... Thông qua đó các đảng viên được giáo dục, bồi dưỡng và nâng cao sức chiến đấu của mình. Nhờ vậy, phần lớn đảng viên đạt tiêu chuẩn đủ tư cách, gương mẫu trong mọi lĩnh vực công tác, thực sự là trung tâm hoạch định đường lối, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương.

Gắn liền với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ, Đảng bộ Hải Lăng đã coi trọng việc tăng cường đội ngũ đảng viên trẻ, bảo đảm tính kế thừa và sự phát triển không ngừng của Đảng, trong đó công tác phát triển Đảng được coi là một trong những nội dung quan trọng. Đến năm 1976, trong điều kiện còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ huyện đã mở được 2 lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản, thu hút 60 đảng viên và 90 đối tượng Đảng theo học, kết nạp 30 quần chúng ưu tú vào Đảng<sup>1</sup>, mà hầu hết đều thuộc lực lượng trẻ, có năng lực và phẩm chất cách mạng để gánh vác trọng trách do nhân dân giao phó.

Cùng với công tác xây dựng và phát triển Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, Đảng bộ rất coi trọng xây dựng hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở, từng bước hoàn chỉnh các phòng, ban để cùng các ngành, các đoàn thể đảm đương nhiệm vụ chính trị của địa phương, hướng tới mục tiêu nhanh

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976*, tr.12 - 13.

chóng khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng bộ Hải Lăng rất chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ lý luận chính trị và trình độ khoa học, kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sau hơn 7 tháng kể từ ngày quê hương hoàn toàn giải phóng, đến đầu năm 1976, ngoài 37 cán bộ có trình độ chính trị trung, sơ cấp, trên 20 cán bộ có trình độ đại học và trung cấp, Đảng bộ huyện đã cử 178 cán bộ theo học các lớp do tỉnh Quảng Trị mở. Huyện chủ động mở các lớp đào tạo ngắn ngày cho 842 cán bộ các đội sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, trồng trọt, thú y và quản lý ruộng đất<sup>1</sup>.

Tổ chức mặt trận và các đoàn thể chính trị cũng nhanh chóng được củng cố. Các đoàn thể đã tích cực vận động quần chúng đứng vào tổ chức, qua đó phát động nhiều phong trào cách mạng sôi nổi, động viên các tầng lớp nhân dân khai hoang, phục hóa, rà phá bom mìn để mở rộng diện tích canh tác, vận động nhân dân vào làm ăn tập thể, giúp nhau nơi ăn, chốn ở, hỗ trợ nhau trong lao động sản xuất; thúc đẩy toàn dân tham gia phong trào trồng cây gây rừng, phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, giữ gìn

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ năm 1976*, tr.12 - 13.

an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ tổ quốc, cùng nhân dân cả nước vượt qua những khó khăn, phức tạp của thời kỳ đầu sau chiến tranh.

Sau hai năm hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, khôi phục, cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, cho dù trước mắt còn lắm gian truân và thách thức, nhưng với tinh thần tự lực, tự cường, nhân dân Hải Lăng đã vượt qua được nhiều khó khăn, trở ngại. Nền kinh tế của huyện nhà từng bước hồi phục, quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa bước đầu được xác lập, đời sống nhân dân từng bước ổn định, bình quân lương thực đầu người tăng dần, góp phần tạo nên môi trường tốt để ổn định tình hình chính trị - xã hội ở nông thôn. Những thành tựu đạt được trong hai năm 1975 - 1977 hết sức cơ bản, là tiền đề quan trọng cho giai đoạn phát triển tiếp theo của tiến trình cách mạng ở huyện Hải Lăng để hòa nhập vào Triệu Hải.

## CHƯƠNG II

# **ĐẢNG BỘ TRIỆU HẢI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN HẢI LĂNG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (3-1977 - 5-1990)**

## **I - ĐẢNG BỘ TRIỆU HẢI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN HẢI LĂNG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG (1977 - 1985)**

### **1. Xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh.**

Tháng 5-1976, thực hiện chủ trương của Trung ương về việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh và huyện, ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và khu vực Vĩnh Linh hợp nhất thành tỉnh Bình Trị Thiên. Sau khi nhập tỉnh, ngày 5-3-1977, Tỉnh ủy Bình Trị Thiên ra Nghị quyết 02 về vấn đề sáp nhập các huyện trong tỉnh, hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng thành huyện Triệu Hải. Từ đây, Đảng bộ Hải Lăng hợp cùng Đảng bộ Triệu Phong trở thành Đảng bộ huyện Triệu Hải, chịu trách nhiệm

lãnh đạo nhân dân huyện Triệu Hải xây dựng và bảo vệ quê hương.

Là huyện hợp nhất từ hai huyện Hải Lăng và Triệu Phong, đều là những mảnh đất vốn bị chiến tranh tàn phá ác liệt, di hại của chủ nghĩa thực dân mới để lại hết sức nặng nề, nền kinh tế kém phát triển, sản xuất tự cung, tự cấp là chính, cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất và đời sống thiếu thốn, nên tình hình chung của huyện hết sức khó khăn. Thêm vào đó, thời tiết vô cùng khắc nghiệt, bão lụt và hạn hán luôn luôn đe dọa sản xuất và đời sống của nhân dân. Năm 1982 hạn hán kéo dài làm cho vụ hè thu bị cháy khô hàng ngàn hécta lúa và hoa màu. Đặc biệt là trận lũ lịch sử cuối tháng 10 năm 1983 đã cướp đi tính mạng của hơn 100 người dân trong huyện <sup>1</sup>, làm thiệt hại trên 70% cơ sở vật chất của nhân dân, trong đó nặng nhất là các xã Hải Lâm, Hải Lệ, Hải Sơn, Hải Chánh và các xã vùng trũng. Các thôn Thượng Nguyên, Tân Chính, Trường Phước thuộc xã Hải Lâm bị lũ quét cuốn trôi, cầu Mỹ Chánh bằng bê tông cốt thép cũng bị dòng nước làm sụp đổ <sup>2</sup>. Tổng thiệt hại do cơn lũ

---

1. Ở Hải Lâm có 48 người chết, Hải Sơn có 17 người chết, các nơi khác trong toàn huyện Triệu Hải có trên 100 người chết (Theo tư liệu do đồng chí Hoàng Xuân Hòa, nguyên Bí thư Huyện ủy, cung cấp).

2. Sau khi cầu Mỹ Chánh sụp, đồng chí Béria, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô (cũ) sang thăm Việt Nam, có đến chứng kiến tận mắt, đã quyết định viện trợ để xây dựng lại (Theo tư liệu do đồng chí Hoàng Xuân Hòa và đồng chí Võ Thanh Bình cung cấp).

gây ra trên địa bàn ước tính bằng 5 năm thu nhập sản xuất nông nghiệp toàn huyện <sup>1</sup>. Vụ lúa đông - xuân 1984 - 1985, Triệu Hải bị rét đậm làm mất mùa nặng nhất, nếu tính trong 13 năm nhập huyện (tổn thất 55%). Tiếp đến, trận bão kinh hoàng số 8, cơn bão số 9 liên tiếp diễn ra vào các ngày 15, 16 và 20 tháng 10 năm 1985 khiến hàng chục người trong huyện bị thiệt mạng, 95% nhà cửa bị hư hỏng (trong đó 50% sụp đổ). Sau bão lụt, đàn trâu bò cũng bị cơn dịch lớn hoành hành gây tổn thất nghiêm trọng, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống của nhân dân <sup>2</sup>.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, trở ngại trước mắt, nhưng Đảng bộ Triệu Hải có được những thuận lợi cơ bản, đó là có đường lối cách mạng của Đảng. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then

---

1. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng) Phạm Văn Đồng đã đến thăm hỏi bà con bị nạn, và đặt tên cho một cháu trai mới sinh trong đêm xảy ra lũ lụt, được bà mẹ bỗng lên tán tre để tránh lũ cuốn, là Nguyễn Thắng Lụt (Theo tư liệu do đồng chí Hoàng Xuân Hòa, nguyên Bí thư Huyện ủy, cung cấp).

2. Năm 1985 huyện Triệu Hải có 3 đại họa là mất trắng lúa đông - xuân do rét đậm kéo dài nên không trở bông được (Từ "lúa tái sinh" - "tính sai" phát xuất từ đây), bão lụt tàn phá nặng nề và đại dịch trâu bò.

chốt... Xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu".

Quán triệt tinh thần Nghị quyết các cấp của Đảng - trực tiếp là Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ I, căn cứ vào đặc điểm tình hình của huyện, Đại hội Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ I họp từ ngày 27 đến ngày 30-4-1977 tại Diên Sanh xác định nhiệm vụ chung của huyện từ năm 1977 đến 1980 là: "Phát huy tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, quyết tâm xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật, hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, đồng thời với việc đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, tập trung sức mạnh tại chỗ kết hợp khả năng của tỉnh nâng cao nhanh chóng và vững chắc lương thực, thực phẩm, làm đầy đủ nghĩa vụ lương thực, bước đầu tạo ra khả năng phát triển toàn diện, nâng cao một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân về ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh, vui chơi... Xây dựng huyện thành một đơn vị kinh tế nông - lâm kết hợp".

Dưới ánh sáng đường lối cách mạng do Đảng đề ra và được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, Đảng bộ Triệu Hải đã phát huy tinh thần đoàn kết, truyền thống đấu tranh cách mạng, lao động cần cù, sáng tạo, chịu đựng gian khổ, dám nghĩ, dám làm, biết dựa vào tiềm năng, thế mạnh vốn có của huyện, vừa xây dựng, phát triển, vừa tìm tòi thử nghiệm mô

hình kinh tế, tích cực cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, giành được những thành tựu đáng kể về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, và trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể.

#### *a) Kinh tế*

Đảng bộ Triệu Hải xác định trên địa bàn huyện có 4 thế mạnh là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và vật liệu xây dựng; đồng thời có 4 vùng kinh tế là miền biển, đồng bằng, gò đồi và vùng núi. Trong 4 thế mạnh nói trên, Đảng bộ xem thế mạnh có thể khai thác trước hết là nông nghiệp. Trong nông nghiệp, việc đầu tiên là tập trung giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm để ổn định đời sống nhân dân, làm cơ sở phát huy các thế mạnh khác.

Xác định rõ vị trí quan trọng của nông nghiệp, Đảng bộ tổ chức, lãnh đạo nhân dân các xã trong huyện tiếp tục khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích trồng cây lương thực, bao gồm cả lúa và các loại cây hoa màu chứa tinh bột, coi đó là trách nhiệm của mọi người trên cả 4 vùng kinh tế. Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo các vùng cụ thể:

*Vùng cát ven biển:* Chủ trương trồng cây phi lao đi đôi với lập vườn chống nạn cát bay, cát lấp để ổn định diện tích sản xuất, đưa 1.000ha đất cát ven biển vào trồng vụ khoai lang đông - xuân, 250ha làm vụ lúa tháng 10. Nhờ vậy các xã ven biển của huyện (trong



đó có 2 xã Hải An, Hải Khê) vươn lên tự giải quyết phần lớn nhu cầu lương thực, giảm dần tình trạng bao cấp lương thực.

*Ở vùng đồng bằng:* Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là phục hóa, mở mang diện tích, cải tạo đồng ruộng, đồng thời chú trọng việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phục vụ cho thâm canh cây lúa nước. Coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu, đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi trong toàn huyện. Được sự quan tâm đặc biệt của trung ương và của tỉnh, có sự hỗ trợ góp sức của nhân dân Bình Trị Thiên, công trình Đại Thủy nông Nam Thạch Hãn được khởi công xây dựng từ tháng 3-1978, đến tháng 6-1979 đưa vào khai thác, cung cấp nước tưới trên địa bàn nhiều xã, bình quân đến các năm 1984 - 1985 tưới được từ 7.000 đến 7.500ha đồng ruộng/năm<sup>1</sup>. Ngoài ra, huyện đã đầu tư 14 triệu đồng (tiền cũ) với 1,5 triệu ngày công của các hợp tác xã, xây dựng được 68 công trình thủy lợi vừa và nhỏ phục vụ cho việc tưới tiêu nước. Ở vùng gò đồi đã hình thành được 5 hồ chứa nước quy mô vừa và một số hồ nhỏ chứa được 11 triệu mét khối nước, trong đó có những hồ ở các xã Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Lâm, Hải Phú.

Nhờ có thêm nguồn nước tưới và đẩy mạnh phong trào thâm canh nên năng suất cây lúa tăng lên rõ rệt. Năm 1981 có 17 hợp tác xã thâm canh lúa với diện tích 2.000ha, đã đưa năng suất từ 50 tạ/ha/năm lên 82

---

1. Theo tư liệu do đồng chí Hoàng Xuân Hòa cung cấp.

tạ/ha/năm. Có 3 hợp tác xã đạt năng suất trên 70 tạ/ha/năm. Năm 1982 có 23 hợp tác xã đạt năng suất trên 50 tạ/ha/năm, 4 hợp tác xã đạt trên 75 tạ/ha/năm - đứng đầu về năng suất lúa trên toàn tỉnh; trong đó có các hợp tác xã Long Hưng (Hải Phú)<sup>1</sup>, trở thành ngọn cờ đầu của tỉnh Bình Trị Thiên trong phát triển nông nghiệp.

*Vùng gò đồi và miền núi:* Đã khai hoang, phục hóa được 4.600ha đưa vào trồng sắn, ngô và làm lúa vụ 10. Các xã khó khăn nhất như Hải Phúc<sup>2</sup> đã tự giải quyết được một phần nhu cầu lương thực. Đồng bào dân tộc thiểu số ở xã Hải Phúc bắt đầu đi vào định canh, định cư để ổn định cuộc sống.

Đi đôi với việc mở rộng diện tích, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo thâm canh, tăng vụ, xen canh, gối vụ, xây dựng các vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây xuất khẩu, cây dược liệu... Giữa lúc nhân dân Hải Lăng đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100/CT/TW (tháng 1-1981) về tổ chức công tác mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao

---

1. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ III* (đợt hai), Triệu Hải, ngày 8-11-1982.

2. Hải Phúc nhập vào huyện Hải Lăng từ năm 1975; đến năm 1990, Triệu Hải tách làm 2 huyện như cũ thì Hải Phúc nhập về huyện Triệu Phong; đến 1996, Hải Phúc nhập vào huyện Đa-  
Krông.

động (gọi tắt là Khoán 100). Chỉ thị 100/CT/TW nhanh chóng được bà con xã viên Hải Lăng đón nhận với tinh thần hồ hởi. Phong trào thi đua thực hiện "Khoán 100" phát triển mạnh mẽ, giải phóng được sức sản xuất và đem lại hiệu quả kinh tế cao; nhờ vậy đã đưa diện tích gieo trồng toàn huyện từ 30.347ha năm 1976 lên 32.450ha năm 1981, sản lượng lương thực 52.544 tấn năm 1976 lên 58.340 tấn năm 1981. Đến năm 1982 tuy vụ hè thu gặp khó khăn trong sản xuất, do hạn hán và nước mặn ở biển tràn vào làm mất trắng 1.500ha, một số diện tích do cơn bão số 6 ngày 6-9-1982 gây nên làm mất mùa trên diện rộng, song sản lượng lương thực vẫn đạt xấp xỉ bằng năm 1981. Tỷ trọng màu từ 19,8% năm 1976 tăng lên 26,2% năm 1981. Đến năm 1983, tổng sản lượng quy thóc toàn huyện đạt 62.123,9 tấn; năng suất bình quân trên ruộng hai vụ là 51,04 tạ/ha, riêng hợp tác xã Long Hưng đạt trên 100 tạ/ha<sup>1</sup>. Năm 1984, sản lượng lương thực của huyện đạt mức 62.540 tấn, đây là năm huyện Triệu Hải đạt sản lượng cao nhất kể từ ngày hợp nhất. Như vậy, nếu sản lượng lương thực bình quân hàng năm thời kỳ 1976 - 1980 là 49.750 tấn, thì thời kỳ 1981 - 1985 có năm đã tăng lên đến 62.540 tấn<sup>2</sup>.

---

1. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tình hình năm 1983*, Triệu Hải, ngày 25-12-1983, tr.1.

2. Đảng bộ huyện Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV*, Triệu Hải, ngày 30-8-1986, tr.1.

Cùng với cây lương thực, thực phẩm, các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây ăn quả, cây dược liệu bắt đầu hình thành, nhất là từ năm 1981. Vùng gò đồi đã phục hồi các nương chè cũ và trồng mới thêm một số diện tích (có hợp tác xã bình quân mỗi hộ trồng 500m<sup>2</sup> chè). Vùng đồng bằng đã triển khai trồng được 70ha mía nhằm giải quyết mật, đường cho nhân dân. Các loại cây trồng như lạc, vừng, đậu tương, thuốc lá dần dần được mở rộng, bước đầu hình thành được một số loại cây xuất khẩu chủ lực như ớt, tinh dầu... Đưa diện tích trồng cây công nghiệp và cây xuất khẩu từ 396ha năm 1980 lên 1.400ha năm 1985, chiếm gần 5% tổng diện tích gieo trồng toàn huyện<sup>1</sup>.

Ngành chăn nuôi cũng phát triển khá: năm 1976 mới có 42.725 con lợn, 6.312 con trâu, 1.550 con bò; đến năm 1981 có 60.049 con lợn (trong đó có 17.146 lợn nái), 8.959 con trâu, 6.900 con bò. Vịt đàn có năm nuôi đến 250.000 con. Nhiều xã nổi lên phong trào nuôi lợn khá như Hải Quy, Hải Vĩnh... Đối với đàn bò, dùng đực Sind thụ tinh với bò cái cỏ để tạo bê lai Sind; đàn lợn lấy đực Coocvan cho thụ tinh với nái Móng Cái thuần chủng tạo ra đàn lợn nuôi thịt F1; vịt Anh Đào, gà công nghiệp cũng được đưa vào sản xuất. Tính đến thời điểm 1985, đàn gia súc của nhân dân trong huyện phát triển tốt cả về chất lượng lẫn số

---

1. Đảng bộ huyện Triệu Hải: Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV, Triệu Hải, ngày 30-8-1986, tr.1.

lượng, với 60.000 con lợn, 9.000 con trâu, 14.700 con bò<sup>1</sup>.

Đảng bộ cũng tổ chức cho dân ở 13 hợp tác xã vùng đồng bằng đi lên vùng gò đồi để chăn nuôi bò đàn, trồng cây lâm nghiệp, cây nguyên liệu, cây lương thực, xây dựng hồ chứa nước, lập vườn gia đình theo hình thức "một cảnh hai quê".

Ngay từ năm 1977, Đảng bộ xác định cần phải tập trung đẩy mạnh hơn nữa kế hoạch phủ xanh bãi cát, nhất là trồng rừng ven biển, đồng thời trồng rừng ở vùng cát nội đồng. Trên các trục đường giao thông liên thôn, liên xã, đường ra đồng ruộng trồng cây bóng mát, cây lấy gỗ; trồng tre, mây xung quanh làng và dọc bờ sông. Vùng gò đồi và miền núi kết hợp trồng rừng nguyên liệu với tu bổ, bảo vệ rừng đầu nguồn, coi trọng việc kết hợp nông, lâm nghiệp ở tất cả vùng trồng cây đi đôi với lập vườn.

Để thực hiện chủ trương trên, huyện đã tổ chức giao đất, giao rừng đến hợp tác xã, đội sản xuất và hộ gia đình với diện tích 20.328ha. Đến năm 1981, toàn huyện đã trồng được 5.828ha rừng tập trung và 13.630.000 cây phân tán; hình thành được vành đai rừng dọc bờ biển, dê cát theo dải chữ nhất. Ở khu vực gò đồi bước đầu đã trồng được 60ha rừng thông nguyên liệu; rừng tràm chổi đặc sản, rừng đầu nguồn,

---

1. Đảng bộ huyện Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV*, Triệu Hải, ngày 30-8-1986, tr.2.

rừng tái sinh, rừng phòng hộ được bảo vệ. Trong phong trào trồng cây gây rừng đã nổi lên nhiều điển hình tốt như Lâm trường Triệu Hải, các xã Hải Lâm, Hải Phú, Hải Ba, Trường cấp I - II Hải Lâm... Từ năm 1981 đến năm 1985, toàn huyện trồng thêm được 1.416ha rừng tập trung và 11,7 triệu cây phân tán, tiếp tục hình thành đai rừng ven biển kết hợp kinh tế với quốc phòng<sup>1</sup>.

Với thành tích đã đạt được, Triệu Hải được công nhận là huyện có phong trào trồng cây gây rừng khá của khu vực duyên hải miền Trung, được Bộ Lâm nghiệp chọn làm nơi tổ chức hội nghị để các địa phương khác đến tham quan, học tập.

Để giải quyết đời sống cho nhân dân vùng biển, Đảng bộ chủ trương phát triển kinh tế tổng hợp, đánh bắt, chế biến hải sản, trồng rừng, trồng cây lương thực, đầu tư vốn cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đánh bắt hải sản, đồng thời mở ra nhiều ngành nghề khác, tạo điều kiện cho ngư dân ở các vùng ven biển không những đánh bắt mà còn nuôi trồng và sản xuất, chế biến hải sản. Toàn huyện có trên 50 tập đoàn đánh bắt cá biển. Năm 1980 các xã vùng biển đánh bắt được 900 tấn, làm nghĩa vụ với nhà nước 277 tấn; năm 1981 tăng lên 1.100 tấn; năm 1985 tăng cao hơn với gần 1.600 tấn, trong đó có 70 tấn hải sản

---

1. Đảng bộ huyện Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV*, Triệu Hải, ngày 30-8-1986, tr.2.

quý, tươi xuất khẩu đạt giá trị 47.743 rúp - đô la<sup>1</sup>. Phong trào nuôi trồng rau câu vùng hồ đầm nước lợ ở Triệu Phong, nuôi cá nước ngọt cũng đã phát triển rộng rãi trong 30 hợp tác xã của huyện.

Việc nuôi cá nước ngọt tuy mới bắt đầu nhưng có triển vọng phát triển. Một số hợp tác xã và gia đình đã biết lấy việc nuôi cá làm nghề kinh doanh. Các ao hồ tự nhiên được các hợp tác xã tận dụng, một số gia đình tự đào ao thả cá. Đến năm 1981 toàn huyện có 30ha ao hồ nuôi cá. Riêng hợp tác xã Long Hưng xây dựng được hệ thống cho cá sinh sản nhân tạo, cung cấp một lượng con giống đáng kể để nuôi thả trên địa bàn huyện và bán ra nhiều địa phương khác.

Phát triển tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện được Đảng bộ xác định phương hướng là kết hợp nông - công nghiệp từ đầu và từ cơ sở, nhằm phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nhờ vậy, mặc dù có những khó khăn về vật tư, nguyên liệu, nhưng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn được tổ chức duy trì và có bước phát triển.

Phòng Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện Triệu Hải có nhiệm vụ quản lý một số xí nghiệp quốc doanh, tập hợp các hợp tác xã và các tập đoàn cũng như những cá thể sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong huyện. Phòng giúp các cơ sở xây dựng kế hoạch sản

---

1. Đảng bộ huyện Triệu Hải: Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV, Triệu Hải, ngày 30-8-1986, tr.2.

xuất, khôi phục các ngành nghề có điều kiện phát triển. Tính đến năm 1984, huyện có 3 xí nghiệp quốc doanh, 22 hợp tác xã, 59 tổ, đội sản xuất chuyên nghiệp trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Huyện có trạm cơ khí vừa sửa chữa máy móc nông nghiệp vừa phục vụ khâu làm đất mỗi vụ 6.000ha. Xưởng sửa chữa trung tu và đại tu được các loại máy, sản xuất các loại máy công tác đi theo máy kéo, các công cụ cầm tay, công cụ cải tiến, công cụ chế biến nông sản. Ở thị trấn Triệu Hải có hợp tác xã cơ khí tham gia vào việc sửa chữa các loại máy nông nghiệp, sản xuất bình bơm thuốc sâu, máy tuốt lúa. Trong các hợp tác xã nông nghiệp hình thành tổ hoặc đội cơ khí làm nhiệm vụ bảo dưỡng và vận hành máy nông nghiệp. Ngoài ra, các lò rèn tư nhân tham gia sản xuất các loại công cụ cầm tay như cuốc, liềm, hái, xẻng... cũng phát triển ở một số xã.

Ngành vật liệu xây dựng có một hợp tác xã chuyên nghiệp và 42 lò gạch ngói trong hợp tác xã nông nghiệp, với công suất 20 triệu viên gạch và 3 triệu viên ngói một năm. Những cơ sở sản xuất được nhiều người biết đến như Hợp tác xã gạch ngói Hải Sơn, Hợp tác xã 19-3 Hải Quy, Hợp tác xã 19-8 Hải Trường... Có hai hợp tác xã sản xuất vôi xây dựng và 8 lò nung vôi bón ruộng với công suất gần 1 vạn tấn một năm, tiêu biểu là Hợp tác xã 3-2 Diên Sanh và Hợp tác xã vôi Hải Chánh.

Huyện đã hình thành một số cơ sở chế biến nông - lâm sản, như chế biến mật mía, rượu cồn, tinh dầu



tràm, sả, bạc hà, lương thực; xây dựng được 10 hợp tác xã và các tổ hợp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu như mộc dân dụng, cửa xẻ gỗ, hình thành một hợp tác xã chuyên cửa xẻ gỗ có công suất 3.000 mét khối/năm. Có ba hợp tác xã chuyên sản xuất chổi đót, một hợp tác xã dệt khăn mặt, hai hợp tác xã chuyên khai thác cát sạn. Ngoài ra, một số hợp tác xã nông nghiệp đã mở thêm các ngành nghề như thêu ren, mây tre, chổi đót, làm muối, gạch ngói, dệt sấm lưới và nghề mộc, nề...

Nhìn chung, tiểu thủ công nghiệp của huyện từ những khó khăn ban đầu đã tiến đến đạt được tổng giá trị sản lượng hàng năm cao dần: năm 1981 đạt 62 triệu đồng, năm 1985 tăng lên 106 triệu đồng, bình quân hàng năm tăng 14,4%. Các ngành sản xuất được hình thành, có ngành mới phát triển, và công nghiệp đã bước đầu chú ý hướng vào việc phục vụ nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Để đáp ứng yêu cầu giao thông vận tải tại địa phương, góp phần tích cực vào việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà, Đảng bộ chủ trương xây dựng, phát triển cả hệ thống giao thông đường bộ lẫn đường thủy.

Đối với đường bộ, nhiệm vụ trước mắt là khắc phục và bảo dưỡng các tuyến đường chính, như đường liên thôn, liên xã và đường ở trung tâm huyện lỵ. Kết quả đã làm được 87 km đường huyện, 891 km đường liên xã, liên thôn, làm mới được 13 cầu, trong đó có 7 cầu bắc qua 3 sông lớn với nguồn vốn của Nhà nước và

vốn tự có trong các hợp tác xã. Những cơ sở tiêu biểu cho việc xây dựng tuyến đường liên thôn là hợp tác xã Long Hưng, hợp tác xã Vĩnh Thắng... Các phương tiện phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa cũng tăng lên nhanh chóng. Năm 1981 toàn huyện có 2.645 chiếc xe vận tải thô sơ, đến 1984 đã tăng lên 3.461 chiếc, cùng với 28 ô tô vận tải và 40 ô tô chở khách. Tàu thuyền vận tải cũng được huyện khuyến khích sửa chữa và đóng mới thêm, nên đến năm 1985 có được 73 chiếc.

Ngành bưu điện huyện cũng nhận được sự quan tâm thường xuyên của Đảng bộ, có cố gắng mở rộng mạng lưới, nâng cao năng lực hoạt động của các phương tiện, luôn đảm bảo được thông tin liên lạc giữa tỉnh và huyện, giữa huyện và xã. Song hoạt động chủ yếu vẫn là công tác chuyển phát sách, báo, thư tín, công văn, giấy tờ.

Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán nhanh chóng phát triển xuống tận cơ sở, phương châm hoạt động là thu mua, phân phối đến tận tay người tiêu dùng.

Cùng với phong trào chung của cả nước, cả tỉnh, huyện đã thành lập Ban Cải tạo công thương nghiệp tư nhân, sắp xếp lại những người buôn bán nhỏ, phát triển thương nghiệp quốc doanh. Kết quả, toàn huyện đã có 25 cửa hàng thương nghiệp quốc doanh, 89 cửa hàng mua bán với 490 mẫu dịch viên (trong đó mẫu dịch viên quốc doanh là 377 người). Doanh số bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán

năm 1981 là 25,1 triệu đồng, đến 1985 tăng lên 104,2 triệu đồng, chiếm 53% doanh số thị trường bán lẻ. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán có nhiều cố gắng vươn lên, từng bước làm chủ thị trường, góp phần đắc lực trong việc ổn định giá cả và phục vụ đời sống của nhân dân.

Công tác thu mua cũng có nhiều biến chuyển, các mặt hàng chủ yếu được thu mua hàng năm tăng dần: lương thực từ 12.000 đến 13.000 tấn, thịt lợn từ 500 đến 600 tấn, ớt khô xuất khẩu từ 500 đến 600 tấn, nông hải sản hàng trăm tấn. Tỷ lệ huy động trên nhiều mặt hàng tăng rõ rệt: lương thực huy động bình quân là 16,64%, ớt huy động bình quân 54% <sup>1</sup> (năm 1985 đạt mức cao nhất là gần 83%), còn chổi đót thì hầu hết sản phẩm sản xuất ra đều được thu mua.

Công tác xuất nhập khẩu được Đảng bộ tập trung chỉ đạo nên có sự chuyển biến rõ rệt. Kim ngạch xuất khẩu năm 1981 là 10 vạn rúp - đô la đã tăng lên hơn 1 triệu rúp - đô la vào năm 1985. Nhiều mặt hàng nông, lâm, hải sản có giá trị xuất khẩu được chú ý khai thác <sup>2</sup>.

Cơ sở vật chất của ngành phân phối lưu thông được xây dựng từ huyện xuống xã. Huyện có cửa hàng bách

---

1. Ớt xuất khẩu được xem là mũi nhọn, năm 1984 xuất khẩu được 724 tấn.

2. Đảng bộ huyện Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV*, Triệu Hải, ngày 30-8-1986, tr.3 - 4.

hóa tổng hợp, cửa hàng ăn uống, cửa hàng thực phẩm, cửa hàng lương thực, cửa hàng vật liệu, hợp tác xã mua bán huyện. Ở các xã có hợp tác xã mua bán. Đối với các tiểu vùng như Hội Yên, Mỹ Chánh, Diên Sanh... có cửa hàng bách hóa tổng hợp, cửa hàng lương thực của huyện.

Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ 1981 đến 1985 trên địa bàn huyện là 200 triệu đồng (tiền cũ), chưa kể vốn của công trình Đại thủy nông Nam Thạch Hãn, trong đó vốn do nhân dân đóng góp và từ hợp tác xã trên 100 triệu đồng (tiền cũ) và hàng vạn ngày công.

Trong hoàn cảnh đất nước còn khó khăn, Đảng bộ huyện chủ động xác định những công trình trọng điểm cho từng ngành, vận dụng phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm để tiến hành xây dựng trên các lĩnh vực, đặc biệt là chỉ đạo xây dựng một số cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng có ý nghĩa chiến lược trên địa bàn huyện. Trong đó nổi lên là công trình Đại thủy nông Nam Thạch Hãn với các tuyến kênh N1A, N2A, N4, N6 và các kênh cấp 2, cấp 3; hệ thống các hồ chứa nước vùng gò đồi, trạm bơm chống úng Hải Hòa, Hải Dương và hệ thống đê bao; xây dựng các cống tiêu, cầu qua sông, đường liên thôn, liên xã. Nhiều hợp tác xã như Long Hưng, Câu Nhi, Hưng Nhơn... đã bắt đầu quy hoạch kiến thiết đồng ruộng. Các trạm trại phục vụ cho nông nghiệp như bảo vệ thực vật, thú y, giống cây trồng, giống lợn,

thủy nông, cơ khí sửa chữa được xây dựng và hoạt động đắc lực cho mặt trận nông nghiệp.

Hệ thống công trình phục vụ sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và an ninh - quốc phòng được quan tâm xây dựng, nhiều xã trong huyện có trường phổ thông cơ sở. Huyện có hai trường phổ thông trung học, một trường đặt ở thị trấn Triệu Hải và một trường ở Hải Lăng; có một trường phổ thông lao động cấp II và III cùng các trường bồi dưỡng, trường nông nghiệp, trường Đảng... Mỗi xã có trụ sở, một trạm xá, một trường cấp I và II do ngân sách đầu tư, có bệnh viện đa khoa ở thị trấn Triệu Hải và 1 bệnh viện ở Diên Sanh gồm 200 giường bệnh, xây dựng 1 sân vận động ở thị trấn và 2 rạp chiếu phim ở thị trấn Triệu Hải và Diên Sanh.

#### *b) Văn hóa - xã hội*

Các hoạt động văn hóa - văn nghệ cách mạng, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới được đẩy mạnh. Huyện thành lập đội văn nghệ huyện, xây dựng các đội văn nghệ quần chúng ở đều khắp các xã, cơ quan, và có cả đội chiếu bóng lưu động. Một số xã trong huyện thường xuyên tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, tổ chức những buổi biểu diễn văn nghệ, chủ động đón tiếp các đội văn nghệ của đơn vị bạn đến tham gia biểu diễn, giao lưu văn hóa. Năm 1984 toàn huyện có 180 buổi biểu diễn văn nghệ chuyên nghiệp với 18 vạn lượt người xem, doanh thu đạt 1,2 triệu đồng; văn nghệ quần chúng với 370 buổi biểu diễn, cũng thu hút

gần 18 vạn lượt người xem, doanh thu là 1,55 triệu đồng<sup>1</sup>. Nhân kỷ niệm 10 năm giải phóng Quảng Trị, năm 1985 các xã đã tổ chức sinh hoạt văn nghệ quần chúng, tuyển chọn nhiều tiết mục hay tham dự hội diễn văn nghệ mùa xuân của huyện. Phong trào văn nghệ quần chúng rất được coi trọng, nhất là ở các cơ sở hợp tác xã; nhiều nơi thường phát động các đợt thi đua văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt câu lạc bộ như Hải Thiện, Hải Quy, Hải Thượng, Hải Phú, Hải Tân, Hải Quế...

Mạng lưới thông tin tuyên truyền được củng cố từ huyện đến cơ sở, bám sát nhiệm vụ chính trị của trung ương, địa phương để phản ánh, nhằm giáo dục, giác ngộ và nâng cao trình độ nhận thức của quần chúng. Phòng Văn hóa - Thông tin và Đài truyền thanh của huyện được tách làm hai bộ phận để đáp ứng yêu cầu thực tế của địa bàn huyện. Tiến hành xây dựng thư viện và trạm truyền thanh ở thị trấn và một số xã lân cận. Năm 1978 có từ 7 đến 8 trạm truyền thanh ở các hợp tác xã lớn. Năm 1980 huyện có 5 đài trạm truyền thanh. Đến năm 1985 tăng lên 12 đài trạm truyền thanh, chuyên chuyển tải thông tin, thời sự và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân.

Công tác phát hành sách, báo và hoạt động của thư viện huyện ngày càng mở rộng. Năm 1982 phát hành

---

1. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tóm tắt tình hình 1984*, Quảng Trị, 12-1984.

được 10.000 bản sách và hơn 60.000 tờ báo, văn hóa phẩm <sup>1</sup>. Hoạt động chiếu phim cũng được đẩy mạnh, năm 1984 chiếu được 1.975 buổi, có 1,15 triệu lượt người xem, đạt doanh thu 15,5 triệu đồng <sup>2</sup>.

Phong trào thể dục thể thao của huyện cũng diễn ra khá sôi nổi, rộng khắp dưới nhiều hình thức. Nhiều xã và cơ quan, trường học tổ chức được đội bóng chuyền, bóng đá, đua thuyền truyền thống, thi điền kinh, thể dục thể thao. Nổi bật là năm 1981 phong trào thi đua thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe được phát động và duy trì ở nông thôn cũng như trong khối cơ quan quân sự, công an huyện. Bóng đá, bóng chuyền phát triển mạnh. Toàn huyện Triệu Hải có 22 đội bóng chuyền, 9 đội bóng đá, riêng Hải Lăng có 15 đội bóng chuyền, 9 đội bóng đá. Phong trào đua thuyền phát triển mạnh nhất trong 10 xã. Phong trào bóng chuyền sôi nổi nhất là các xã Hải Thượng, Hải Xuân, Hải Thọ, Hải Lâm, Hải Dương... Các xã mạnh về bóng đá là Hải Chánh, Hải Ba, Hải Dương, Hải Vĩnh, Hải Quế, Hải Thọ, Hải Thành... Một số xã đã có sân bóng đá như Hải Thọ, Hải Chánh, Hải Dương, thường xuyên tham gia tốt các giải của tỉnh tổ chức <sup>3</sup>.

---

1. Ủy ban nhân dân huyện Triệu Hải: *Báo cáo của UBND huyện Triệu Hải trong kỳ họp thứ 3 khóa III Hội đồng nhân dân huyện Triệu Hải*, Quảng Trị, tháng 12-1982.

2. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tóm tắt tình hình 1984*, Quảng Trị, 12-1984.

3. Tư liệu lưu giữ tại Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao Hải Lăng.

Năm 1984 có trên 1.000 vận động viên tham gia Đại hội Thể dục thể thao của huyện .

Sau ngày giải phóng cho đến thời kỳ hợp nhất, huyện mới có hai trường cấp III ở Diên Sanh và Triệu Phong (đặt tại thị trấn Triệu Hải); cấp II, cấp I chỉ có các lớp học chứ hầu như không có trường. Với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện đầu tư vốn xây dựng 7,2 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 4,5 triệu đồng để xây dựng trường, lớp. Tính đến năm 1982 toàn huyện xây dựng được 46 trường học các loại, 663 phòng học cho 50.000 học sinh các cấp, có 360 lớp mẫu giáo thu nhận 10.919 cháu, 230 nhà trẻ thu nhận trên 6.000 cháu <sup>1</sup> . Trong công tác giáo dục, Đảng bộ chú trọng phát triển cả ba ngành học là nhà trẻ - mẫu giáo, phổ thông và bổ túc văn hóa.

Về giáo dục phổ thông cơ sở, các cấp học phát triển nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng. Năm học 1977 toàn huyện có 43 trường, trong đó có 1 trường cấp I, còn lại là 42 trường cấp I và II. Đến năm 1985 số trường trung học cơ sở tăng lên 47, với 35.380 học sinh. Chất lượng đào tạo cũng tăng lên rõ rệt, liên tục nhiều năm huyện đều có học sinh giỏi đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia. Năm 1981 có gần 200 học sinh giỏi. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở từ 90,7% năm 1980 tăng lên 98,5% năm 1984. Bậc phổ

---

1. Huyện ủy Triệu Hải: Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ III (đợt hai), Triệu Hải, ngày 8-11-1982, tr.12.



thông trung học tăng từ 83,4% năm 1980 lên 95,4% năm 1985. Tỷ lệ học sinh huy động chiếm khoảng 30% dân số của huyện <sup>1</sup>.

Cùng với ngành học phổ thông, khắp nơi trên địa bàn huyện đẩy lên phong trào bổ túc văn hóa, toàn dân đi học xóa nạn mù chữ và chống tái mù. Trường Bổ túc văn hóa 2 huyện Hải Lăng và Triệu Phong sáp nhập lại thành trường Phổ thông lao động, có đủ cả 3 cấp học. Năm học 1977 - 1978 cấp I có 6 lớp với 226 học viên, cấp II có 4 lớp với 153 học viên, cấp III có 4 lớp với 150 học viên <sup>2</sup>. Năm 1979 có 17.822 học viên hầu hết là nông dân, thanh niên nam nữ tham gia học bổ túc văn hóa, đạt 90% kế hoạch trong năm <sup>3</sup>. Đến năm 1985 huyện cơ bản xóa được nạn mù chữ và phổ cập cấp I cho toàn dân, triển khai phổ cập cấp II cho cán bộ chủ chốt và thanh niên. Có 36 xã và 35 cơ quan được công nhận phổ cập theo chỉ thị 115. Học viên bổ túc văn hóa thi tốt nghiệp cấp II đỗ 449/732 người, cấp III đỗ 120/121 người.

Đối với ngành học mẫu giáo và nhà trẻ, cơ sở giáo dục của ngành học được hình thành và phát triển nhanh chóng khắp nơi trong huyện, thu hút ngày càng đông đảo các cháu theo học. Năm học 1978 -

---

1. Phòng Thống kê huyện Triệu Hải: số liệu thống kê ngày 6-4-1985.

2. Theo tư liệu của ngành giáo dục tỉnh Quảng Trị.

3. Hội Nông dân tập thể huyện Triệu Hải: *Báo cáo hoạt động của Hội Nông dân tập thể huyện Triệu Hải năm 1979*, Triệu Hải, 1979.

1979 ở 40 xã đã có lớp học mẫu giáo, chỉ tiêu huy động 30.000 cháu, nhưng mới chỉ có 9.423 cháu đi học. Xã Hải Tân không những trở thành lá cờ đầu về phong trào mẫu giáo của huyện, mà còn là một trong hai địa phương hàng đầu của cả nước (một ở huyện Hải Hậu tỉnh Hà Nam Ninh cũ). Đã có 15 xã mở nhà trẻ và 92 nhóm giữ trẻ ra đời, với 204 giáo viên nuôi dạy trẻ, thu hút gần 5.200 cháu <sup>1</sup>. Đến năm học 1984, nhà trẻ đã có đội ngũ giáo viên hùng hậu với 495 người, thu hút 3.649 cháu đến lớp. Mẫu giáo có 38 trường, 296 giáo viên, có 7.551 cháu theo học <sup>2</sup>.

Sự nghiệp phát triển y tế cũng được quan tâm xây dựng. Huyện đã tập trung xây dựng mạng lưới y tế từ huyện xuống cơ sở, nâng cấp và xây dựng một số cơ sở khám chữa bệnh như bệnh viện Triệu Hải, bệnh viện khu vực Hải Lăng, 100% xã có trạm xá <sup>3</sup>. Từng bước nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế, thực hiện tốt chức năng điều trị và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Huyện đã gửi đi đào tạo cán bộ y tế tuyến xã tại Trường Đại học Y Huế và nhiều trường khác.

Năm 1977 huyện có 307 cán bộ y tế trong đó có 7 bác sĩ; đến năm 1985 có 367 cán bộ y tế, trong đó có

---

1. Đoàn Thanh niên Triệu Hải: *Báo cáo tổng kết công tác Đoàn Triệu Hải năm 1978*, Triệu Hải, 1978.

2. Phòng Thống kê huyện Triệu Hải: số liệu thống kê ngày 6-4-1985.

3. Tư liệu do đồng chí Nguyễn Đức Cam, nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Hải Lăng, cung cấp.

8 bác sĩ. Năm 1985 bệnh viện Hải Lăng được trang bị xe hồng thập tự do tổ chức y tế Hà Lan viện trợ. Công tác quản lý khám và điều trị ngày càng đi vào nề nếp, đảm bảo chất lượng trong chẩn đoán nội khoa và tiểu phẫu. Năm 1977, khám và điều trị cho 207.650 lượt người, đến năm 1985 số lần khám bệnh tăng lên 540.293 lượt người. Y tế huyện đã phát động phong trào giữ gìn vệ sinh môi trường góp phần từng bước đẩy lùi các dịch bệnh, nhất là sốt rét và các bệnh xã hội. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được các xã trong huyện thực hiện khá tốt, có 8 xã được công nhận đã dứt điểm công trình hố xí 2 ngăn, 6 xã dứt điểm công trình giếng nước. Phong trào trồng cây thuốc Nam, pha chế và chữa bệnh bằng thuốc Nam, với phương châm "đông - tây y kết hợp" đã bước đầu được triển khai trong toàn huyện, có 6 xã đạt chất lượng tốt và sử dụng thuốc Nam trong chữa bệnh có hiệu quả. Công tác kế hoạch hóa gia đình thực hiện tốt. Năm 1977 có 780 phụ nữ thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, đến năm 1984 tăng lên 1.076 phụ nữ, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,3 % giảm xuống còn 1,7%.

Là một địa phương có phong trào cách mạng khá sớm, lại bị chiến tranh tàn phá kéo dài, đối tượng chính sách đông, nên sau nhiều năm chiến tranh, công tác chính sách xã hội phải gánh vác nhiệm vụ hết sức quan trọng và nặng nề. Với đạo lý "uống nước nhớ nguồn", đến năm 1982 công tác điều tra, xác nhận từng trường hợp cụ thể để thực hiện chính sách cơ bản đã được hoàn thành.

Đồng thời với việc giải quyết chính sách xã hội, cuộc vận động của Đảng bộ về "Xây dựng người công dân kiểu mẫu, gia đình cách mạng gương mẫu" đem lại kết quả tốt, tạo được khí thế thi đua sôi nổi trong quần chúng. Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, trẻ em mồ côi và những người tàn tật ngày càng được quan tâm hơn.

Tuy nhiên, công tác xem xét khen thưởng về thành tích trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xác nhận gia đình có công cách mạng có mặt chưa sát đúng và kéo dài, việc quản lý các đối tượng chính sách chưa thật tốt, chính sách hậu phương quân đội nhiều nơi chưa thực sự được xem trọng. Đời sống các gia đình chính sách ở một số nơi vẫn còn khó khăn.

Bước sang năm 1983, Đảng bộ triển khai thực hiện chính sách khen thưởng kháng chiến sâu rộng trong toàn huyện, đồng thời xác định các đối tượng, tiếp tục điều hòa lương thực và ưu tiên giải quyết ruộng đất thuận lợi cho các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện. Đặc biệt sau cơn lũ tháng 10 năm 1983, ngành thương binh - xã hội đã cùng các ngành có liên quan tiếp nhận và phân phối hàng trăm tấn lương thực, hàng hóa để cứu trợ kịp thời cho các vùng bị nạn, góp phần nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân<sup>1</sup>.

Cùng với các nhiệm vụ nói trên, Đảng bộ đẩy mạnh công tác quy tập mộ liệt sĩ, xây dựng nghĩa

---

1. Huyện ủy Triệu Hải: Báo cáo tình hình năm 1983, Triệu Hải, ngày 25-12-1983, tr.6 - 7.

trang liệt sĩ. Việc xây dựng nghĩa trang liệt sĩ được nhiều xã thực hiện tốt, có những xã huy động hàng trăm nghìn đồng (tiền cũ) và hàng ngàn ngày công xây dựng, được quần chúng nhân dân tích cực tham gia. Các đợt cứu trợ đợt xuất được tiến hành tốt <sup>1</sup>.

*c) Quốc phòng - an ninh*

Chủ trương kết hợp chặt chẽ kinh tế - văn hóa với an ninh - quốc phòng, tiếp tục xây dựng pháo đài quân sự ở huyện và các xã được Đảng bộ và nhân dân Triệu Hải quán triệt và thực hiện tốt; thường xuyên giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao cảnh giác, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, củng cố quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ với số lượng chiếm đến 11% dân số vào năm 1985 <sup>2</sup>, tổ chức củng cố lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu và các thủ đoạn chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Hàng năm, huyện làm tốt công tác tuyển quân đưa thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt và vượt chỉ tiêu được giao. Quần chúng nhân dân tích cực tham gia phong trào phòng thủ bờ biển, tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới tây - nam và phía bắc. Công tác hậu

---

1, 2. Đảng bộ huyện Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV*, Triệu Hải, ngày 30-8-1986, tr.6, 7.

cần, hậu phương quân đội được đẩy mạnh, nhiều xã và hợp tác xã có quỹ dự trữ quốc phòng. Lực lượng công an nhân dân từ huyện đến cơ sở được củng cố, 80% số thôn, xã đã thành lập tổ an ninh nhân dân, trong đó có 65% số tổ hoạt động tốt.

Đảng bộ cũng ngăn chặn kịp thời các vụ gây rối, xóa bỏ tổ chức phản động "Dân quân Phục quốc" ở Hải Thọ; vạch trần bộ mặt của bọn phản động lợi dụng các tôn giáo xuyên tạc, bôi nhọ chế độ bằng chiến tranh tâm lý, phá hoại về mặt tư tưởng, ngăn chặn các vụ hoạt động gián điệp của kẻ thù; đồng thời trừng trị nghiêm khắc bọn lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn; phát hiện kịp thời và ngăn chặn các vụ vượt biên, vượt biển trốn ra nước ngoài và các loại tội phạm tham ô, trộm cắp, phá hoại tài sản của Nhà nước và nhân dân. Lực lượng công an nhân dân phục vụ tốt công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữ gìn an ninh chính trị của huyện nhà, làm giảm bớt những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

## **2. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể**

### *a) Xây dựng Đảng*

Đảng bộ Triệu Hải được sáp nhập từ nhiều cơ sở đảng của hai huyện Hải Lăng và Triệu Phong cũ, có các cơ quan, xí nghiệp của cấp trên đóng ở địa bàn huyện, trình độ, chất lượng đảng viên không đồng đều, tính chất và nhiệm vụ của các cơ sở đảng khác nhau. Từ đặc điểm đó, Đảng bộ huyện Triệu Hải tập

trung chăm lo công tác xây dựng Đảng, nâng cao trình độ, ý thức trách nhiệm, phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, kiện toàn tổ chức đảng từ huyện đến cơ sở nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ cách mạng mới.

Đại hội Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ I, được coi là đại hội hợp nhất, tổ chức từ ngày 27 đến 30-4-1977 tại Diên Sanh đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 27 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Lê Văn Hoan được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Hồng Minh giữ chức Phó Bí thư thường trực và đồng chí Trần Xuyên Tâm là Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Ủy viên Thường vụ khoá I gồm 9 đồng chí <sup>1</sup>.

Tiếp đến, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II diễn ra tại thị trấn Triệu Hải <sup>2</sup> từ ngày 10 đến 13-1-1980. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 33 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ có 11 đồng chí, do đồng chí Lê Văn Hoan làm Bí thư, đồng chí Hồ Ánh Ngân và Trần Xuyên Tâm làm Phó Bí thư <sup>3</sup>.

Trong phương hướng, nhiệm vụ trước mắt và những năm tiếp theo, cả hai đại hội đều coi trọng việc tổ

---

1. Danh sách cụ thể xem ở phần Phụ lục.

2. Năm 1978, thị trấn Triệu Hải được thành lập từ phần đất các thôn Tri Bưu, Thạch Nham của xã Hải Trí. Sau khi tách huyện năm 1990, thị trấn Triệu Hải trở thành thị xã Quảng Trị.

3. Danh sách cụ thể xem ở phần Phụ lục.

chức, tăng cường sức mạnh của hệ thống chuyên chính vô sản, quyết tâm xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, nhằm nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ chính trị trước tình hình mới; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, trong đó tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết 6 và Chỉ thị 72 của Trung ương Đảng, nâng cao cảnh giác, xây dựng ý chí chiến đấu, quyết tâm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu; đòi hỏi mỗi đảng viên phải có tinh thần tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chống bảo thủ, trì trệ, phát huy vai trò lãnh đạo và phải thấm nhuần tư tưởng cán bộ là người đầy tớ trung thành của nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực; phải xây dựng tinh thần đoàn kết nhất trí, phê và tự phê nghiêm túc, có ý thức tổ chức kỷ luật, thường xuyên nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ cách mạng ngày càng tốt hơn.

Huyện ủy rất quan tâm củng cố đảng bộ, chi bộ cơ sở, làm cho "Đảng bộ, chi bộ cơ sở bảo đảm 5 yêu cầu: lãnh đạo sản xuất phát triển; cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất; phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, làm tốt các chính sách để làm đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; bảo đảm an ninh, chính trị, xã



hội, xây dựng quốc phòng và tổ chức đảng và đoàn thể vững mạnh" <sup>1</sup>.

Nội dung sinh hoạt trong tổ chức đảng cũng luôn được cải tiến, sinh hoạt bảo đảm đúng kỳ. Đảng bộ còn tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng với chính quyền để phát huy hiệu lực của bộ máy quản lý, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, sắp xếp đội ngũ cán bộ đảm nhận nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, cho đi đào tạo cán bộ tại huyện, tỉnh và đào tạo tại chức; thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ, cải tiến chế độ làm việc của tổ chức đảng, bám vào các nghị quyết để nắm công tác trung tâm từng thời kỳ mà lãnh đạo và tổ chức thực hiện; đồng thời quy định chức năng, nhiệm vụ cho từng tổ chức, con người, hàng tháng có chương trình công tác cụ thể, có kiểm tra rõ ràng.

Về công tác phát triển Đảng và phân loại chất lượng đảng viên, tính đến tháng 1-1980 tổng số đảng viên toàn huyện là 1.821 người; qua phân loại có 1.433 đảng viên đủ tư cách, số đảng viên cần phải xem xét tư cách chiếm tỷ lệ 21% so với tổng số đảng viên đã phân loại. Đảng bộ mở nhiều lớp bồi dưỡng cho 429 đối tượng, kết nạp 127 đảng viên <sup>2</sup>.

Đến tháng 6 năm 1980, Đảng bộ duyệt phân loại 51 cơ sở đảng và duyệt làm thủ tục phát thẻ đảng viên cho 38/85 cơ sở đảng, gồm 1.220 đồng chí và đã

---

1, 2. Đảng bộ huyện Triệu Hải: Báo cáo tại Đại hội Đảng bộ lần thứ II của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải, Quảng Trị, tháng 1-1980.

tổ chức phát thẻ được 324 đồng chí, chiếm 12,8% so với tổng số đảng viên toàn huyện; tiếp tục kiểm tra, rà soát lại tư cách đảng viên để tiến hành phát thẻ trong đợt kế tiếp, phát triển 34 đảng viên mới, đồng thời đưa ra khỏi đảng 16 người thoái hóa, biến chất hoặc vi phạm điều lệ Đảng.

Năm 1982, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III được tiến hành từ ngày 8 đến 13-11 tại thị trấn Triệu Hải. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 33 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy có 11 đồng chí, do đồng chí Lê Văn Hoan làm Bí thư (Sau khi đồng chí Lê Văn Hoan lên tỉnh nhận công tác, đồng chí Dương Quang Lưu được bầu giữ chức Bí thư), các đồng chí Phan Thế Thụ, Nguyễn Kham giữ chức vụ Phó Bí thư<sup>1</sup>.

Đại hội lần thứ III khẳng định: "Việc xác định nhiệm vụ chính không thể thoát ly đời sống của quần chúng nhân dân, khả năng tiềm tàng của địa phương và đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của sự nghiệp cách mạng"<sup>2</sup>. Đại hội đề ra mục tiêu đến năm 1985 là phải quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, làm cho đảng viên và nhân dân thấu suốt đường lối chung về cách mạng Việt Nam và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ. Bố trí cơ cấu kinh tế, xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội

---

1. Xem danh sách cụ thể ở phần Phụ lục.

2. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ III (đợt hai), Triệu Hải, ngày 8-11-1982.*

để tiến lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải giáo dục cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân luôn cảnh giác với âm mưu của các thế lực thù địch, giáo dục phẩm chất cách mạng, phê phán nghiêm khắc tư tưởng tiểu tư sản, chống tư tưởng tư sản. Làm tốt công tác bồi dưỡng chính trị, kiện toàn Ban Tuyên huấn, đội ngũ báo cáo viên. Bên cạnh đó, củng cố bộ máy chính quyền từ cấp huyện đến cơ sở.

Yêu cầu được đặt ra trong công tác xây dựng Đảng là phát triển Đảng một cách tích cực và vững chắc, vì có những cơ sở lực lượng đảng viên còn mỏng, tuổi đời bình quân của đảng viên cao. Để làm tăng sức chiến đấu mới thì phải trẻ hóa đội ngũ của Đảng, dựa vào phong trào quần chúng để lựa chọn, bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng, tích cực xây dựng nhóm trung kiên để tạo nguồn phát triển, các cơ sở đảng đều lên kế hoạch phát triển đảng viên.

Bám sát các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, các Nghị quyết của trung ương và của tỉnh, Đảng bộ đề ra nhiệm vụ chính trị thời kỳ này là nhanh chóng khôi phục sản xuất, giải quyết vấn đề lương thực, ổn định đời sống nhân dân, duy trì làm ăn tập thể, đẩy mạnh phong trào khai hoang, phục hóa, ổn định dân cư, kết hợp tốt giữa kinh tế với quốc phòng, chú trọng phát triển các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, tăng cường củng cố an ninh trật tự, làm thất bại âm mưu phá hoại nhiều mặt của kẻ thù.

Trong công tác tư tưởng, Đảng bộ giáo dục toàn Đảng, toàn dân nêu cao ý chí tự lực, tự cường, vượt

qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tổ chức những đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng để quần chúng hiểu rõ tình hình đất nước, kiên định lập trường cách mạng. Thông qua các đợt vận động xây dựng Đảng và thực hiện các chỉ thị 72, 81, 83 của Ban Bí thư, chất lượng đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên một bước.

Công tác tổ chức cũng luôn được Đảng bộ chú ý. Quán triệt Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị, Đảng bộ tiến hành triển khai xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng huyện, củng cố, kiện toàn cơ sở. Đến năm 1982, qua phân loại 89 cơ sở đảng, có 17 cơ sở vững mạnh. Trong số 35 cơ sở yếu kém sau khi củng cố, đã có 28 cơ sở vươn lên loại khá. Cấp ủy qua các kỳ đại hội được kiện toàn cả về số lượng lẫn chất lượng. Chế độ sinh hoạt Đảng đi vào nề nếp. Nội dung sinh hoạt Đảng ngày một cải tiến hơn.

Về công tác phát triển đảng viên mới, Đảng bộ đã kết nạp được 254 đảng viên, trong đó có 90% từ đoàn viên thanh niên, 41% là cán bộ cốt cán của xã và các ban, ngành cấp huyện. Tính đến Đại hội III, 100% cơ sở được phát thẻ Đảng với 2.136 đồng chí trong số 3.329 đảng viên chính thức.

Để giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh của Đảng, công tác kiểm tra được tăng cường một bước, đi sâu kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách, thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Đảng bộ đã xử lý

213 đảng viên vi phạm kỷ luật, đưa 109 đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Đảng bộ luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên. Nhằm nâng cao nhận thức và trình độ đảng viên, cán bộ, Đảng bộ đã tiến hành đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức khác nhau: học ở trung ương, ở tỉnh, học tập trung, học tại chức, mở lớp tập huấn tại các cụm... Trình độ đảng viên được nâng cao dần: có 86 cán bộ bồi dưỡng hết chương trình phổ thông cơ sở và trung học, 153 cán bộ học xong chương trình cơ sở, nhiều cán bộ được đào tạo hệ cao đẳng và trung cấp quản lý kinh tế - kỹ thuật, trung cấp chính trị; đề bạt 14 đồng chí tuổi đời còn trẻ giữ nhiều chức vụ lãnh đạo và quản lý cấp huyện, trong đó có 5 cán bộ phụ nữ; thực hiện tốt các chính sách đối với cán bộ hưu trí, mất sức.

Tuy nhiên, một số cơ sở Đảng còn yếu, chưa đủ sức lãnh đạo toàn diện, nhất là về kinh tế. Công tác phát triển Đảng chưa thực hiện theo kế hoạch, còn nhiều thôn trắng đảng viên, trắng chi bộ, tuổi đời bình quân ở nhiều đảng bộ còn cao, việc xử lý đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng có phần thiếu kiên quyết. Lực lượng đảng viên phân bố không đều, việc xây dựng cán bộ quy hoạch từ huyện đến cơ sở còn chậm, không ít cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Năm 1983 công tác phát triển Đảng có nhiều cố gắng hơn. Đảng bộ kết nạp được 113 đảng viên mới, tăng 2,7% so với năm trước. Công tác kiểm tra tiếp

tục được đẩy mạnh, xử lý 59 trường hợp đảng viên có sai phạm. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú ý, chọn 95 cán bộ đi học các trường<sup>1</sup>.

Tổng kết 6 tháng đầu năm 1984 cho thấy công tác xây dựng Đảng có những tiến triển rõ rệt, phát triển thêm 70 đảng viên, phần lớn là đoàn viên thanh niên ưu tú<sup>2</sup>. Trong 6 tháng đầu năm 1985 Đảng bộ kết nạp được 48 đảng viên, trong đó có 7 nữ; nhiều chi bộ, đảng bộ vươn lên loại khá và loại vững mạnh, 11 đơn vị được tặng cờ thi đua. Chỉ thị 24 được chấp hành nghiêm túc, tiến hành kiểm tra được 18 vụ, góp phần giáo dục, ngăn chặn sai phạm của cán bộ, đảng viên<sup>3</sup>.

#### *b) Xây dựng chính quyền*

Cùng với việc củng cố tổ chức đảng, bộ máy chính quyền ở huyện và cơ sở cũng được tổ chức lại. Qua các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp, bộ máy chính quyền huyện và cấp xã được tăng cường về số lượng lẫn chất lượng.

Từ năm 1977 đến năm 1985, có 4 khóa Hội đồng nhân dân huyện được bầu ra là khóa I (1977 - 1979), khóa II (1979 - 1981), khóa III (1981 - 1983), khóa IV (1984 - 1986).

---

1. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tình hình năm 1983*, Triệu Hải, 1983, tr.8.

2. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm 1984*, Triệu Hải, 1984, tr.5.

3. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm 1985*, Triệu Hải, 1985, tr.10.

Hội đồng nhân dân huyện Triệu Hải thực hiện nghiêm túc các kỳ họp, trung bình 6 tháng một lần, theo luật định; phát huy tốt vai trò của mình trong việc quyết định các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch, biện pháp nhằm tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng. Ngoài ra, trên cơ sở đề án của các ban, ngành liên quan, Hội đồng nhân dân huyện đã có Nghị quyết chuyên đề về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng... Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện đảm bảo tương đối sát thực với tình hình địa phương, thúc đẩy sự phát triển toàn diện trên các mặt hoạt động ở địa bàn huyện.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện là quản lý hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng... của địa phương, đảm bảo cho hiến pháp và pháp luật của Nhà nước được thực thi. Trong các nhiệm kỳ từ 1977 đến 1986, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Hải đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Ủy ban nhân dân huyện luôn giữ vững định kỳ sinh hoạt hàng tháng, hàng quý và hàng năm; đi sâu, đi sát nắm chắc tình hình các xã, các hợp tác xã; làm tốt công tác đối nội và đối ngoại, tranh thủ được sự quan tâm của các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước.

Tuy có những tiến bộ về mặt quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện, xã qua mỗi khóa, nhưng nhìn chung, bộ máy chính quyền huyện Triệu Hải vẫn

còn công kênh, mang nặng tính chất hành chính quan liêu, một số tổ chức chồng chéo nên hoạt động còn kém hiệu lực. Hệ thống chính quyền cấp xã nhiều nơi chưa đủ mạnh, năng lực quản lý các mặt còn non, chưa nắm chắc kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương, chưa làm tốt việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện, có nơi chính quyền chưa kiểm soát được hợp tác xã<sup>1</sup>; kỷ cương pháp luật thực thi đang còn ở trình độ thấp, có nơi còn tùy tiện.

Để khắc phục các tồn tại trên, huyện đã có một số biện pháp để tinh gọn bộ máy các phòng, ban, tăng cường hiệu quả công tác của chính quyền cấp huyện. Chính quyền ở các xã được củng cố thêm một bước để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Ủy ban nhân dân các xã đã cố gắng vươn lên thực hiện chức năng quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, biết bám sát các nghị quyết của cấp ủy để tổ chức thực hiện. Bộ máy cấp huyện bớt công kênh sau khi sắp xếp lại theo nghị quyết 86/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng; các ban, ngành được xác định lại chức năng, nhiệm vụ và phát huy hiệu lực tốt hơn. Một số công ty, xí nghiệp sau khi được phân cấp cho huyện đã gắn bó chặt chẽ với các hoạt động kinh tế trên địa bàn huyện.

### *c) Xây dựng mặt trận và đoàn thể*

---

1. Đảng bộ huyện Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IV*, Triệu Hải, ngày 30-8-1986, tr.10.



Với vai trò và vị trí của mình trong hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc huyện đã bám sát thực tiễn, nắm vững Nghị quyết của Đảng nhằm không ngừng tăng cường hoạt động, tập hợp rộng rãi quần chúng, đoàn kết thống nhất, nâng cao sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tính tự giác của toàn thể nhân dân trong quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng của Đảng. Mặt trận đã phát động nhiều phong trào như phát triển sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, toàn dân tham gia xây dựng Đảng và chính quyền, xây dựng các tổ chức đoàn thể quần chúng, xây dựng văn hóa, chăm lo đời sống nhân dân. Đặc biệt, mặt trận ra sức thực hiện cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa, quần chúng nhân dân được tập hợp gần 95% vào các tổ chức. Bộ máy lãnh đạo mặt trận từ huyện đến xã được kiện toàn một bước cả về số lượng lẫn chất lượng.

Năm 1978 - 1979, mặt trận đã hiệp thương cử ra 320 ứng cử viên tham gia Hội đồng nhân dân các cấp, trong đó có 80 người là đảng viên và 65 nữ <sup>1</sup>. Giai đoạn từ 1980 đến 1982, mặt trận tích cực vận động quần chúng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tham gia bầu cử năm 1981; đồng thời phát động cuộc vận động chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, xây dựng nếp sống mới, thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị, vận động thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu của Nhà nước.

---

1. Mặt trận Tổ quốc huyện Triệu Hải: *Báo cáo tổng kết công tác mặt trận năm 1978*, Triệu Hải, 1978, tr. 11.

Mặt trận đã tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, vận động cử tri đi bầu đạt 99,5%, có đơn vị đạt 100%, nhiệm kỳ 1984 - 1985. Ủy ban Mặt trận căn cứ chỉ thị 214 và 81 của Ban Bí thư Trung ương đã vận động xây dựng nếp sống văn hóa mới, có trên 50.000 lượt người dự. Phong trào tiết kiệm được đẩy mạnh; với tinh thần "lá lành đùm lá rách", tổ chức cứu trợ được gần 20 tấn thóc gạo, 40.000 cây tre, góp quỹ bảo thọ trên 2 triệu đồng<sup>1</sup>. Hoạt động của Hội Chữ thập đỏ, Hội Y học dân tộc, Hội Phụ lão...được đẩy mạnh. Thường xuyên quan tâm công tác tôn giáo và thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc xã Hải Phúc (nay thuộc huyện Đakrông) đúng mức.

Từ 1983 đến 1985, mặt trận đã có những đóng góp xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, giành thắng lợi trong "hai nhiệm vụ chiến lược" và "ba cuộc cách mạng". Vượt qua những thiên tai khắc nghiệt, với sức mạnh công - nông liên minh, tổng sản lượng lương thực toàn huyện hàng năm đều tăng, các phong trào chăn nuôi, trồng cây phát triển mạnh. Phong trào an ninh - quốc phòng liên tục được tỉnh và quân khu tặng cờ thi đua khá nhất. Mọi nghĩa vụ Nhà nước đặt ra đều hoàn thành tốt. Mặt trận đã góp phần tích cực làm tròn cuộc vận động cải tạo, củng cố quan hệ sản xuất mới.

---

1. Mặt trận Tổ quốc huyện Triệu Hải: *Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động mặt trận 1983 - 1986 và nhiệm vụ công tác mặt trận năm 1987 - 1990*, Triệu Hải, 1986, tr.9.

Bên cạnh những thành tựu đạt được rất đáng khích lệ, công tác mặt trận vẫn còn một số hạn chế: phong trào cơ sở chưa đều, chưa chủ động sáng tạo và phát huy hết chức năng trong nhiệm vụ chính trị của địa phương; hoạt động mặt trận chưa đi sâu và tập hợp hết các tổ chức thành viên, có vài biểu hiện thiếu đoàn kết, mất dân chủ...

Hội Nông dân huyện không ngừng được củng cố, với 340 tổ hội, 65 chi hội và 20 xã có tổ chức hội, trở thành huyện duy nhất ở Quảng Trị có tổ chức hội đều khắp trong huyện. Hàng trăm hộ nông dân được công nhận là hộ sản xuất giỏi cấp huyện và cấp tỉnh. Hải Quy được công nhận là đơn vị có phong trào tốt.

Hội Phụ nữ cũng được kiện toàn hệ thống tổ chức từ huyện đến xã. Chị em hội viên tham gia tích cực việc xây dựng, củng cố chính quyền, khôi phục và phát triển kinh tế. Hội phát động chị em hưởng ứng phong trào tiết kiệm, giúp đỡ gia đình thuộc diện chính sách, xây dựng gia đình văn hóa mới, thi đua lao động sản xuất, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, tích cực chăm lo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, tích cực hoạt động với khẩu hiệu thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà, phấn đấu thực hiện nam, nữ bình đẳng". Tính đến năm 1984, toàn huyện đã có 22.952 hội viên, trong đó cán bộ cốt cán là 2.023 người<sup>1</sup>.

---

1. Hội Phụ nữ huyện Triệu Hải: *Báo cáo tình hình phong trào phụ nữ huyện Triệu Hải năm 1984.*

Công đoàn huyện ngày càng được củng cố và phát triển, trình độ kiến thức chuyên môn của đoàn viên được nâng cao, đã tiến hành phổ cập cấp I, II và III cho các đoàn viên công đoàn. Đến năm 1982, công đoàn huyện có 42 cơ sở, với lực lượng đoàn viên là 5.779 người<sup>1</sup>.

Các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên, Đội Thiếu niên tiên phong luôn được Đảng bộ quan tâm chăm sóc và phát triển không ngừng. Đặc biệt thanh niên được xem là lực lượng xung kích chủ chốt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc; phong trào nào được phát động thanh niên cũng tham gia nhiệt tình, hăm hở, như phong trào khai hoang, phục hóa, rà phá bom mìn, làm thủy lợi, tòng quân tham gia chiến đấu ở hai đầu biên giới đất nước... Thanh niên còn là lực lượng dự bị thường xuyên và chủ yếu cho công tác phát triển Đảng. Tính đến năm 1985, số lượng thanh niên tham gia vào tổ chức Đoàn và Hội đã chiếm đến 10% dân số. Đội viên thiếu niên lên đến 18.000 em. Số lượng đoàn viên, hội viên, đội viên ngày càng đông đảo đã chứng tỏ các tổ chức này có sức tập hợp lớn, trở thành lực lượng có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của huyện.

---

1. Mặt trận Tổ quốc huyện Triệu Hải: *Đánh giá tổng quát công tác Mặt trận năm 1982*, Triệu Hải, 1982.

## II - ĐẢNG BỘ TRIỆU HẢI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN HẢI LĂNG BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986 - 1990)

### 1. Xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đánh dấu một bước ngoặt lịch sử quan trọng của Đảng ta và dân tộc ta: đề ra đường lối đổi mới, chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt ba Chương trình phát triển kinh tế lớn mà Đại hội VI đã thông qua là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu đã tạo điều kiện phát huy tiềm năng của đất nước, mở ra thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng.

Căn cứ đường lối chung của Đảng, dựa vào tiềm năng, thế mạnh, thành tựu đạt được và kinh nghiệm vốn có của gần 10 năm khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV, tổ chức vào tháng 9-1986 tại thị trấn Triệu Hải, đã đề ra phương hướng nhiệm vụ của huyện trong thời kỳ 1986 - 1990 là: "Phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đoàn kết một lòng tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở phát triển nông nghiệp toàn diện, gắn công nghiệp, nông nghiệp

từ dầu và từ cơ sở, tăng nhanh và vững chắc hàng xuất khẩu, sử dụng tốt các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có; đồng thời tiếp tục xây dựng các công trình trọng điểm để đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống, tiếp tục củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đổi mới cơ chế quản lý, lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc tập trung dân chủ; sắp xếp và phân bố lại lao động, dân cư, tạo cho người lao động có việc làm ổn định, tiếp tục đưa dân đi vùng kinh tế mới ngoài tỉnh, liên kết với các đơn vị bạn để phát triển kinh tế, thực hiện nghiêm túc sinh đẻ có kế hoạch, phát triển mạnh mẽ sự nghiệp văn hóa - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, nhằm từng bước xây dựng huyện Triệu Hải thành một huyện nông - công nghiệp, có tỉ suất hàng hóa khá, có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Từ phương hướng, nhiệm vụ chung đó, Đảng bộ đã đề ra những mục tiêu, biện pháp cụ thể và lãnh đạo toàn huyện triển khai thực hiện, đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

#### *a) Kinh tế*

Mục tiêu đề ra là tập trung phát triển ba mũi nhọn kinh tế: sản xuất nông nghiệp toàn diện, sản xuất

công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu. Trọng tâm là giải quyết vững chắc lương thực, bảo đảm đến năm 1990 bình quân lương thực đầu người đạt 470 đến 500 kg; giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm tỉ trọng 25 - 30% trong giá trị công - nông nghiệp; giá trị xuất khẩu đạt từ 2 đến 2,5 triệu rúp - đôla, nhằm ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Tiếp tục xây dựng và tăng cường quan hệ sản xuất mới trong nông - ngư - công - thương nghiệp. Trước hết, tập trung hoàn thiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp; hoàn thành cơ bản cải tạo quan hệ sản xuất gắn với tăng cường lực lượng sản xuất và cán bộ cho vùng biển; sắp xếp, ổn định giá cả thị trường, đồng thời chú trọng tăng cường lực lượng quốc doanh và tập thể để giữ vị trí chủ đạo chi phối nền kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Phấn đấu tạo ra nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trên địa bàn huyện cũng như từng cơ sở để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế. Trước mắt, khai thác tốt hơn những năng lực đã có, đồng thời sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của trung ương và của tỉnh, nhằm xây dựng các công trình trọng điểm, phục vụ cho sản xuất, đời sống.

Biện pháp hàng đầu là tận dụng hết năng lực đã có của công trình Đại thủy nông Nam Thạch Hãn, quan tâm công tác chống úng ở các xã phía nam như Hải

Hòa, Hải Thành, Hải Thiện...; làm thêm hồ chứa nước gò đồi, hệ thống đề chủ động tưới tiêu, ngăn mặn trên địa bàn huyện; sử dụng hợp lý và có hiệu quả ruộng đất, nhanh chóng tiến hành kiến thiết đồng ruộng, tưới tiêu khoa học, kết hợp giao thông, thủy lợi với trồng cây, triển khai cải tạo đồng ruộng nhằm tăng độ phì nhiêu của đất; ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nhất là giống mới ngắn ngày có năng suất cao. Đảm bảo nguồn phân bón, nhất là phân hữu cơ, phòng trừ sâu bệnh kết hợp với thời vụ, với từng loại đất, bố trí mùa vụ thích hợp. củng cố các ngành chức năng và dịch vụ, sử dụng tốt đội ngũ khoa học, kỹ thuật, có chính sách khuyến khích người sản xuất thích đáng, mở rộng nhân tố mới và nhân điển hình tiên tiến kịp thời.

Tập trung phát triển cây công nghiệp, cây xuất khẩu ngắn ngày và dài ngày trên các vùng, nhất là vùng gò đồi như Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Lâm, Hải Phú, Hải Lệ..., và từng bước xây dựng chuyên canh một số cây công nghiệp và cây xuất khẩu. Phương châm là lấy ngắn nuôi dài, kết hợp nông - lâm nghiệp, kết hợp kinh tế quốc doanh với tập thể và gia đình, trồng các loại cây thích nghi với đất đai, khí hậu địa phương như ổi, lạc, thuốc lá, mía, vừng, sắn, thầu dầu, hương nhu, bạc hà, cây thông nhựa, chè, mít, cà phê, dứa... Có như vậy mới bảo đảm nguyên liệu ổn định cho công nghiệp và xuất khẩu, vừa điều tiết, phân bố lại lao động trên địa bàn nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh các vùng.



Phát triển chăn nuôi theo hướng vừa tăng tổng đàn, vừa chú trọng chất lượng để từng bước có sản phẩm hàng hóa cho tiêu dùng và xuất khẩu. Đồng thời nhanh chóng "Móng Cái hóa" đàn lợn nái, phát triển lợn lai kinh tế, từng bước mở rộng việc nuôi bò lai Sind, vịt lai kinh tế. Khuyến khích nhân dân nuôi nhiều gia cầm như gà, vịt, ngỗng và nuôi cá nước ngọt để cung cấp thực phẩm cho nhân dân. Tập trung giải quyết tốt các khâu giống, thức ăn và khâu phòng trừ dịch bệnh; các hợp tác xã liên kết với Nông trường Lợn giống Triệu Hải tạo nên nái Móng Cái lai với đực Coocvan; chủ động chế biến thức ăn gia súc; tăng cường hệ thống bảo hiểm vật nuôi với mạng lưới thú y rộng rãi để phát triển vững chắc đàn gia súc, gia cầm.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân trồng rừng, chú trọng trồng các loại cây đã có mặt ở địa phương lâu đời, kết hợp trồng rừng với trồng cây công nghiệp dài ngày, cây công nghiệp ngắn ngày, cây lương thực. Lâm trường Triệu Hải hướng dẫn trồng thông, cung cấp giống cho hợp tác xã và nhân dân đủ trồng. Vốn trồng rừng chủ yếu dựa vào hợp tác xã, xã viên và một phần ngân sách huyện, đồng thời sử dụng có hiệu quả vốn Nhà nước, vốn PAM. Thực hiện việc đưa lao động lên lập vườn, phát triển kinh tế ở vùng gò đồi, từng bước hình thành khu dân cư ổn định lâu dài. Nhanh chóng hoàn thành việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã. Có chế độ, chính sách cụ thể đối với những tập thể, cá nhân làm tốt.

Coi trọng phát triển kinh tế tổng hợp miền biển, kết hợp cơ cấu ngư - lâm - công - nông nghiệp để đẩy mạnh sản xuất, lấy ngư nghiệp làm trung tâm, lâm - nông - thủ công nghiệp làm cơ sở, củng cố quan hệ sản xuất miền biển với hình thức sản xuất phù hợp trình độ tổ chức và quản lý. Tăng cường cơ giới hóa phương tiện đánh bắt cho phù hợp từng vùng, cải tiến trang bị theo yêu cầu mở rộng việc ra khơi đánh bắt hải sản xuất khẩu. Tổ chức nuôi trồng, chế biến thủy sản nước lợ tập trung cho xuất khẩu. Mở rộng nghề thủ công ở các xã miền biển Hải An, Hải Khê...

Tập trung sức để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp ở Diên Sanh, Mỹ Chánh. Sắp xếp lại lực lượng cơ khí trên địa bàn huyện, trọng tâm là củng cố lại Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa nông nghiệp ở thị trấn Quảng Trị. Các hợp tác xã, tổ chức cơ khí ở các vùng phải đảm nhận được công việc sửa chữa vừa và nhỏ.

Phấn đấu tăng nhanh và vững chắc giá trị hàng xuất khẩu, tất cả các xã trong huyện phải làm hàng xuất khẩu bằng thế mạnh của mình. Công ty Ngoại thương Triệu Hải chịu trách nhiệm thu mua, chế biến, cải tiến phương thức mua hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở theo hợp đồng kinh tế hai chiều. Có chính sách thoả đáng đối với cơ sở, cá nhân làm tốt nhiệm vụ xuất khẩu.

Giải quyết đúng đắn vấn đề tài chính - tiền tệ và thị trường - giá cả. Thương nghiệp quốc doanh và hợp

tác xã mua bán xã phối hợp, hỗ trợ chặt chẽ giữa mua và bán cũng như trong tổ chức phân phối. Cải tiến phương pháp cung ứng vật tư bảo đảm vừa quản lý chặt chẽ vừa thuận lợi, đúng thời gian theo hợp đồng kinh tế hai chiều. Tài chính, ngân hàng làm chủ nguồn vốn, tăng cường giám sát đồng tiền và mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của quốc doanh, tập thể và tư nhân; phấn đấu cân bằng thu, chi ngân sách, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất, thu mua, tăng nhanh vòng quay đồng tiền, chăm lo xây dựng hợp tác xã tín dụng.

Ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Với những mục tiêu và biện pháp trên, dù cuối năm 1985, đầu năm 1986 do hậu quả thiên tai dịch họa trầm trọng nên tình hình sản xuất nông nghiệp của huyện có chiều hướng giảm sút, đời sống nhân dân gặp không ít khó khăn; nhưng thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, Nghị quyết X của Bộ Chính trị (11-1989) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, đổi mới cơ chế khoán sản phẩm thay thế Chỉ thị 100 trước đó, nền sản xuất nông nghiệp Triệu Hải vẫn có sự biến đổi đi lên.

Đổi mới cơ chế quản lý gắn liền với tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, cả huyện được

cấp và mua thêm gần 40 máy kéo lớn do Liên Xô (cũ) sản xuất để trang bị cho các hợp tác xã, cộng thêm năng lực vốn có của Trạm máy kéo huyện, nên khâu làm đất cơ bản đã được cơ giới hóa.

Những biến chuyển tích cực trên đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp huyện Triệu Hải phát triển, năng suất và sản lượng lúa tăng dần. Năm 1988 năng suất lúa bình quân toàn huyện Triệu Hải là 62,95 tạ/ha, tăng 13,3 tạ/ha so với năm 1987<sup>1</sup>; năm 1989 năng suất lúa bình quân cũng đạt 62,93 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực năm 1987 của cả huyện là 58.050 tấn; sang năm 1988 tăng lên 69.500 tấn<sup>2</sup>, bình quân lương thực đầu người là 378kg/năm<sup>3</sup>. Đến năm 1989 sản lượng lương thực toàn huyện đạt 76.050 tấn.

Những bước tiến về năng suất, sản lượng đã đảm bảo sự cân đối lương thực trên địa bàn huyện, cho phép trích ra một phần dự trữ và tăng thêm lượng hàng hóa trên thị trường. Ở Hải Lăng có nhiều tập thể điển hình về tăng năng suất lúa là hợp tác xã Long Hưng, Đại An Khê, Thọ Bắc, Hưng Nhơn...

---

1. UBND huyện Triệu Hải: *Báo cáo tình hình năm 1988. Phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp năm 1989*, Quảng Trị, ngày 27-1-1989, tr.1.

2. Theo *Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp năm 1988 và phương hướng năm 1989* của Phòng Nông nghiệp huyện Triệu Hải ngày 24-11-1988 thì sản lượng năm này là 67.547 tấn.

3. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ V*, Triệu Hải, tháng 1-1989, tr.1.

Chăn nuôi trâu, bò, lợn và các loại gia cầm phát triển khá nhanh. Năm 1989 đàn bò có 18.000 con, tăng hơn năm trước 280 con; đàn trâu có 9.600 con, tăng thêm 50 con; đàn lợn có 64.000 con, tăng hơn 1.500 con so với năm trước<sup>1</sup>. Chương trình "Móng Cái hóa" đàn lợn nái và nuôi lợn lai kinh tế thực hiện có hiệu quả, trở thành phong trào phổ biến trong nhân dân. Đàn gia cầm cũng gia tăng với số lượng rất lớn.

Diện tích trồng các loại cây công nghiệp và xuất khẩu như tiêu, ớt, lạc hàng năm trên địa bàn toàn huyện đạt bình quân 1.600ha, chiếm tỉ lệ 5,83% tổng diện tích gieo trồng, nổi lên là Hải Quy, Hải Vĩnh, Hải Lệ... Có năm toàn huyện đã thu hoạch trên 700 tấn ớt, được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng về thăm năm 1983 khen ngợi và chúc huyện Triệu Hải phấn đấu trở thành "vua ớt".

Việc trồng cây lâm nghiệp đạt kết quả khá cả về quy mô, diện tích lẫn chất lượng. Mặt khác, nhờ có sự hỗ trợ của chương trình PAM nên diện tích rừng hàng năm tăng. Năm 1988 việc trồng rừng tập trung đạt 1.220ha, gấp 2 lần năm 1986; còn trồng rừng phân tán mỗi năm bình quân 3 triệu cây các loại. Công tác giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và hộ gia đình quản lý, bảo vệ, chăm sóc có tiến bộ. Năm 1990, toàn huyện Triệu Hải trồng được 89,6ha rừng tập trung và

---

1. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ V*, Triệu Hải, tháng 1-1989, tr.2.

56,1 vạn cây phân tán, trong đó ở Hải Lăng có các xã Hải An, Hải Khê, Hải Dương, Hải Quế thực hiện đạt hiệu quả tốt.

Mặc dù bị mất mùa nhiều vụ, song sản lượng đánh bắt hải sản trong các năm 1987, 1988 vẫn đạt bình quân 1.700 tấn/năm, tăng hơn 200 tấn so với năm 1986. Kỹ thuật và năng lực đánh bắt có tiến bộ hơn trước. Việc nuôi trồng thủy sản nước lợ như rau câu, tôm sú... được chú ý phát triển. Nghề chế biến hải sản như mực lột da, nghề dệt xăm lưới thủ công cũng được phát triển ở các xã vùng biển Hải Khê, Hải An... Năm 1990, với sự giúp đỡ của tổ chức FAO, đã đầu tư thêm 9 máy nổ TS90 và 600 kg lưới nylon. Nhân dân tự mua sắm thêm 68 vàng lưới mực, 31 máy đẩy thuyền, nâng tổng số thuyền máy lên 171 chiếc.

Bước đầu đã ổn định và có sự phát triển về thủ công nghiệp, bao gồm một số sản phẩm chủ yếu như gạch ngói, guồng tuốt lúa, xe cải tiến... và các ngành nghề như dệt lưới, chế biến nông - hải sản, mộc dân dụng. Riêng Hợp tác xã gạch ngói 19-3 Hải Quy là một trong những đơn vị làm ăn có hiệu quả, thu hút hàng trăm lao động. Giá trị tổng sản lượng bình quân hàng năm đạt 100 triệu đồng. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp trong nông nghiệp tăng mạnh, công nghiệp phục vụ nông nghiệp có chuyển biến. Riêng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng còn phát triển chậm, mặt hàng đơn điệu.

Đã có sự điều chỉnh dần việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng tập trung có trọng tâm,

trọng điểm nên nhiều công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp như chống hạn, tiêu úng, ngăn mặn, chống cát bay, cát lấp... được dồn sức thi công và đưa vào sử dụng, như trạm bơm Hải Hòa, kênh N2B, đài phát sóng và nhà bưu điện huyện Triệu Hải... Một số công trình tiêu úng được nạo vét, hàng chục công trình thủy lợi nhỏ và vừa, trường học, nhà kho, nhà sản xuất chế biến được đầu tư. Năng lực sửa chữa và sản xuất các phương tiện như máy cày, máy nước, guồng tuốt lúa, xe kéo bánh lốp, ô tô vận tải, thuyền máy, ngư cụ... tăng lên khá nhiều nhờ tác động của cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, ngư nghiệp và các chính sách mới của Đảng và Nhà nước. Giao thông nông thôn phát triển, các trục đường chính đi các tiểu vùng kinh tế được làm mới và bảo dưỡng, nâng cấp. Song một số tuyến đi về các xã còn khó khăn, phải đi bộ trên cát, như Hải An, Hải Khê. Hệ thống thông tin bằng điện thoại, cơ sở truyền thanh, bãi chiếu bóng chỉ mới được phát triển ở một số xã, hợp tác xã.

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là trong sản xuất nông nghiệp đã được huyện coi trọng. Huyện quan tâm việc bố trí mùa vụ, xác định cơ cấu cây trồng phù hợp cho từng loại đất, mùa vụ; biện pháp phòng trừ dịch bệnh cho cây, con được áp dụng rộng rãi, đều khắp ở các xã trong huyện; nhiều công cụ sản xuất được cải tiến, nhiều sáng kiến kinh nghiệm được đúc kết và phổ biến.

Đã có nhiều cố gắng về thương mại - dịch vụ và phân phối lưu thông để hạn chế bớt những khó khăn

trong sản xuất và đời sống, tích cực thu mua, nắm tiền - hàng, đẩy mạnh các hoạt động liên doanh, liên kết để tạo nguồn lực phục vụ trên địa bàn huyện. Trong sản xuất kinh doanh đã xuất hiện nhân tố mới, mô hình làm ăn mới. Một số công ty, xí nghiệp, hợp tác xã phát huy tính chủ động sáng tạo, tích cực đổi mới phương thức kinh doanh, tháo gỡ ách tắc để duy trì hoạt động, như Công ty thương nghiệp, Ngân hàng, Công ty vật tư, Công ty dịch vụ cây trồng, Hợp tác xã mua bán huyện. Mở rộng hình thức huy động vốn, phát triển sản xuất, kinh doanh tổng hợp.

Số hàng địa phương hàng năm thu mua được có tăng lên, như lương thực 11.000 tấn; thịt lợn hơi, trâu, bò bình quân 800 tấn; ớt quả khô trên 400 tấn, lạc vỏ 295 tấn; đặc biệt thu mua hải sản khô, rau câu cũng tăng lên.

Về xuất khẩu có một số chuyển biến đáng ghi nhận. Hàng hải sản xuất khẩu tăng từ 102.000 USD năm 1987 lên 140.000 USD năm 1988, gấp 3 đến 4 lần so với các năm 1985 - 1986. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 1987 là 917.570 rúp - đô la, năm 1988 đạt xấp xỉ 1.500.000 rúp - đô la, trong đó xuất khẩu từ nông sản chiếm tỉ trọng 50,4%, hải sản 10%, tiểu thủ công nghiệp 19,1%<sup>1</sup>.

#### *b) Văn hóa - xã hội*

---

1. Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ V, Triệu Hải, tháng 1-1989, tr.3 - 4.*



Mục tiêu Đảng bộ đề ra là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có trình độ giác ngộ cách mạng cao, có kiến thức, phẩm chất và năng lực làm chủ tập thể trên cơ sở bảo đảm cho mọi người có việc làm, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ; giảm mức sống chênh lệch giữa các nhóm người trong xã hội và giữa các vùng; xây dựng mối quan hệ xã hội có nếp sống văn minh, lành mạnh, giữ gìn giá trị đạo đức và truyền thống cách mạng, hăng hái lao động sản xuất, công tác; lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả làm thước đo phẩm chất và năng lực con người mới xã hội chủ nghĩa.

Biện pháp cụ thể là phân bổ lại lao động và dân cư, đưa 30 nghìn dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ngoài huyện theo chỉ tiêu của tỉnh. Bàn bạc, liên kết với huyện Hướng Hóa đưa nhân dân đi kinh tế mới xây dựng vùng trồng cây công nghiệp. Thực hiện tốt kế hoạch dân số, đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch với yêu cầu mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 đến 2 con.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cả ba ngành học, mở rộng mạng lưới nhà trẻ, mẫu giáo đều khắp; củng cố, nâng cao chất lượng các trường phổ thông cơ sở; củng cố và từng bước mở rộng, sắp xếp lại các trường phổ thông trung học, trước mắt là khẩn trương xây dựng thêm trường phổ thông trung học Bồ Bản. Mở rộng phong trào bổ túc văn hóa, củng cố kết quả phổ cập cấp I, chống nạn mù chữ trở lại. Phải có chính sách thích đáng cải thiện đời sống giáo viên, tích cực thực hiện việc xây dựng đội ngũ giáo viên

hoàn chỉnh, đào tạo nhiều giáo viên dạy giỏi để có học sinh giỏi; tiến đến phổ cập cấp III cho cán bộ huyện, cán bộ chủ chốt ở xã và số thanh niên ưu tú.

Xây dựng nền văn hóa mới đi đôi với xây dựng con người mới, phát triển thông tin đại chúng, văn hóa, văn nghệ quần chúng, kịp thời phổ biến sâu rộng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân. Phát huy truyền thống cách mạng tốt đẹp, ý chí tự lực, tự cường, tính năng động sáng tạo, nếp sống trong sáng, lành mạnh. Bồi dưỡng kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật cho đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Bài trừ những biểu hiện mê tín, dị đoan, những hủ tục lạc hậu, lỗi thời. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng.

Nâng cao chất lượng khám bệnh và điều trị cho nhân dân với phương châm y học dự phòng, đông - tây y kết hợp để bảo vệ sức khỏe ngày càng tốt cho nhân dân trong huyện. Từng bước thanh toán các bệnh xã hội, nhanh chóng phát hiện, dập tắt kịp thời các ổ dịch. Triển khai việc nuôi trồng và khai thác dược liệu, tổ chức bào chế các loại thuốc thông thường bằng dược liệu địa phương ở tất cả các cơ sở. Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở y tế từ huyện đến xã, trước mắt là xây dựng phòng khám ở các khu vực trong huyện. Tiếp nhận thầy thuốc của tỉnh bổ sung, đồng thời liên kết với Trường Đại học Y khoa Huế để gởi đào tạo đội ngũ bác sĩ cho các trạm y tế xã, gởi y sĩ trẻ đi bồi dưỡng ở các khoa chuyên tu bác sĩ, đào tạo y tá trung cấp và sơ cấp.

Tiếp tục thực hiện đợt tổng kết khen thưởng về hai cuộc kháng chiến, phấn đấu hoàn thành dứt điểm vào cuối năm 1987. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Người công dân kiểu mẫu, Gia đình cách mạng gương mẫu trong anh chị em thương binh và gia đình có công cách mạng. Tìm kiếm và quy tập mộ các liệt sĩ, tiếp tục xây dựng nghĩa trang ở các xã và đài tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ ở huyện. Tổ chức chăm sóc trẻ mồ côi, người già yếu, tàn tật không nơi nương tựa, nhất là trong những lúc gặp thiên tai, hoạn nạn.

Thành tựu đạt được bước đầu là các hoạt động văn hóa thông tin có nhiều tiến bộ, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ quần chúng, nhất là vùng núi và vùng biển, có bước phát triển mới.

Năm 1987, nhân dịp kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng Mười Nga, huyện tổ chức hội diễn văn nghệ toàn huyện với trên 200 diễn viên, biểu diễn 150 tiết mục có chất lượng khá, có tác dụng vừa khơi dậy khí thế cách mạng, vừa thiết thực phục vụ đông đảo nhân dân lao động, sản xuất. Trong năm này huyện đón 15 đoàn văn công chuyên nghiệp biểu diễn ở 20 điểm, phục vụ 180.000 lượt người xem <sup>1</sup>. Các đội chiếu bóng cũng triển khai tốt các đợt chiếu phim kỷ niệm những ngày lễ lớn, thực hiện trên 2.000 buổi chiếu, thu hút trên 1 triệu lượt khán giả. Đài Truyền thanh huyện

---

1. Hội đồng nhân dân huyện Triệu Hải: Báo cáo tình hình năm 1987. Phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp năm 1988, Triệu Hải, 1988.

và 23 đài cơ sở đã phát thanh hàng trăm chương trình thời sự, hàng chục chương trình văn nghệ thu trên địa bàn. Nhiều đơn vị đầu tư trang thiết bị, kể cả chủ động nguồn điện. Có 10 đơn vị đã có máy thu hình công cộng. Thư viện huyện có cải tiến điều kiện phục vụ, với trên 17.700 đầu sách báo, phục vụ gần 14.000 lượt độc giả<sup>1</sup>. Phương tiện truyền thanh trên địa bàn huyện phát triển khá nhanh, đến năm 1989 tăng lên 30 đài trạm với 700 loa, 14 hợp tác xã có máy thu hình.

Ngoài ra, các di vật lịch sử cũng được huyện tổ chức sưu tầm từng bước, đặc biệt là việc tiến hành sưu tầm tư liệu nhằm chuẩn bị biên soạn lịch sử Đảng bộ Triệu Hải, song do tách huyện nên không kịp hoàn thành.

Gắn liền với hoạt động văn hóa, văn nghệ, phong trào thể dục, thể thao quần chúng cũng diễn ra sôi nổi, rộng khắp, với nhiều bộ môn như bóng chuyền, bóng đá, bóng bàn, đua thuyền... Những hoạt động đó đã góp phần nâng cao ý thức rèn luyện sức khỏe trong nhân dân.

Kể từ năm 1986 ngành giáo dục của huyện Triệu Hải chuyển biến mạnh mẽ nhờ có sự quan tâm đầu tư nhiều hơn của các cấp, các ngành. Hệ thống cơ sở vật chất, trường, lớp nhiều hơn trước, đội ngũ giáo viên

---

1. Hội đồng nhân dân huyện Triệu Hải: Báo cáo tình hình năm 1987. Phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp năm 1988, Triệu Hải, 1988.

được chú ý bồi dưỡng nghiệp vụ và nâng cao đời sống nên giảng dạy có chất lượng tốt hơn. Do đó, ở hệ phổ thông hàng năm có 13,7% học sinh dự thi trúng tuyển vào các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Số học sinh giỏi được giữ vững ở các cấp học. Năm 1987 học sinh phổ thông thi đỗ tốt nghiệp đạt 97%, hệ bổ túc văn hóa đạt 76%, bé ngoan hệ mẫu giáo là 85,7%.

Đi đôi với việc củng cố hệ thống trường phổ thông trung học, huyện tích cực chú trọng nâng cấp hệ thống các trường phổ thông cơ sở, nhất là ở miền núi và miền biển. Mạng lưới nhà trẻ, mẫu giáo cũng được tổ chức đều khắp, xuất hiện nhiều nhóm trẻ gia đình và các nhà mẫu giáo, thu hút đông đảo các cháu đến học.

Nhờ có loại hình trường lớp phong phú và chất lượng tốt hơn, nên số học sinh đến trường ngày một tăng. Tổng số học sinh phổ thông năm 1986 là 38.300 em, đến 1989 tăng lên 40.000 em. Ngành học mầm non, mẫu giáo năm 1986 có 3.800 cháu, năm 1987 có 3.850 cháu vào nhà trẻ và 7.835 cháu vào mẫu giáo, đến 1989 vào mẫu giáo là 4.000 cháu.

Nhằm nâng cao mặt bằng dân trí, ngành giáo dục huyện mở rộng phong trào học bổ túc văn hóa, phổ cập cấp I, chống tái mù, tiến hành phổ cập cấp II cho các đối tượng chủ chốt, duy trì và mở rộng hình thức bổ túc văn hóa cấp III ở các cụm. Về giáo dục hướng nghiệp có một số xã thực hiện tốt, như Trường phổ thông cơ sở Hải Tân.

Từ năm 1986 đến 1990 công tác vệ sinh phòng bệnh được tiếp tục đẩy mạnh, phong trào "5 dứt điểm" về y tế đạt được kết quả đáng kể, dịch bệnh được ngăn chặn kịp thời, cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được quần chúng hưởng ứng và dần dần trở thành phong trào tự nguyện, tự giác. Trong năm 1987, y tế huyện khám bệnh cho 177.905 lượt người, điều trị nội trú 10.919 lượt người, mổ trung phẫu cho 351 người; khám đông y 18.240 lượt người, điều trị có kết quả 2.560 người. Đoàn chữa mắt cấp trên đã về khám và chữa cho 1.065 trường hợp bị bệnh về mắt. Đến năm 1988, y tế huyện tổ chức khám và chữa bệnh cho 93.800 lượt người, điều trị nội trú 5.500 người, cấp cứu 393 trường hợp. Chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiêm chủng mở rộng, phòng chống bệnh xã hội được chú trọng triển khai.

Từ khi bước vào thời kỳ đổi mới, hệ thống điều trị từ huyện đến khu vực và cấp xã được xây dựng ngày một đồng bộ và toàn diện hơn. Từ xã đến huyện duy trì hoạt động điều trị khá tốt, đặc biệt là bệnh viện huyện. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là bà mẹ và trẻ em được quan tâm chu đáo. Công tác sinh đẻ có kế hoạch được chú trọng, một số địa phương làm tốt như Hải Xuân, Hải Vĩnh... Việc phòng chống dịch bệnh hàng năm có hiệu quả. Cán bộ y tế được tăng cường không ngừng, năm 1986 là 135 người, đến năm 1989 có 150 người, bình quân 1 vạn dân có 1 bác sĩ. Gởi đi đào tạo một lớp bác sĩ ở Trường Đại học Y khoa Huế gồm 44 người. Tính ở thời điểm

năm 1990, cả huyện có 21 trạm xá; y tế cấp xã có 1 bác sĩ, 12 y sĩ, 35 y tá, 10 dưỡng sinh. Riêng tại Bệnh viện Trung tâm huyện có 38 cán bộ, trong đó có 8 bác sĩ, 12 y sĩ, 6 y tá sơ học. Triệu Hải được tỉnh đánh giá là khu vực dẫn đầu toàn tỉnh về phòng bệnh và chữa bệnh, thực hiện tốt việc xây dựng nếp sống văn minh, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đảm bảo <sup>1</sup>.

Các chính sách xã hội được Đảng bộ và các ban, ngành, các xã quan tâm. Thực hiện tốt chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sĩ, gia đình có công cách mạng, cán bộ hưu trí, những người neo đơn, tàn tật. Hàng năm, vào các ngày lễ, Tết, ngoài tiêu chuẩn chế độ do Nhà nước quy định, huyện và xã còn tổ chức các hoạt động thiết thực, thăm viếng, động viên các gia đình chính sách. Trong 3 năm 1987 - 1989, huyện xét duyệt đưa đi hợp tác lao động ở nước ngoài 172 người là con em các gia đình liệt sĩ nhằm tạo công ăn việc làm và đào tạo nghề nghiệp.

Công tác khen thưởng những người có công trong hai cuộc kháng chiến được thực hiện tốt, có tác dụng phát huy truyền thống cách mạng của địa phương. Năm 1989, huyện có gần 3 vạn người được xét khen thưởng thành tích kháng chiến, hai phần ba số xã (30/42) đã tổ chức lễ trao tặng Huân, Huy chương

---

1. Theo tư liệu của đồng chí Nguyễn Minh Chí, cán bộ hưu trí thôn Tân Chính, xã Hải Lâm, nguyên Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Triệu Hải (1980 - 1990) cung cấp.

kháng chiến. Lương hưu và các khoản phụ cấp, trợ cấp khác được trả đầy đủ và đúng thời hạn. Huyện trích một phần kinh phí để đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới nhiều nghĩa trang liệt sĩ, quy tập mộ liệt sĩ vào nghĩa trang, làm tốt công tác đền ơn, đáp nghĩa. Huyện còn phát động phong trào "lá lành đùm lá rách", giúp đỡ lẫn nhau trong nhân dân. Trong điều kiện chính sách xã hội chưa được đổi mới, huyện vẫn mạnh dạn vận dụng linh hoạt chính sách điều hòa lương thực, trợ cấp, bố trí việc làm, học hành, chữa bệnh và xây dựng 155 nhà tình nghĩa.

Công tác điều động lao động nghĩa vụ đạt 76,6%. Triển khai tốt việc đưa dân đi kinh tế mới nội huyện, lên huyện Hướng Hóa, một số đi vào các tỉnh phía nam và Tây Nguyên.

### *c) Quốc phòng - an ninh*

Đảng bộ đề ra mục tiêu củng cố và xây dựng lực lượng về mọi mặt để giữ vững quốc phòng - an ninh trong mọi tình huống. Biện pháp cụ thể là tăng cường lực lượng quân sự địa phương, xây dựng pháo đài quân sự huyện vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng kinh tế với củng cố sức mạnh quốc phòng - an ninh, gắn nghĩa vụ lao động với nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc để xây dựng lực lượng vũ trang và an ninh nhân dân; xây dựng mỗi xóm làng, cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, trường học, bệnh viện thành một cứ điểm kiên quyết đánh thắng địch, trở thành đơn vị an toàn làm chủ.



Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, thực hiện chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước, tình hình kinh tế - xã hội địa phương có bước tiến triển đáng kể, nhưng tình hình an ninh - quốc phòng còn nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" và các mưu đồ đen tối khác. Đứng trước tình hình đó, Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo các cơ sở đảng, đặc biệt là Công an huyện và Huyện đội, nâng cao tinh thần cảnh giác, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phát hiện và đập tan các hoạt động chiến tranh tâm lý, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các vụ nhen nhóm vượt biên và xâm nhập của địch, làm thất bại những âm mưu phá hoại, chia rẽ nội bộ ta của những phần tử xấu.

Trong các năm 1988 - 1989, huyện ngăn chặn được một số vụ vượt biên trái phép. Công tác sẵn sàng chiến đấu được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo, nên hàng năm đều có tổ chức diễn tập báo động chiến đấu; việc đăng ký quân dự bị diễn ra nề nếp, nhất là các xã ở vùng trọng điểm như Hải An, Hải Khê và các xã vùng núi. Công tác gọi thanh niên lên đường nhập ngũ hàng năm đạt chỉ tiêu 100%. Việc xử lý, quản lý đối tượng đào ngũ được tiến hành kịp thời nên hàng năm số quân đào ngũ được giảm dần.

Hoạt động của các ngành thanh tra, kiểm sát, toà án, tư pháp được triển khai đồng bộ. Chỉ tính riêng trong 2 năm 1987 - 1988 đã xét xử 182 vụ, trong đó án hình sự 47 vụ, dân sự 17 vụ và hôn nhân gia đình

118 vụ. Nhờ vậy đã góp phần ngăn ngừa các hành vi phạm tội, tăng cường pháp luật, góp phần ổn định tình hình trên địa bàn huyện.

## **2. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể**

Đảng bộ quyết tâm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng và Nhà nước vững mạnh, xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh trên nền tảng xây dựng các đảng bộ, chi bộ cơ sở vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng đã đề ra.

Từ sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986), với tinh thần đổi mới, Đảng bộ Triệu Hải ra sức quán triệt Nghị quyết Đại hội VI và các Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 05 của Trung ương Đảng, Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nhằm đáp ứng công cuộc xây dựng và phát triển quê hương trong giai đoạn mới.

Về tổ chức, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải khóa IV nhiệm kỳ 1986 - 1989 gồm có 39 ủy viên chính thức, 10 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ gồm 11 người, do đồng chí Dương Quang Lưu làm Bí thư<sup>1</sup>,

---

1. Sau đó đồng chí Dương Quang Lưu được điều động lên phụ trách Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, đồng chí Nguyễn Đức Hoan thay làm Bí thư Huyện ủy từ 15-1-1987.

hai đồng chí Võ Xuân Trữ và Văn Viết Hóa làm Phó Bí thư Huyện ủy<sup>1</sup>.

Huyện ủy Triệu Hải tiến hành chỉ đạo đại hội các chi bộ, đảng bộ trực thuộc; xúc tiến việc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp; triển khai đại hội hợp tác xã nông nghiệp và sắp xếp lại các phòng, ban cấp huyện; kiện toàn hệ thống tổ chức từ huyện đến cơ sở.

Đại hội ở cơ sở đã thay đổi 32% cấp ủy viên, bình quân tuổi đời cấp ủy viên còn 38,2 tuổi, giảm 0,7 tuổi, trong đó độ tuổi từ 35 trở xuống chiếm 61%. Trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn của cấp ủy viên cũng có nâng lên. Đảng bộ đã thay 23/42 Chủ tịch xã, 25 Phó Chủ tịch phụ trách Trưởng Công an xã, 21 Xã đội trưởng. Cán bộ Ban Quản trị hợp tác xã cũng được tinh giản 50%, thay đổi 52 Chủ nhiệm hợp tác xã<sup>2</sup>.

Công tác kiện toàn bộ máy các cấp của tổ chức đảng, chính quyền, hợp tác xã bước đầu đã tạo ra sự hoạt động đồng bộ giữa các cơ quan, ban, ngành và các địa phương; năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, sự điều hành của Nhà nước và công tác quản lý của Ban Quản trị các hợp tác xã từng bước phát huy hiệu quả. Một số đơn vị cơ sở bắt đầu có chuyển

---

1. Đại hội Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ IV tiến hành vào tháng 9-1986 tại thị trấn Triệu Hải, trước khi diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

2. Theo Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Hải lần thứ V, Triệu Hải, 1989.

biến tốt, tạo điều kiện kích thích các đơn vị yếu kém vươn lên.

Cùng với việc tinh giản bộ máy, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ được quan tâm. Đảng bộ đề ra chủ trương cán bộ chủ chốt ở các ban, ngành và các xã phải tham gia học lý luận ngắn hạn và dài hạn, với 235 đồng chí được cử đi học; đồng thời mở nhiều lớp tập huấn ngắn ngày theo chuyên ngành. Trong các năm 1987, 1988 Đảng bộ kết nạp thêm 261 quần chúng tốt vào Đảng, mở 9 lớp đối tượng Đảng cho 440 quần chúng; trao huy hiệu 40 tuổi Đảng, 50 tuổi Đảng cho 134 đồng chí.

Công tác kiểm tra đảng viên cũng đạt kết quả tốt. Trong số 68 cấp ủy viên và cán bộ chủ chốt ở cơ sở được kiểm tra thì có 50% chấp hành tốt, 25% có vi phạm. Hưởng ứng "Những việc cần làm ngay", Đảng bộ huyện đã chỉ đạo đúng định kỳ các buổi tiếp dân tại cơ quan Huyện ủy, giải quyết đơn thư tố cáo của cán bộ, đảng viên. Đảng bộ tập trung xem xét 158 trường hợp vi phạm và xử lý kỷ luật 133 đồng chí, khai trừ và xóa tên 48 người.

Đến tháng 1-1989, Đảng bộ tiến hành Đại hội lần thứ V, Ban Chấp hành mới có 35 ủy viên chính thức, 6 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ có 11 đồng chí, do đồng chí Văn Viết Hóa làm Bí thư, các đồng chí Võ Xuân Trữ, Lê Vũ Bằng làm Phó Bí thư<sup>1</sup>. Sau khi tỉnh

---

1. Đại hội diễn ra vào tháng 1-1989 tại thị xã Quảng Trị. Danh sách Ban Chấp hành xin xem ở phần Phụ lục.

Quảng Trị được tách ra từ tỉnh Bình Trị Thiên và thị xã Quảng Trị được thành lập trở lại, đồng chí Văn Việt Hóa được điều động lên làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, một số đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Hải chuyển về thị xã Quảng Trị. Đồng chí Võ Xuân Trữ được cử giữ chức vụ Quyền Bí thư, đồng chí Hoàng Xuân Hòa được phân công làm Ủy viên Thường vụ trực. Đảng bộ tiếp tục làm nhiệm vụ lãnh đạo cho đến khi huyện Triệu Hải tách ra thành hai huyện Hải Lăng và Triệu Phong như cũ vào ngày 1-5-1990.

Gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ Triệu Hải phát huy chức năng quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, bước đầu tiến hành kiện toàn bộ máy chính quyền từ huyện đến xã theo hướng đổi mới, từng bước thực hiện chức năng quản lý hành chính, kinh tế, xã hội trên địa bàn của huyện. Sinh hoạt của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Hải khóa V (1987 - 1989) đã đổi mới để kịp thời nắm bắt và giải quyết công việc. Cả nhiệm kỳ khóa V, Hội đồng họp 11 kỳ, trong đó có 2 kỳ họp bất thường.

Đối với khối phòng, ban cấp huyện, Đảng bộ thực hiện Thông báo 46 của Ban Bí thư Trung ương bằng việc giảm số phòng, ban từ 25 xuống còn 15; sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo theo hướng giảm bớt cấp phó, tăng cường làm việc theo chế độ chuyên viên.

Vai trò của mặt trận từ huyện đến cơ sở đã góp phần tích cực nâng cao sự giác ngộ của quần chúng,

phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, củng cố khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết lương giáo. Mặt trận huyện đã phát động nhiều phong trào sôi nổi như vận động mua công trái, gửi tiền tiết kiệm, xây dựng Hội Bảo thọ...

Từ năm 1986 đến 1988, mặt trận phát động phong trào thi đua 3 giỏi, trả nợ cho Nhà nước, giúp đỡ gia đình liệt sĩ neo đơn, đặc biệt là phong trào Hướng về chiến sĩ Trường Sa (toàn huyện ủng hộ trên 1 triệu đồng), có 18 xã hưởng ứng phong trào vận động ủng hộ công trình thủy điện Hòa Bình năm 1987 - 1988. Phong trào trồng cây xây dựng kinh tế vườn, xây dựng nếp sống mới được thực hiện. Sau khi thực hiện Nghị quyết 6, Đảng bộ chú ý đúng mức đến công tác mặt trận, hầu như không có nơi nào trong huyện xem nhẹ công tác này.

Công đoàn các cấp đã coi trọng việc giáo dục, động viên cán bộ, công nhân viên chức khắc phục khó khăn, gian khổ, hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Công đoàn phát động các phong trào "Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tham gia quản lý kinh tế và liên kết phục vụ nông nghiệp". Trong hai năm 1988 - 1989, có 18 đoàn viên được cấp bằng Lao động sáng tạo. Nhiều cơ sở làm tốt công tác đoàn viên, công tác xây dựng Đảng.

Các đoàn thể Nông dân, Phụ nữ, Thanh niên được kiện toàn từ huyện đến cơ sở xã. Vai trò các đoàn thể quần chúng đã phát huy tác dụng. Hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện khoán mới, nâng cao đời

sống, làm tốt các chính sách xã hội, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, xây dựng gia đình văn hóa, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh...



Nhìn chung, giai đoạn hợp nhất hai huyện Hải Lăng và Triệu Phong thành huyện Triệu Hải (1977 - 1990) vốn xuất phát với những điều kiện còn khó khăn nhiều mặt, ruộng vườn còn phải tiếp tục khai hoang, phục hóa, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và đời sống không đáng kể, nên nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và nhân dân toàn huyện còn nặng nề.

Qua bao khó khăn, thử thách, trải qua 5 kỳ đại hội, Đảng bộ Triệu Hải đã có những Nghị quyết đúng đắn, sáng tạo, sát với thực tế địa phương, hợp lòng dân, được nhân dân đồng tình thực hiện, tạo nên những biến đổi sâu sắc về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Bốn vùng kinh tế của huyện được khai thác tốt hơn, nhất là vùng đồng bằng. Đã hình thành đáng kể các tiểu vùng kinh tế, trong đó ở Hải Lăng có các tiểu vùng Hải Chánh, Hải Thọ, Hải Quế. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và đời sống ngày càng tốt hơn, nhất là công trình Đại thủy nông Nam Thạch Hãn, cùng với hệ thống chống úng, đã làm thay đổi diện mạo sản xuất trên đồng ruộng, thay đổi

tập quán canh tác trong nhân dân. Lao động được phân công lại trong các hợp tác xã, tạo ra nhiều ngành nghề mới. Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân ổn định, cơ ngơi được cải thiện, quan hệ sản xuất mới được củng cố, an ninh - quốc phòng được giữ vững, đời sống tinh thần được nâng lên, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Trong 5 năm (1986 - 1990) thực hiện công cuộc đổi mới, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, từng bước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Đảng bộ Triệu Hải đã tạo ra những bước chuyển biến mới trong sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Bộ mặt nông thôn và thị trấn huyện lỵ có nhiều thay đổi tích cực, nhiều nhà xây ngói mới được xây dựng; cảnh hoang tàn, đổ nát lùi dần về quá khứ.

Quá trình đi lên của huyện không tránh khỏi các nhược điểm. Sản xuất lương thực còn bấp bênh, thiếu vững chắc; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu còn chiếm tỉ trọng thấp. Tiềm năng kinh tế của bốn vùng chưa được phát triển đầy đủ và hợp lý, sản phẩm hàng hóa còn ít, thu chưa đủ chi, chưa tích lũy được từ nội bộ nền kinh tế. Cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm cho sản xuất và đời sống chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác an ninh - quốc phòng có lúc, có nơi còn mất cảnh giác. Nhận thức của một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên còn hạn chế trước công cuộc đổi mới, một



bộ phận có biểu hiện hoang mang, dao động sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Trình độ cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng với nhu cầu của sự nghiệp đổi mới. Hoạt động của khối mặt trận và các đoàn thể quần chúng còn thiếu chiều sâu. Đời sống một bộ phận dân cư còn khó khăn, nhất là vùng biển, vùng sâu, gia đình chính sách.

Sau 13 năm nhập huyện, trong đó có 5 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tuy có những thiếu sót, nhược điểm, song bức tranh kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực, đánh dấu một giai đoạn lịch sử quan trọng trong quá trình đi lên của huyện, là nền tảng quan trọng cho những chặng đường phát triển tiếp theo.

### CHƯƠNG III

## **ĐẢNG BỘ HẢI LĂNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA (5-1990 - 12-2000)**

### **I - ĐẢNG BỘ HẢI LĂNG TRONG 5 NĂM ĐẦU LẬP LẠI HUYỆN (1990 - 1995)**

Trải qua 13 năm sáp nhập huyện, Đảng bộ Triệu Hải đã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân toàn huyện khắc phục hậu quả nặng nề sau chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới, là huyện đạt nhiều mặt thi đua tiêu biểu của tỉnh Bình Trị Thiên, Quân khu IV và có mặt trên phạm vi cả nước.

Tuy nhiên, do quy mô lớn, địa bàn rộng, việc quản lý, điều hành không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; theo đề nghị của huyện Triệu Hải và tỉnh Quảng Trị, ngày 23-3-1990 Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 91/HĐBT về việc chia tách huyện Triệu Hải thành thị xã Quảng Trị và hai huyện Triệu Phong, Hải Lăng. Ngày 5-4-1990, Huyện ủy Triệu Hải đã ra Nghị

quyết số 05/NQ-HU về lãnh đạo việc chia huyện. Từ đó, huyện Hải Lăng trở lại với tên gọi cũ và bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 1-5-1990.

Trong niềm vui lớn huyện nhà được lập lại, tuy hạ tầng cơ sở ở Hải Lăng có bước phục hồi sau 15 năm giải phóng, nhưng vẫn còn những vất vả, khó khăn và thách thức nặng nề. Cuộc sống đã ổn định của từng cơ quan, gia đình ở thị xã Quảng Trị nay chuyển vào địa điểm mới, phải làm việc trong những ngôi nhà hư hỏng và chật chội. Mặt khác, trung tâm huyện lỵ chuyển về trên một vùng cát rộng, trụ sở Huyện ủy phải mượn Trại Y tế xã Hải Lâm, trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện mượn tạm trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hải Lâm, các phòng, ban cấp huyện ở và làm việc tại các ngôi nhà dã chiến do chính quyền Mỹ - ngụy để lại. Nhà cửa cán bộ, viên chức đa phần ở thị xã Quảng Trị, phương tiện đi làm việc chủ yếu bằng xe đạp, thậm chí có người còn chưa có phương tiện gì. Đội ngũ cán bộ huyện lúc mới tách rất ít ỏi, cán bộ lãnh đạo từ trưởng, phó ban trở lên chỉ có 8 - 9 đồng chí có trình độ đại học, đa số cán bộ, công nhân, viên chức và hầu hết cán bộ chủ chốt cấp xã chưa tốt nghiệp văn hóa cấp III. Tư tưởng bảo thủ, trông chờ, ỷ lại còn nặng nề; mặt bằng dân trí chưa cao và không đồng đều giữa các vùng.

Là một huyện chủ yếu sản xuất nông nghiệp, nhưng trải qua nhiều năm vẫn chưa phá được thế độc canh cây lúa; thế mạnh, tiềm năng của các vùng trong

huyện chưa khai thác có hiệu quả; cơ sở hạ tầng vẫn phải giải quyết nhiều vấn đề lớn và thời gian dài mới đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống; nhiều công trình bị xuống cấp, nhất là trường học, trạm xá, giao thông, thủy lợi... Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 đang còn nhiều khó khăn, bị động và lúng túng; tiểu thủ công nghiệp còn non yếu; lao động thiếu việc làm, một số hộ dân thiếu ăn trong mùa giáp hạt. Các năm 1991 và 1992 mỗi năm huyện phải vay của Nhà nước hơn 3.000 tấn lúa để tạm giải quyết thiếu đói lúc giáp hạt, đến năm 1993 là năm cuối cùng còn phải vay trên 500 tấn lúa của Cục dự trữ quốc gia.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể còn lúng túng khi thực hiện cơ chế đổi mới; phương pháp lãnh đạo của các tổ chức, cơ sở đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu; vai trò làm chủ của nhân dân trong huyện chưa được phát huy trong điều kiện mới. Việc quản lý, chỉ đạo, điều hành còn nặng về hình thức, sự vụ, thiếu cụ thể; nhất là sự phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp thiếu đồng bộ, chưa phát huy cao độ sức mạnh sáng tạo của quần chúng trong công cuộc đổi mới... Tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp có ảnh hưởng đến tâm tư cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Thực trạng ấy đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Hải Lăng phải có biện pháp từng bước tháo gỡ nhằm thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế,

văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng trong thời gian tới.

Bên cạnh những khó khăn, khi bước vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng có được nhiều thuận lợi cơ bản: đó là kế thừa và phát huy những thành quả đạt được trong thời kỳ nhập huyện; sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Trị, các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh; đặc biệt là có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao và kịp thời của Huyện ủy, sự nỗ lực của mỗi cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong huyện. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng đang ngày càng được củng cố, những kinh nghiệm và thành công trong bước đầu đổi mới, cộng với truyền thống đoàn kết quý báu là những động lực to lớn giúp Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng vượt qua khó khăn, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới. Trên cơ sở nắm vững chủ trương, đường lối của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991), Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XI (8-1991) đề ra phương hướng, mục tiêu trong năm năm tới là "Phấn đấu từng bước hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp, gắn với công nghiệp chế biến và thương mại - dịch vụ"<sup>1</sup>.

Quán triệt đường lối Đại hội Đảng lần thứ VII và Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XI, trên cơ

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng tại Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995* (vòng 2), Hải Lăng, 8-1991.

văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng trong thời gian tới.

Bên cạnh những khó khăn, khi bước vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng có được nhiều thuận lợi cơ bản: đó là kế thừa và phát huy những thành quả đạt được trong thời kỳ nhập huyện; sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Trị, các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh; đặc biệt là có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao và kịp thời của Huyện ủy, sự nỗ lực của mỗi cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong huyện. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng đang ngày càng được củng cố, những kinh nghiệm và thành công trong bước đầu đổi mới, cộng với truyền thống đoàn kết quý báu là những động lực to lớn giúp Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng vượt qua khó khăn, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới. Trên cơ sở nắm vững chủ trương, đường lối của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991), Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XI (8-1991) đề ra phương hướng, mục tiêu trong năm năm tới là "Phấn đấu từng bước hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp, gắn với công nghiệp chế biến và thương mại - dịch vụ"<sup>1</sup>.

Quán triệt đường lối Đại hội Đảng lần thứ VII và Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XI, trên cơ

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng tại Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995 (vòng 2)*, Hải Lăng, 8-1991.

sở phân tích đặc điểm, điều kiện cụ thể của huyện, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (9-1991) đã đề ra chủ trương "Phấn đấu tăng dần sản lượng lương thực và nông sản xuất khẩu, đi đôi với giảm dần tốc độ tăng dân số; giải quyết cơ bản thiếu đói và giáp hạt trên toàn địa bàn, nhiều nơi có dự trữ và tăng sản phẩm hàng hóa. Từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội..."<sup>1</sup>. Đại hội đã phân tích, đánh giá tiềm năng, thế mạnh của huyện trên tất cả các mặt, xác định nhiệm vụ hàng đầu cho việc ổn định và phát triển kinh tế là "Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, gắn nông - lâm - ngư nghiệp với tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới"<sup>2</sup>.

Đại hội cũng khẳng định việc tiếp tục chuyển nền kinh tế sang sản xuất hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, coi trọng nông nghiệp và xem đó là mặt trận hàng đầu.

## **1. Những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh**

### *a) Kinh tế*

Để thực hiện chủ trương "nông nghiệp là mặt trận hàng đầu", Đảng bộ Hải Lăng chú trọng đầu tư nông nghiệp, tạo cho nông nghiệp có cơ hội phát triển nhanh, nhiều chỉ tiêu kinh tế do đại hội đề ra đều

---

1, 2. Huyện ủy Hải Lăng: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng tại Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995 (vòng 2)*, Hải Lăng, 8-1991.

thực hiện vượt kế hoạch; tập trung chỉ đạo từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi nền kinh tế nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, thực hiện được mục tiêu đề ra là tự trang trải lương thực, có dự trữ và tăng thêm sản phẩm hàng hóa. Do đó, đã từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý và chú ý phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, diện tích canh tác không ngừng được mở rộng, quỹ đất được sử dụng hợp lý. Nếu như năm 1991, cả huyện canh tác được 12.900ha thì đến năm 1995 tăng lên 13.700ha. Sản lượng lương thực quy thóc tăng từ 37.000 tấn năm 1991 lên 50.000 tấn vào năm 1995. Năng suất tăng nhanh, từ 46 tạ/ha năm 1990 lên 78 tạ/ha năm 1995, sản lượng lương thực quy thóc bình quân tăng từ 450kg/người (1991) lên 545kg/người vào năm 1995<sup>1</sup>.

Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật được đẩy mạnh; bên cạnh các giống lúa chủ lực như IR 38, MTL 61, C71... nhiều giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào sản xuất như các giống Tạp giao TQ, Thuần TQ 901, Ải mai lương, lúa thơm LTD93-1... Năng suất các giống lúa mới thực sự đem lại lợi ích và kích thích sự phấn khởi, tin tưởng cho bà con nông dân. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật như giống, phòng trừ sâu bệnh được Đảng bộ quan tâm đúng mức, thường xuyên khuyến khích người nông dân gắn bó với ruộng đất,

---

1. Phòng Thống kê Hải Lăng: *Hệ thống số liệu thống kê 1990 - 1995*.



thực hiện giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài và chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất kinh tế hàng hóa.

Đạt được những kết quả nói trên là nhờ Đảng bộ đã kịp thời chỉ đạo đồng bộ việc áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, vừa đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, xen canh gối vụ, tiếp tục mở mang diện tích nơi có điều kiện, bố trí cơ cấu giống lúa hợp lý với từng vùng và coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu.

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế bước đầu đã được quan tâm. Bằng các chính sách khuyến khích, huyện đã hỗ trợ hình thành các vườn cây ăn quả sạpôchê, cam, nuôi ba ba, trăn, ếch, riêng cá lồng phát triển 190 lồng... Một số cơ sở mạnh dần chuyển diện tích trồng lúa sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như ngô lai Pacific, Bioseed, LVN, lạc sen lai, đậu xanh lai...

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng phát triển nhanh. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp ngày một tăng, từ 24,4% năm 1991 lên 34,2% năm 1995<sup>1</sup>. Chăn nuôi gia súc phát triển mạnh. Tổng đàn trâu, bò năm 1990 là 10.000 con, tăng lên 15.058 con vào năm 1995. Các xã thuộc vùng gò đồi như Hải Lệ, Hải Phú, Hải Lâm, Hải Trường, Hải Sơn, Hải Chánh đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò đàn, đại gia súc. Bằng biện pháp kiên quyết, đã loại dần đàn lợn cỏ, đưa lợn lai

---

1. Xem: Số liệu thống kê 1990 - 1995.

kinh tế có hiệu quả cao theo phương châm: lai - đại bạch - nạc hóa đàn lợn. Chú trọng phát triển dần việc chăn nuôi lợn lai kinh tế trong nhân dân, đưa tổng số đàn lợn từ 30.500 con năm 1990 lên 32.604 con năm 1995.

Việc sử dụng giống mới có năng suất và hiệu quả cao ngày càng tăng cả trong trồng trọt và chăn nuôi. Thông qua công tác khuyến nông, người lao động từng bước nắm bắt kịp thời các biến động của thời tiết, giá cả, đầu tư sản xuất những mặt hàng, cây con phù hợp, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, diện tích, sản lượng cây hoa màu, cây thực phẩm, cây công nghiệp gần đây chưa nhiều, công tác phòng trừ sâu bệnh, vệ sinh phòng bệnh còn nhiều hạn chế. Một số cây, con đưa vào sản xuất nhưng không mang lại hiệu quả như trồng dâu nuôi tằm, nuôi ba-ba, trăn... Phong trào nuôi cá lồng do dịch bệnh nhiều nên nhanh chóng bị suy giảm. Thế mạnh gò đồi có điều kiện để phát triển trồng trọt, chăn nuôi nhưng chưa được khai thác đúng mức.

Với diện tích trên 33.000ha vùng đồi núi, hơn 2.000ha vùng cát ven biển, Hải Lăng ẩn chứa tiềm năng phát triển rất lớn về lâm nghiệp và khai thác lâm sản. Đảng bộ Hải Lăng chủ trương: "Đẩy mạnh tốc độ giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, có chính sách nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn trồng rừng và khai thác lâm nghiệp. Hết sức tranh thủ và sử dụng có hiệu quả vốn PAM để từng bước phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Làm tốt công

tác quản lý và bảo vệ rừng, khai thác vốn rừng hiện có" <sup>1</sup>.

Nhờ thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy về phát triển kinh tế vùng gò đồi, núi thấp, vùng cát ven biển; thực hiện giao đất, khoán rừng đến từng hộ gia đình qua các chương trình PAM, 327, 773..., nên hàng năm diện tích trồng rừng mới đều tăng. Năm 1991, toàn huyện trồng mới được 96ha rừng tập trung và 12 vạn cây phân tán. Diện tích rừng tăng từ 3.492ha năm 1992 lên 4.125ha năm 1994. Tốc độ phát triển bình quân từ 1991 đến 1994 của ngành lâm nghiệp Hải Lăng là 37,4%, năm cao nhất (1993) đạt 99,5% <sup>2</sup>. Độ che phủ của rừng được tăng lên đáng kể, từ 13,3% năm 1991 lên 19,21% năm 1993, và 28,15% năm 1995, vượt chỉ tiêu kế hoạch gần 8% (trên 20%) <sup>3</sup>.

Trước kia, việc kinh doanh nghề rừng chủ yếu chỉ tập trung vào khai thác gỗ và các loại lâm sản. Đến nay việc thực hiện các chính sách quản lý và phát triển nghề rừng trong khối nông - lâm nghiệp có sự dịch chuyển theo hướng giảm hộ nông - lâm nghiệp thuần túy, tăng hộ nông - lâm nghiệp kiêm ngành

---

1, 2. Huyện ủy Hải Lăng: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng tại Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995* (vòng 2), Hải Lăng, 8-1991.

3. UBND huyện Hải Lăng: *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 1996*, Hải Lăng, 1996; *Báo cáo tóm tắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội từ 1990 - 1994 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 1995 - 1999*.

nghề, nông - lâm nghiệp kiêm ngư nghiệp và dịch vụ. Các mô hình sản xuất nông - lâm, lâm - nông được hình thành và phát triển làm cho thu nhập của nhóm hộ này tăng lên rõ rệt.

Trong những năm 1990 - 1995, ngành thủy sản huyện nhà tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới quản lý kinh tế, giải phóng năng lực sản xuất, tổ chức lại các đơn vị thuyền nghề, chủ động đánh bắt thủy sản, phát huy thế mạnh ngư trường vùng biển và diện tích mặt nước. Từng bước huy động các nguồn vốn đầu tư để tăng năng lực, phương tiện đánh bắt, đồng thời kết hợp nông - lâm - ngư để ngư dân nâng cao từng bước và đi vào ổn định đời sống. Năm 1995, lực lượng tàu thuyền phục vụ đánh bắt là 335 chiếc với tổng công suất 3.037 CV, trong đó có 5 thuyền lớn có công suất trên 60 CV. Sản lượng hải sản đánh bắt ngày một tăng, từ 500 tấn các loại năm 1991, đến năm 1994 đã là 760 tấn, và năm 1995 là 1.088 tấn (trong đó mực xuất khẩu đạt 100 tấn) <sup>1</sup>.

Nuôi trồng thủy sản cũng có những tiến bộ rõ rệt, diện tích mặt nước nuôi trồng tăng lên với tỷ lệ đáng kể (trên 40% từ năm 1990 - 1995). Đến năm 1995, diện tích nuôi trồng đạt trên 100ha, sản lượng nuôi trồng đạt 120 tấn... Các cơ sở sản xuất cá giống ở Hải Thượng, Hải Phú đã tạo được chỗ đứng, uy tín vững chắc, không

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng nhiệm kỳ 1991 - 1995. UBND huyện Hải Lăng: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 1995. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 1996.

chỉ cung cấp nguồn cá giống phục vụ nuôi trồng trong huyện mà còn cung ứng cho các địa phương khác.

Đảng bộ Hải Lăng hết sức quan tâm tạo điều kiện để tiểu thủ công nghiệp - công nghiệp huyện phát triển, phục vụ mặt trận sản xuất nông nghiệp và nhu cầu của nhân dân. Đảng bộ Hải Lăng chủ trương: "Tập trung đổi mới quy trình công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, đẩy mạnh sản xuất ngành vật liệu xây dựng; mặt khác, quan tâm chế biến nông - lâm - hải sản tại chỗ, khuyến khích phát triển cơ khí nhỏ, dịch vụ sửa chữa ngành nghề mới, khôi phục và phát triển các lò nung vôi phục vụ nông nghiệp" <sup>1</sup>.

Những ngành nghề truyền thống như sản xuất gạch ngói, mộc dân dụng, xay xát, cửa xẻ gỗ... tiếp tục được giữ vững và phát triển. Đặc biệt, đã xuất hiện những ngành nghề mới như sản xuất xăm lớp xe đạp, chế biến nước mắm, miến... đưa giá trị sản phẩm công nghiệp năm 1990 đạt 3.963 triệu đồng (theo giá cố định năm 1989), năm 1995 đạt trên 6 tỷ đồng, trong đó tốc độ tăng trưởng nhanh nhất là ngành sản xuất vật liệu xây dựng - từ 469 triệu đồng năm 1990 tăng lên 1.502 triệu đồng vào năm 1995 <sup>2</sup>.

Đảng bộ Hải Lăng có nhiều chính sách, biện pháp cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện. Trong cơ

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Lăng tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995.

2. Phòng Thống kê huyện Hải Lăng: Niên giám thống kê 1995 - 1996.

chế mới, hoạt động của các ngành thuộc nhóm thương mại - dịch vụ được phát triển thích ứng với cơ chế thị trường, các tiểu vùng kinh tế được hình thành rõ nét. Nhờ vậy, tốc độ tăng trưởng của các nhóm thuộc ngành này bình quân hàng năm (1990 - 1995) tăng 9,7%. Số hộ kinh doanh thương mại - dịch vụ năm 1995 có 682 hộ trong tổng số 891 hộ tham gia kinh doanh <sup>1</sup>. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa tăng nhanh, từ 24.882 triệu đồng năm 1992 lên 40.500 triệu đồng năm 1995 <sup>2</sup>. Tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế cũng tăng từ 19,7% năm 1991 lên 26,2% năm 1995; thu hút 9,7% lao động trong nền kinh tế.

Tuy tổng mức lưu chuyển hàng hóa của thương nghiệp quốc doanh chỉ chiếm 16,3%, nhưng có vai trò quan trọng trong quá trình điều tiết hàng hóa thiết yếu trên thị trường. Ngành đã nắm bắt được một số mặt hàng chiến lược như xăng, dầu, vật tư nông nghiệp. Một số chợ nông thôn được xây dựng mới và nâng cấp, góp phần đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất đa dạng và phong phú của xã hội.

Hoạt động thu, chi ngân sách cũng được Đảng bộ tích cực chỉ đạo, đôn đốc thực hiện. Nhờ sự nỗ lực của ngành thuế và các ngành liên quan, việc thu ngân sách đạt được kết quả khá, công tác thu, chi ngân sách bảo đảm và dần dần đi vào ổn định. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 1991 là 1.612 triệu đồng,

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Lăng: *Báo cáo chính trị nhiệm kỳ 1991 - 1995*.

năm 1995 đạt 4.986 triệu đồng (thu trên địa bàn là 3.953 triệu đồng). Trong 5 năm 1991 - 1995, toàn huyện thu ngân sách Nhà nước đạt 15.500 triệu đồng, trong đó thu trên địa bàn là 11.724 triệu đồng.

Từ năm 1991 đến 1995, huyện đã giành một tỷ lệ thích đáng trong ngân sách để giải quyết các vấn đề kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục - y tế... Cụ thể trong 5 năm, chi ngân sách là 13.530 triệu đồng, trong đó chi cho sự nghiệp kinh tế chiếm 16,96%, văn hóa - xã hội chiếm 22,02%, quản lý hành chính chiếm 25,48%...

Gắn liền với phát triển kinh tế hàng hóa, hệ thống giao thông vận tải - bưu điện luôn đóng vai trò quan trọng. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995 chỉ rõ: "Tranh thủ huy động mọi nguồn vốn để giải quyết một bước cải tạo đồng ruộng, giao thông nông thôn, thi công đường ra đồng ruộng, mở một số tuyến đường đến trung tâm huyện lỵ, các trục đường chính ra biển...". Hàng năm huyện tập trung huy động nguồn vốn để tu bổ, nâng cấp và phát triển mạng lưới giao thông trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn vốn huy động từ 108,8 triệu đồng năm 1991 đã tăng lên đến 1,5 tỷ đồng năm 1995, chiếm 20,59% tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản của huyện. Từ 1991 - 1995, Hải Lăng huy động được nguồn vốn phục vụ cho công tác giao thông là 4,15 tỷ đồng, góp phần mở rộng, tu bổ và cải tạo các tuyến đường <sup>1</sup>.

---

1. UBND huyện Hải Lăng: Báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội 1990 - 1994.

Cuối năm 1994, toàn huyện có 256,77 km đường, trong đó có 2,8 km đường nhựa và 92,8 km đường cấp phối; xây dựng mới tuyến đường cấp phối Hội Yên - Hải An, Hải An - Hải Khê, Hải Dương - Hải Khê; làm đường vùng cát; nâng cấp, xây dựng các tuyến đường liên xã, liên thôn, đường ra đồng ruộng được trên 25 km; đường ô tô đã về đến 21/21 xã, thị trấn <sup>1</sup>.

Với hệ thống giao thông trên, ngành vận tải hàng hóa có những bước chuyển biến đáng kể, không những đáp ứng nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân, mà còn ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành thương mại - dịch vụ. Đảng bộ đã khuyến khích, hỗ trợ các hợp tác xã và tư nhân đầu tư đổi mới trang thiết bị, mua sắm phương tiện vận tải, tu sửa bến bãi... Nhờ vậy, đến năm 1995, Hợp tác xã giao thông vận tải của huyện đã có 40 xe cơ giới các loại, trong đó có 5 ô tô vận tải, 11 ô tô chở khách; các loại xe công nông, xe bánh lốp gia tăng đáng kể ở nhiều vùng, góp phần giải phóng đôi vai của người dân; khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng từ 1.200 tấn năm 1991 lên 17.600 tấn năm 1995, đưa tổng doanh thu vận tải đạt từ 188 triệu đồng năm 1991 lên 646 triệu đồng năm 1995; có 108 lao động trong ngành vận tải có việc làm ổn định <sup>2</sup>.

Ngành bưu điện cũng được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Năm 1995, toàn huyện có 150 máy

---

1, 2. Xem: *Niên giám thống kê năm 1990 - 1995*.



diện thoại, hệ thống đài, trạm truyền thanh cơ sở được mở rộng khắp trong toàn huyện với trên 30 trạm. Công tác chuyển phát thư từ, báo chí được đảm bảo kịp thời, phục vụ đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân <sup>1</sup>.

Sau khi lập lại huyện, để làm thay đổi bộ mặt cơ sở hạ tầng và tạo tiền đề cho sự phát triển của địa phương, Đảng bộ Hải Lăng đã tập trung nhiều công sức, tiền của, huy động các nguồn lực, từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu bức thiết của nền kinh tế - xã hội.

Thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", Hải Lăng huy động các nguồn vốn từ Nhà nước, từ nhân dân và từ sự viện trợ của bạn bè quốc tế, nên tổng mức vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản tăng lên đáng kể. Từ năm 1991 đến 1995, đã huy động được nguồn vốn cho công tác này là 22,8 tỷ đồng, mức đầu tư xây dựng cơ bản bình quân hàng năm trên 4,5 tỷ đồng, trong đó nguồn ngân sách chiếm 47,63% <sup>2</sup>.

Đặc biệt, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện quán triệt nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng cơ bản là: "Đồn nguồn vốn đầu tư cho một số công trình thủy lợi, tưới tiêu, ưu tiên vùng úng và vùng chưa có nước, xây dựng các tuyến kênh

---

1. Xem: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995. Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 1996.

2. Xem: Niên giám thống kê năm 1990 - 1995.

điện thoại, hệ thống đài, trạm truyền thanh cơ sở được mở rộng khắp trong toàn huyện với trên 30 trạm. Công tác chuyển phát thư từ, báo chí được đảm bảo kịp thời, phục vụ đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân <sup>1</sup>.

Sau khi lập lại huyện, để làm thay đổi bộ mặt cơ sở hạ tầng và tạo tiền đề cho sự phát triển của địa phương, Đảng bộ Hải Lăng đã tập trung nhiều công sức, tiền của, huy động các nguồn lực, từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu bức thiết của nền kinh tế - xã hội.

Thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", Hải Lăng huy động các nguồn vốn từ Nhà nước, từ nhân dân và từ sự viện trợ của bạn bè quốc tế, nên tổng mức vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản tăng lên đáng kể. Từ năm 1991 đến 1995, đã huy động được nguồn vốn cho công tác này là 22,8 tỷ đồng, mức đầu tư xây dựng cơ bản bình quân hàng năm trên 4,5 tỷ đồng, trong đó nguồn ngân sách chiếm 47,63% <sup>2</sup>.

Đặc biệt, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện quán triệt nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng cơ bản là: "Đồn nguồn vốn đầu tư cho một số công trình thủy lợi, tưới tiêu, ưu tiên vùng úng và vùng chưa có nước, xây dựng các tuyến kênh

---

1. Xem: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995. Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 1996.

2. Xem: Niên giám thống kê năm 1990 - 1995.

đê bao nội đồng; dành một phần vốn đầu tư các công trình giáo dục, y tế và phúc lợi công cộng. Tạo điều kiện để các vùng, các xã phát triển mạng lưới điện... nhằm tăng khả năng phục vụ nhu cầu sản xuất, đời sống và sinh hoạt của nhân dân" <sup>1</sup>.

Trên cơ sở nguồn vốn được huy động, Đảng bộ Hải Lăng chỉ đạo tiếp tục thực hiện công tác điện khí hóa nông thôn. Hoàn thành công trình điện Văn Hải (Hải Quy), Kim Long (Hải Quế), đưa điện về Hải Xuân, Hải Thành... Đến cuối năm 1995, 19/21 xã, thị trấn trong huyện đã có điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt, tỉ lệ hộ dùng điện là 94%; xây dựng thêm được 18 trạm bơm điện; tu sửa 8 hồ chứa nước vùng gò đồi, xây dựng 3 km đê bao ở Hải Hòa và tiến hành thi công công trình thủy lợi ở Hải Trường với số vốn gần 800 triệu đồng...

Hoàn thành nhiều công trình phúc lợi công cộng và văn hóa - xã hội như hệ thống các tuyến đường liên xã, liên thôn, đường đến các xã ven biển. Xây dựng hệ thống nước sạch ở Trung Đơn (Hải Thành). Nâng cấp và xây dựng các cơ sở trường học như Trường cấp II - III Nam Hải Lăng, Trường cấp II Hội Yên; Trường cấp I - II Hải An, Hải Thọ; 3 trường mẫu giáo ở Hải Quế, Hải Thành, Hải Trường... Đồng thời tiến hành xây dựng và đưa vào sử dụng trụ sở Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban Mặt trận huyện, Nhà Văn

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Lăng tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995.*

hóa trung tâm, trụ sở làm việc của Phòng Giáo dục, Hạt Kiểm lâm, Nghĩa trang liệt sĩ huyện, Đài tưởng niệm ở Hải Lệ, Hải Ba...; nâng cấp, sửa chữa các cơ sở y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho đông đảo nhân dân trong huyện.

*b) Văn hóa - xã hội*

Sự nghiệp giáo dục được Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng quan tâm đúng mức. Với nhận thức giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo những con người có kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật, có kỹ năng nghề nghiệp, lao động tự chủ, sáng tạo và có kỷ luật, đáp ứng nhu cầu phát triển nền kinh tế - xã hội của địa phương, trong thời gian từ 1991 đến 1995, Hải Lăng đã đầu tư trên 12,6 tỷ đồng để tập trung xây dựng cơ bản và trang bị cơ sở vật chất cho sự nghiệp giáo dục của huyện nhà.

Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Đảng bộ, ngành giáo dục huyện từng bước sắp xếp lại hệ thống trường lớp một cách hợp lý; củng cố cơ sở hạ tầng, ngói hóa trường học; xây dựng mới, nâng cấp một số trường lớp, xóa bỏ tình trạng học 3 ca. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được sắp xếp lại và ban hành chính sách ưu đãi, thu hút giáo viên dạy giỏi, giáo viên ngoại ngữ về dạy trên địa bàn. Ngoài chương trình chính khóa, còn chỉ đạo ngành giáo dục tổ chức các lớp dạy nghề, bổ túc văn hóa phục vụ nhu cầu học tập của đông đảo cán bộ và nhân dân.

Từ năm 1991 đến 1995, số lượng học sinh tăng lên rất nhanh. Riêng năm học 1994 - 1995, toàn huyện có 121 lớp mẫu giáo, thu hút hàng ngàn cháu trong độ tuổi đến lớp; 33 trường phổ thông thu hút 17.669 học sinh theo học. Chất lượng dạy và học không ngừng được nâng cao. Năm học 1994 - 1995, học sinh cấp I tốt nghiệp đạt tỷ lệ 99,9%, cấp II đạt 99%, cấp III đạt 92,7%<sup>1</sup>. Việc chăm lo bồi dưỡng, đào tạo học sinh giỏi cũng được chú trọng. Trong 5 năm 1991 - 1995, ngành giáo dục Hải Lăng đã tổ chức được nhiều đoàn tham gia các cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia, kết quả đạt được 4 giải quốc gia và 36 giải cấp tỉnh.

Công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đạt được những kết quả tốt, bình quân từ năm 1992 đến 1994 đạt 98,3%. Đến năm 1995, Hải Lăng đã phổ cập tiểu học ở 100% xã, thị trấn, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, xã Hải Phú được công nhận phổ cập cấp II<sup>2</sup>. Ngoài ra, Phòng Giáo dục huyện Hải Lăng còn tham gia chương trình chống mù chữ và phổ cập tiểu học của tỉnh, cử nhiều đoàn chống mù chữ và phổ cập tiểu học hỗ trợ cho huyện Hướng Hóa.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho toàn dân luôn được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt. Toàn huyện tiếp tục duy trì và đẩy mạnh khám, điều trị theo

---

1. Xem: Niên giám thống kê 1990 - 1995.

2. Xem: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995. Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 1996.

phương pháp y học dân tộc cổ truyền, đông - tây y kết hợp. Huyện đã đầu tư hàng trăm triệu đồng để tu sửa Bệnh viện huyện, xây dựng cơ sở vật chất, củng cố mạng lưới y tế xã, thôn và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế...

Đến năm 1995, cả huyện có 22 cơ sở y tế; hàng năm khám và điều trị cho hàng nghìn lượt người, phục vụ tốt việc chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. Đội ngũ cán bộ y tế không những được tăng cường về chất lượng mà còn được bổ sung về số lượng, từ 11 bác sĩ năm 1991 tăng lên 19 bác sĩ năm 1995. Hiệu quả khám, chữa bệnh ngày càng được nâng cao: năm 1991 có 15.434 lượt người khám bệnh, 11.307 ngày/người điều trị nội trú tại bệnh viện trung tâm và các cơ sở y tế; đến năm 1995 tăng lên 103.000 lượt người khám bệnh và 50.000 ngày/người<sup>1</sup>.

Công tác phòng chống các dịch bệnh, các chương trình y tế quốc gia được đội ngũ cán bộ y tế Hải Lăng thực hiện tốt, kịp thời chặn đứng, dập tắt các nạn dịch như sốt xuất huyết, sốt rét, lao, mắt hột... Tổ chức tốt các đợt tiêm phòng cho nhân dân, như tiêm phòng ổ bệnh ở trẻ em, cho trẻ em uống và tiêm Vitamin A.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và trẻ em được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, mạnh mẽ nên đã có những chuyển biến tốt. Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia

---

1. Xem: *Niên giám thống kê huyện 1990 - 1995*.

đình Hải Lăng đã không ngừng phát huy công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, cử các đội tuyên truyền về từng cơ sở; xây dựng đội ngũ công tác viên ở cơ sở có trình độ, lòng nhiệt huyết, vận động toàn dân thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bà mẹ và trẻ em. Đảng bộ huyện đề ra những chủ trương, biện pháp kiên quyết, nên tỷ lệ gia tăng dân số đã giảm đáng kể. Năm 1990, tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Hải Lăng là 2,57%, đến năm 1995 giảm xuống còn 2,02%.

Đội ngũ cán bộ văn hóa - thông tin thường xuyên được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các thiết chế văn hóa - thể dục, thể thao từng bước được hình thành ở trung tâm huyện lỵ và các cụm dân cư ở các tiểu vùng. Nếp sống văn hóa mới được xây dựng và phát triển, những biểu hiện văn hóa không lành mạnh từng bước bị đẩy lùi. Đài Truyền thanh huyện được nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh đài phát sóng FM với công suất 120 Kw phủ sóng trên toàn huyện, hầu hết các xã đều có trạm truyền thanh. Phương tiện nghe nhìn trong nhân dân tăng nhanh, năm 1994 toàn huyện có trên 8.000 tivi, hơn 720 đầu máy video, bình quân 4 hộ có một bộ radio cassette. Công tác sưu tầm, bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa được quan tâm; phòng đọc của thư viện ngày càng tăng số đầu sách, báo, tạp chí; số độc giả đến phòng đọc ngày càng đông.

Hoạt động thể dục, thể thao cũng khá phong phú, có trên 20 đội bóng chuyên của các xã, cơ quan, đơn

vị trên địa bàn, 6 đội bóng đá, 3 câu lạc bộ võ thuật, nhiều đội đua thuyền truyền thống... Huyện thường xuyên tổ chức thi đấu trong những ngày lễ hội; đồng thời tham gia thi đấu, hội diễn ở tỉnh đạt được giải cao.

Chính sách xã hội được Đảng bộ chú trọng thường xuyên và sâu rộng. Nhiều công trình phúc lợi xã hội được xây dựng và đưa vào sử dụng. Thông qua các dự án phát triển kinh tế, vốn giải quyết việc làm, vốn xóa đói giảm nghèo đã tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động. Đời sống nhân dân từng bước được ổn định, số hộ thiếu đói, hộ nghèo giảm đáng kể.

Về công tác đền ơn đáp nghĩa, đến năm 1995 đã xây dựng 26 căn nhà tình nghĩa, trao tặng nhiều sổ tiết kiệm với tổng số tiền 200 triệu đồng; xây dựng nghĩa trang liệt sĩ trung tâm huyện, một số nghĩa trang liệt sĩ xã và các nhà bia tưởng niệm; tìm kiếm và quy tập hơn 4.412 mộ liệt sĩ, đưa tổng số mộ liệt sĩ trên địa bàn huyện lên 9.933 mộ (1995)<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội như Hội Chữ thập đỏ, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em... đã thực hiện tốt các chương trình đề ra, giúp đỡ người già cô đơn, trẻ em không nơi nương tựa...

### *c) Quốc phòng - an ninh*

Huyện ủy luôn chăm lo giáo dục, nâng cao nhận thức đối với cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân

---

1. Xem: *Niên giám thống kê 1990 - 1995*.



về hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc tổ quốc xã hội chủ nghĩa; thường xuyên chăm lo công tác quốc phòng toàn dân, từng bước củng cố, xây dựng tuyến phòng thủ liên hoàn giữa các vùng, xây dựng 6 cụm an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu, mỗi cụm có từ 3 đến 4 xã. Tích cực xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vững mạnh. Bảo đảm chỉ tiêu giao quân hàng năm. Lực lượng vũ trang huyện được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen về công tác chính sách, 7 năm liền được công nhận là Đơn vị Quyết thắng, 5 năm liền được Bộ Tư lệnh Quân khu IV tặng cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua Quyết thắng và Bộ Quốc phòng tặng cờ Luân lưu. Nhiều xã và đơn vị, cơ quan được công nhận là Đơn vị Quyết thắng.

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, lực lượng công an đã phát hiện, đấu tranh làm thất bại nhiều âm mưu phá hoại của kẻ địch; triển khai nhiều đợt truy quét, tấn công tội phạm, đẩy lùi các tai - tệ nạn xã hội; mạng lưới an ninh nhân dân được củng cố, kiện toàn. Công an huyện được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Chiến công hạng III và nhiều năm liền được tặng danh hiệu Quyết thắng, trên 100 lượt các Ban Công an xã đạt được danh hiệu Đơn vị Quyết thắng, Đơn vị Tiên tiến. Cán bộ và nhân dân xã Hải Dương được công nhận là Lá cờ đầu toàn tỉnh khối nông thôn, Ban Công an xã được

Bộ Công an tặng cờ Thi đua xuất sắc 7 năm (1989 - 1996) <sup>1</sup>.

Công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố và xét xử được tăng cường, đúng pháp luật. Các vụ vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm minh, giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Ngoài ra, ngành tư pháp còn tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập các văn bản pháp luật.

## **2. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể**

Ngay sau khi lập lại huyện, Đảng bộ Hải Lăng đã tích cực và nhanh chóng kiện toàn lại bộ máy tổ chức, tiến hành thực hiện nhiệm vụ mới trong thời kỳ mới.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng nhằm đáp ứng công cuộc xây dựng và phát triển quê hương trong giai đoạn mới, Đảng bộ Hải Lăng kịp thời đề ra chủ trương về công tác xây dựng Đảng: ra sức học tập để nâng cao trình độ nhận thức, trình độ lãnh đạo, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trên nguyên tắc tập trung dân chủ, tránh khuynh hướng giản đơn, chủ quan, duy ý chí, tạo bước chuyển biến đồng bộ trong đổi mới cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ. Đồng thời, tăng cường công tác cán bộ, coi trọng nâng cao năng

---

1. Xem: Báo cáo tại Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến huyện Hải Lăng lần thứ I ngày 16-6-1999, chào mừng Quảng Trị 10 năm đổi mới và phát triển.

lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng; nhấn mạnh tính tự giác, gương mẫu trước quần chúng trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách và pháp luật của mỗi cán bộ, đảng viên.

Đổi mới và kiện toàn hệ thống tổ chức đảng là yêu cầu bức thiết nhất trong giai đoạn cách mạng mới. Dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương III (khóa VII) về việc đổi mới và nâng cao sức chiến đấu của Đảng, trên cơ sở lấy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội làm trọng tâm, xây dựng Đảng làm then chốt, Đảng bộ Hải Lăng không ngừng được củng cố trên tất cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Về công tác tổ chức, đầu tháng 5-1990, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị đã chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Hải Lăng gồm 15 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ có 4 đồng chí, đồng chí Hoàng Xuân Hòa được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lê Khước là Ủy viên Thường vụ thường trực, đồng chí Trần Ngọc Ánh là Ủy viên Thường vụ - Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, đồng chí Hoàng Anh Quyết là Ủy viên Thường vụ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện<sup>1</sup>.

Đến tháng 9-1991, Đại hội Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ X được tiến hành. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1991 - 1995 gồm 24 đồng chí. Đồng chí Lê Khước làm Bí thư, đồng chí Hoàng Anh Quyết làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban

---

1. Danh sách Ban Chấp hành xem ở phần Phụ lục.

nhân dân huyện, đồng chí Văn Ngọc Hùng là Ủy viên Thường vụ thường trực (từ năm 1993 là Phó Bí thư thường trực cho đến cuối nhiệm kỳ).

Đảng bộ Hải Lăng thường xuyên chú trọng công tác giáo dục, đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là các cán bộ chủ chốt. Hàng năm, Đảng bộ đã cử hàng trăm cán bộ tham gia các lớp học trung cấp, đại học, cao cấp chính trị, quản lý nhà nước... Đồng thời, Đảng bộ cũng thực hiện nghiêm túc việc học tập các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy để nâng cao chất lượng, sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên.

Thông qua các đợt sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chi bộ, các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, đường lối của cấp trên được các tổ chức cơ sở đảng kịp thời nắm bắt. Phần lớn đảng viên gương mẫu đi đầu trong mọi lĩnh vực công tác, nhất là trên mặt trận phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống mới. Định ra những tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể để quyết định phân loại, công nhận các cơ sở đảng đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh, qua đó các cơ sở đảng thấy rõ phương hướng để phấn đấu.

Năm 1991, số cơ sở đảng đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh chiếm 26,3%, đến năm 1995 con số này là 50%, đưa tổng số các cơ sở đảng trong sạch vững mạnh và khá lên hơn 94%<sup>1</sup>.

---

1. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XI, 1996.

Trong quá trình phấn đấu và trưởng thành, Đảng bộ huyện Hải Lăng luôn coi trọng công tác phát triển đảng viên mới cả về số lượng lẫn chất lượng. Hầu hết các cơ sở đảng thông qua hoạt động thực tiễn của đơn vị để phát hiện, bồi dưỡng những quần chúng ưu tú, kết nạp vào hàng ngũ của Đảng. Trong 5 năm, từ 1991 đến 1995, Đảng bộ kết nạp được 196 đồng chí, mở các lớp bồi dưỡng cho hàng trăm quần chúng ưu tú. Nhìn chung, số đảng viên mới kết nạp vào Đảng có trình độ văn hóa, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, phát huy được vai trò của mình trên nhiều lĩnh vực.

Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm pháp luật... Trong nhiệm kỳ 1991 - 1995, Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 143 trường hợp, trong đó khai trừ khỏi Đảng 18, cách chức 11, cảnh cáo 52, khiển trách 62 trường hợp<sup>1</sup>. Nhờ vậy đã góp phần xây dựng Đảng bộ vững mạnh, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên một bước trên tất cả các lĩnh vực, lòng tin của nhân dân vào Đảng ngày càng được củng cố.

Gắn liền với công cuộc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ Hải Lăng hết sức coi trọng việc phát huy chức năng quản lý, điều hành của hệ thống chính quyền các cấp. Các cấp chính quyền đã có những bước đổi mới về nội dung, phương thức chỉ đạo, quản lý và

---

1. Xem: *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XI, 1996.*

điều hành. Đội ngũ cán bộ được trẻ hóa dần, cải tiến phong cách, lề lối làm việc, tránh tình trạng quan liêu, mệnh lệnh. Từng bước cải tiến thủ tục hành chính, tập trung giải quyết và xử lý, tháo gỡ những vướng mắc cho cơ sở; nền dân chủ xã hội ở địa phương đã có bước phát triển đáng kể theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã bước đầu xác định được phương thức, mô hình hoạt động. Coi trọng các hình thức tập hợp đa dạng nhằm mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân trong huyện thực hiện nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh các hoạt động xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích thiết thực của nhân dân. Đã chuyển trọng tâm hoạt động về cơ sở và hướng vào các mục tiêu, chương trình cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng con người mới, nếp sống văn hóa mới ở nông thôn. Nhìn chung, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng của huyện đã thực hiện có hiệu quả Nghị quyết VII của Bộ Chính trị về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phản ánh những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

## **II - ĐẢNG BỘ HẢI LĂNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2000)**

Đảng bộ và nhân dân huyện Hải Lăng thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 trong bối cảnh có nhiều

thuận lợi cơ bản, dựa trên những thành tựu đáng kể đã gặt hái sau kế hoạch 1991 - 1995. Tuy nhiên, đây cũng là giai đoạn Đảng bộ và nhân dân toàn huyện phải đối phó với trận hạn hán khắc nghiệt năm 1998, trận lũ lịch sử cuối năm 1999, với nhiều thiệt hại về nhân mạng và tổn thất tài sản vật chất hàng trăm tỉ đồng. Song, được sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng vẫn phát huy cao độ truyền thống đoàn kết và quyết tâm thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà.

Tháng 3 năm 1996, Đảng bộ huyện Hải Lăng tiến hành Đại hội lần thứ XI. Đại hội tổng kết, đánh giá những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng đã đạt được, những tồn tại của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 và đề ra mục tiêu phát triển tổng quát cho giai đoạn 1996 - 2000 là: "Thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn trong mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội nhằm giảm hộ nghèo, tăng hộ khá và giàu. Tập trung phát triển nền kinh tế vững chắc, tạo những mũi nhọn có tính đột phá, chuyển nền kinh tế nông nghiệp độc canh sang nền kinh tế có cơ cấu: nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Đẩy mạnh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập, tăng tích lũy nội bộ, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, điều

hành của chính quyền, phong trào hành động cách mạng của quần chúng nhân dân".

Đặc biệt, Đại hội cụ thể hóa từng mục tiêu cho các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và công tác xây dựng Đảng, mặt trận, chính quyền, đoàn thể.

Đại hội Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XI bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XI gồm 35 đồng chí, Ban Thường vụ có 11 đồng chí. Đồng chí Lê Khước làm Bí thư, đồng chí Văn Ngọc Hùng làm Phó Bí thư thường trực, đồng chí Khổng Trung làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện<sup>1</sup>. Sau khi đồng chí Lê Khước trúng cử Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy và được điều động lên tỉnh nhận nhiệm vụ mới, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã bầu đồng chí Văn Ngọc Hùng giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trần Ngọc Ánh giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực từ 1-6-1996.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XII và Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng đã không ngừng khắc phục mọi khó khăn, đạt được những thành tựu trên tất cả các mặt: "Nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển khá, cơ sở hạ tầng tăng nhanh, văn hóa - xã hội có những chuyển biến tiến bộ, đảm bảo sự ổn định chính trị, đời sống nhân dân được cải thiện

---

1. Xem danh sách Ban Chấp hành ở phần Phụ lục.



đáng kể, bộ mặt nông thôn mới có nhiều khởi sắc", như Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đã khẳng định.

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản hoàn thành. Kinh tế tiếp tục phát triển, tiềm lực kinh tế được tăng lên đáng kể. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân từ năm 1996 đến 2000 là 9,04%/năm.

## **1. Những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh**

### *a) Kinh tế*

Tuy sản xuất nông nghiệp trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, thiên tai thường xuyên xảy ra, nhưng nhờ sự chủ động đối phó với tình hình, kịp thời đề ra những giải pháp tích cực nên kinh tế nông nghiệp tăng trưởng liên tục. Bằng các biện pháp chỉ đạo tập trung thâm canh, xen canh, gối vụ, tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là đầu tư thay giống IR38 bằng giống Khang Dân làm bộ giống chủ lực có năng suất cao vào sản xuất, nên năng suất lúa không ngừng tăng từ 78 tạ/ha năm 1995 lên 102,34 tạ/ha năm 2000. Sản lượng lương thực quy thóc cũng tăng từ 50.000 tấn năm 1990 lên 55.045 tấn năm 1997 và 69.056,9 tấn năm 2000, vượt chỉ tiêu đề ra 4.057 tấn. Bình quân lương thực đầu người từ 545kg (năm 1995) tăng lên 703kg<sup>1</sup>.

---

1. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII, năm 2000.

Song song với việc tập trung đầu tư tăng sản lượng lương thực, Đảng bộ huyện chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đưa một số diện tích cây lương thực có năng suất thấp sang trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây thực phẩm có giá trị kinh tế cao, hình thành vùng chuyên canh ở một số địa phương. Với những chính sách cụ thể, các loại cây công nghiệp ngắn ngày được phát triển về cả diện tích và năng suất như: đậu xanh 394,8ha, năng suất 8,8 tạ/ha; lạc 370,4ha, năng suất đạt 11,56 tạ/ha; dưa hấu 112,5ha, năng suất đạt 152 tạ/ha...<sup>1</sup> Năm bắt được khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế của cây tiêu, huyện mạnh dạn khuyến khích nhân dân trồng và hình thành các vườn tiêu. Tăng cường đầu tư vốn, tiến bộ khoa học kỹ thuật cho các hộ gia đình cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng chất lượng, hiệu quả kinh tế.

Trong sản xuất nông nghiệp, giống là một trong những khâu quan trọng. Huyện chỉ đạo nhân rộng các giống lúa có năng suất cao, khả năng kháng bệnh tốt, phù hợp với địa phương như X21, X23, Khang Dân, Ma Lâm 107... Tổ chức hàng trăm lớp học khuyến nông, phổ biến kịp thời những kiến thức cần thiết về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, về áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Có thể khẳng định chủ trương đưa các giống thoái hóa,

---

1. UBND huyện Hải Lăng: *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1998 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999.*

nhiễm sâu bệnh nặng như IR38 ra khỏi cơ cấu giống để đưa bộ giống chủ lực có năng suất cao, có khả năng chống sâu bệnh phù hợp với địa phương là một chủ trương đúng đắn, trở thành thực tiễn sinh động để tỉnh xây dựng cơ cấu bộ giống chủ lực toàn tỉnh trong giai đoạn này. Hải Lăng đi đầu trong tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW và tiếp tục thực hiện Luật Hợp tác xã và các nghị định của Chính phủ. Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện xây dựng đề án, đồng thời chỉ đạo đại hội điểm ở một số hợp tác xã để rút kinh nghiệm. Sau đại hội hợp tác xã, Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo công tác giải quyết những vấn đề tồn đọng của hợp tác xã cũ, chủ yếu là xử lý tình hình công nợ. Nhờ chỉ đạo chặt chẽ, tập trung nên cơ bản các hợp tác xã đều thu hồi hết nợ cũ, chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu kinh tế với các chính sách ưu tiên khuyến khích, hỗ trợ kinh tế hộ và kinh tế hợp tác. Cùng với nguồn ngân sách đầu tư của các chương trình và của huyện để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, chỉ đạo các hợp tác xã phát huy tinh thần tự chủ, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, con nuôi, hình thành các vùng chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa.

Cùng với chủ trương chuyển đổi hợp tác xã và chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý, Đảng bộ Hải Lăng cũng rất coi trọng và khuyến khích nhân dân đầu tư phát triển chăn nuôi, chú trọng cải tạo giống mới có năng suất và chất lượng cao, tăng cường phòng chống

dịch bệnh, thức ăn gia súc, vừa đảm bảo sức kéo vừa tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình "nạc hóa đàn lợn, Sind hóa đàn bò" đem lại những kết quả bước đầu. Mặc dù có bị thiệt hại nặng do trận lũ lịch sử tháng 11-1999 gây ra, nhưng đến năm 2000, tổng đàn lợn có 39.000 con, tăng 6.400 con; sản lượng thịt hơi tăng từ 1.654 tấn lên 1.900 tấn; đàn trâu, bò tăng nhanh từ 15.058 con năm 1995 lên 17.280 con năm 1998; năm 1999 và năm 2000, đàn gia súc, gia cầm đều phát triển, tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 25,2%<sup>1</sup>.

Công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được Đảng bộ coi trọng. Huyện quy định lấy 2 ngày 20-2 và 20-8 hàng năm làm ngày tiêm phòng cho đàn gia súc trên địa bàn huyện, nên hạn chế được dịch bệnh xảy ra. Chăn nuôi góp phần không nhỏ vào việc tăng thêm thu nhập của các hộ gia đình, có nơi là nguồn thu nhập chính của một số hộ.

Thực hiện chủ trương phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, Đảng bộ Hải Lăng xác định: "Hoàn thành việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân, khuyến khích và vận động các hộ nông dân đổi đất cho nhau để khắc phục tình trạng ruộng đất quá phân tán và manh mún"<sup>2</sup>, đồng thời "tranh

---

1. Xem: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII*, năm 2000.

2. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ 9 (khóa XI) về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1998.

thủ đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án trồng rừng Cộng hòa Liên bang Đức, chuẩn bị kế hoạch để sẵn sàng tiếp nhận chương trình trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ; phấn đấu trồng 1.100ha rừng tập trung và 0,5 đến 0,8 triệu cây phân tán" <sup>1</sup>.

Do quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ, huyện đã tranh thủ các dự án như PAM, 327, 773, CHLB Đức... nên công tác trồng mới, chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng đạt được nhiều kết quả. Đến năm 2000, toàn huyện trồng được 4.499,6ha rừng tập trung và 1,2 triệu cây phân tán, đưa tỉ lệ che phủ lên 35,7% <sup>2</sup>, trồng thêm hàng nghìn cây bóng mát ở thị trấn, trụ sở cơ quan, trường học, nơi công cộng và dọc theo tỉnh lộ 8. Việc chăm sóc, bảo vệ rừng được nhân dân chú trọng, tạo được sự chuyển biến về nhận thức trong việc phát triển kinh tế vùng gò đồi, vùng cát, nên đã hình thành trên 100 mô hình vườn đồi, vườn rừng..., góp phần tăng thu nhập, từng bước phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, tạo nên vành đai xanh bao quanh, cải tạo môi trường sinh thái. Trên cơ sở này, huyện chủ trương xây dựng làng sinh thái ở Hải Ba, từ đó nhân rộng ra các xã trong huyện.

Để khai thác tốt hơn tiềm năng nuôi trồng, đánh bắt, thu mua và chế biến thủy hải sản, trong những

---

1. Xem: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1998 của UBND huyện Hải Lăng.

2. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII.

năm thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, bằng những nguồn vốn tự có, vốn hỗ trợ, vốn vay, nhân dân đầu tư mua sắm ngư lưới cụ, tăng cường khả năng đánh bắt. Huyện thường xuyên quan tâm đến hoạt động khuyến ngư, cung cấp thông tin, đưa một số ngư dân đi học tập thực tế kỹ thuật đánh bắt xa bờ ở Quảng Nam. Tuy điều kiện thời tiết không thuận lợi, nhưng năng lực đánh bắt không ngừng được tăng lên. Với 274 thuyền máy, tổng công suất 4.261CV (trong đó 2 thuyền có công suất trên 45CV), trung bình hàng năm đánh bắt được 1.327 tấn hải sản các loại, trong đó xuất khẩu đạt 93 tấn - chủ yếu là mực và tôm<sup>1</sup>. Là huyện có ngư trường rộng lớn, nguồn hải sản phong phú, đa dạng, lực lượng lao động dồi dào và cần cù, được Đảng bộ Hải Lăng chỉ đạo sát sao, nên kinh tế biển của huyện tăng đáng kể, đời sống ngư dân ngày càng được nâng cao.

Với chủ trương của Huyện ủy: "Khai thác có hiệu quả diện tích mặt nước ao hồ, đầu tư cải tạo các hồ, đập, các diện tích trồng trọt mà giá trị kinh tế thấp để nuôi cá nước ngọt, mở rộng mô hình lúa - cá"<sup>2</sup>, diện tích nuôi trồng thủy sản không ngừng tăng lên từ 100 đến 110ha, sản lượng nuôi trồng trung bình hàng năm đạt 250 tấn. Mô hình lúa - cá bước đầu đưa vào thử nghiệm và đạt kết quả tốt. Nhiều hộ gia đình đã lấy nuôi trồng thủy hải sản làm nghề chính, tận

---

1, 2. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII.

dụng diện tích ao hồ, mặt nước để nuôi tôm - cá, lúa - cá, sen - cá... nhằm góp phần nâng cao thu nhập.

Nhịp độ tăng trưởng bình quân đạt 19,87%/năm, giá trị sản xuất đạt 25,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9,93% tổng giá trị sản xuất<sup>1</sup>. Với việc sử dụng các chính sách hỗ trợ, cho vay vốn ưu đãi, tạo điều kiện về đất đai, bù lãi suất... tiểu thủ công nghiệp đã từng bước ổn định, mở rộng thêm quy mô một số ngành nghề, khai thác tốt khả năng lao động, nhạy bén chuyển hướng sản xuất, tạo ra những sản phẩm ngày càng phong phú và đa dạng. Nhiều cơ sở, tổ hợp sản xuất, hộ gia đình sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã biết áp dụng liên hoàn các khâu kỹ thuật trong dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô và khả năng phương tiện vốn có, nên sản phẩm làm ra phần nào đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trong huyện và có khả năng đứng vững, cạnh tranh trên thị trường, như: sản xuất xăm lốp xe đạp ở Hải Chánh, chế biến hải sản xuất khẩu ở Mỹ Thủy, Hải An và dệt xăm lưới ở Hải Khê, rượu Xika Kim Long, Hải Quế...

Ngoài ra, Đảng bộ Hải Lăng còn chú trọng khai thác thế mạnh của địa phương về sản xuất vật liệu xây dựng, cửa xẻ gỗ và sản xuất các nông cụ. Các cơ sở, tổ hợp sản xuất mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, chế biến như công cụ cầm tay, máy tuốt lúa, xe cải tiến, các phương tiện vận tải thô

---

1. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII.

sơ... đều phát triển. Đã đầu tư chiều sâu và chuyển hướng phát triển sản xuất gắn với thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm và thu hút đông đảo lực lượng lao động trên địa bàn. Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo đầu tư vào công nghệ chế biến và quy hoạch đất đai để xây dựng nhà máy gạch tuynen Hải Chánh. Với nền tảng đó, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Hải Lăng từng bước khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế. Hàng năm, giá trị tổng sản phẩm của tiểu thủ công nghiệp - công nghiệp đạt khoảng 7 tỷ đồng, chiếm 12 - 13% trong cơ cấu kinh tế<sup>1</sup>.

Thực hiện chủ trương mở rộng và đẩy mạnh các loại hình thương mại trên các cụm tiểu vùng kinh tế, tạo điều kiện tiếp cận nhanh cơ chế thị trường, làm tăng khả năng giao lưu hàng hóa, Đảng bộ Hải Lăng đã đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp nhằm từng bước hoàn thiện và phát triển mạng lưới chợ và phố chợ trên địa bàn như các chợ Mỹ Chánh, Diên Sanh, Phương Lang, Kim Long...; xây dựng và đưa vào sử dụng bãi tắm Mỹ Thủy, thu hút hàng vạn khách mỗi năm đến tắm biển, nghỉ ngơi; xây dựng hệ thống thương mại tổng hợp, dịch vụ, các trung tâm buôn bán, thu hút khoảng 1.500 cơ sở, hộ gia đình kinh doanh thương mại - dịch vụ.

Sự năng động và hiệu quả của các loại hình thương mại - dịch vụ đã đưa tổng giá trị sản xuất toàn ngành tăng nhanh từ 50 tỷ đồng năm 1995 lên 92,464 tỷ

---

1. Phòng Thống kê Hải Lăng: *Niên giám thống kê 1996 - 1997*.



đồng năm 2000, chiếm 29,52% trong cơ cấu kinh tế; tổng mức lưu chuyển hàng hóa từ 40 tỷ 500 triệu đồng lên trên 70 tỷ đồng năm 2000; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 9,7%/năm trong thời kỳ 1991 - 1995 lên 11,28% thời kỳ 1996 - 2000 <sup>1</sup>.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu sản xuất kinh doanh của nhân dân, các hoạt động về tài chính - ngân hàng - tín dụng đều hoạt động có hiệu quả. Với phương châm kinh doanh theo cơ chế đi vay để cho vay, hệ thống ngân hàng, tín dụng đã huy động được nguồn vốn đáng kể, đảm bảo cho các đơn vị sản xuất kinh doanh, các hộ gia đình vay vốn thuận lợi để đầu tư, mở rộng sản xuất, giải quyết việc làm... Hàng năm, tổng doanh số cho vay vốn sản xuất, xóa đói giảm nghèo... đạt 20 tỷ đồng. Bên cạnh đó, việc thu, chi ngân sách cũng luôn được đảm bảo, khai thác hợp lý các nguồn thu, áp dụng các luật thuế, đặc biệt là thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp. Hàng năm, thu ngân sách trên địa bàn khá ổn định và có tăng trưởng. Huyện chấp hành tốt chỉ thị của Chính phủ về tiết kiệm chi 10% để đầu tư phát triển, do đó mỗi năm tiết kiệm được trên dưới 100 triệu đồng <sup>2</sup>. Đồng thời huyện thực hiện tốt chủ trương mua công trái xây dựng Tổ quốc, vận động

---

1. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII.

2. Xem: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1998 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng.

nhân dân mua được 1,9 tỉ đồng, đạt 125,22% kế hoạch.

Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" và được sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự quan tâm hưởng ứng của nhân dân, hệ thống giao thông tiếp tục được củng cố và xây dựng mới. Đến năm 2000, toàn huyện đã nhựa hóa thêm 34,18 km. Đảng bộ chủ trương thí điểm xây dựng 27,9 km đường bê tông giao thông nông thôn ở hai làng Câu Nhi và Lam Thủy, là cơ sở thực tiễn để tỉnh tiến hành chỉ đạo sơ kết, và Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn toàn tỉnh từ năm 2002; chăm lo nâng cấp, khôi phục hệ thống cầu cống... với tổng mức vốn huy động cho sự nghiệp giao thông là 9,038 tỷ đồng (năm 1998).

Mạng lưới điện được hoàn thành và đưa vào sử dụng, 21/21 xã, thị trấn đã có điện với 96% số hộ dùng điện sinh hoạt và sản xuất. Hệ thống các công trình thủy lợi tiếp tục hoàn chỉnh, đảm bảo nhu cầu tưới tiêu của huyện. Với 37 trạm bơm điện và bước đầu thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, đã phát huy tác dụng tưới tiêu cho các vùng lúa của huyện. Huyện ủy tập trung chỉ đạo có hiệu quả việc đầu tư xây dựng một loạt các công trình phúc lợi công cộng, chương trình cao tầng hóa trường học (từ 4 trường cao tầng, năm 2000 tăng lên 34 trường); xây dựng mới bệnh viện với quy mô 3 tỉ đồng; xây dựng phòng khám khu vực Tân - Hòa 500 triệu đồng; hoàn

thành xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan, 18/21 ủy ban xã có trụ sở cao tầng.

Đối với thị trấn Hải Lăng, huyện có sự điều chỉnh quan trọng về quy hoạch lại thị trấn huyện lỵ. Đây là bước chuyển biến căn bản cả về nhận thức, tư duy trong quá trình xây dựng mới đô thị. Chính nhờ có sự chuyển hướng trong xây dựng quy hoạch, cơ sở hạ tầng thị trấn Hải Lăng được đầu tư đồng bộ và quy hoạch đường sá, giao thông theo ô bàn cờ, hình thành khuôn viên đô thị, bước đầu định hình dáng dấp đô thị mới. Tổng mức vốn huy động đầu tư xây dựng cơ bản thường xuyên được bổ sung và bảo đảm. Từ 1996 đến 2000, tổng giá trị xây dựng cơ bản toàn địa bàn là 126 tỉ đồng, tăng gần 6 lần so với nhiệm kỳ trước. Nhờ vậy, bộ mặt kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn Hải Lăng ngày càng khởi sắc, những nhu cầu cơ bản về sản xuất và đời sống của nhân dân được nâng lên.

#### *b) Văn hóa - xã hội*

Tiếp tục quán triệt tư tưởng "Giáo dục là quốc sách hàng đầu", Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng đã không ngừng tăng cường đầu tư cho giáo dục - đào tạo, coi đây là động lực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. "Chỉ có thể tăng trưởng nguồn lực con người khi quá trình hiện đại hóa các ngành giáo dục, văn hóa, văn nghệ, bảo vệ sức khỏe, dân số và kế hoạch hóa gia đình gắn liền với việc kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc. Phát triển tách khỏi cội nguồn dân tộc thì nhất định sẽ lâm vào

nguy cơ tha hóa. Đi vào kinh tế thị trường, hiện đại hóa đất nước mà xa rời những giá trị truyền thống sẽ làm mất bản sắc dân tộc, đánh mất bản thân mình, trở thành cái bóng mờ của người khác, của dân tộc khác" <sup>1</sup>.

Nhận thức sâu sắc chủ trương của Đảng, xác định đầu tư giáo dục là đầu tư cho sự phát triển nền kinh tế - xã hội, cho sự tiến bộ xã hội, Đảng bộ Hải Lăng nhấn mạnh: "Đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa giáo dục nhằm duy trì và phát triển đồng bộ hệ thống các ngành học, chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học. Thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức, nhất là giáo dục lý tưởng cách mạng" <sup>2</sup>.

Bằng nhiều nguồn vốn huy động trong nhân dân, từ ngân sách đầu tư của huyện, dự án ODA, Phần Lan... hàng năm huyện Hải Lăng đầu tư hàng tỷ đồng để tập trung xây dựng cơ bản và trang thiết bị phục vụ dạy và học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Hệ thống trường, lớp ngày càng hoàn chỉnh, cơ cấu các ngành học phong phú, đa dạng. Ngoài hệ thống giáo dục phổ thông, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, xóa mù chữ, thì nhiều loại hình đào tạo như ngoại ngữ, tin học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ

---

1. Trích phát biểu của nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ IV Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (4-1-1993).

2. Xem: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII.*

thuật tổng hợp - dạy nghề, các lớp tình thương đã đáp ứng nhu cầu đào tạo con người trong giai đoạn cách mạng mới.

Hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và phong trào chống mù chữ phát triển sôi nổi ở hầu hết các địa phương trong toàn huyện. Đến năm 2000, 100% đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn có trường học kiên cố và bán kiên cố; sự nghiệp xã hội hóa giáo dục ngày càng phát triển, quy mô ngành học ngày càng lớn mạnh, tỷ lệ học sinh huy động đến trường, lớp ngày càng đông. Trên 21 xã, thị trấn với số dân chưa đến 100.000 người, nhưng có 3 trường trung học phổ thông (chưa kể có 6 xã có học sinh học ở Trường Trung học phổ thông thị xã Quảng Trị), một Trung tâm Giáo dục thường xuyên, một Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề thu hút hàng ngàn đối tượng tham gia; 40 trường phổ thông với trên 21.000 học sinh theo học; 20 trường mầm non thu nhận 4.654 cháu...<sup>1</sup>

Cùng với quy mô, chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao, phong trào khuyến học cũng được đẩy mạnh. Tỷ lệ tốt nghiệp trong tất cả các ngành học luôn đạt 97% trở lên; đội ngũ học sinh thi học sinh giỏi cũng có những kết quả đáng khích lệ, đạt 14 giải quốc gia và 154 giải cấp tỉnh<sup>2</sup>; huyện sớm được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, có 7

---

1, 2. Phòng Giáo dục và Đào tạo Hải Lăng: 10 năm tổng kết công tác giáo dục và đào tạo, năm 2000.

trường đạt chuẩn quốc gia; xây dựng quỹ Khuyến dạy khuyến học ở cấp huyện gần 140 triệu đồng, ở cơ sở mỗi đơn vị có từ 5 đến 22 triệu đồng.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên thường xuyên được củng cố và nâng cao chất lượng giảng dạy, từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Đến năm 2000, giáo viên trung học cơ sở đã được chuẩn hóa 100%, tiểu học 98% đạt chuẩn. Bên cạnh đó, ngành cũng tham mưu với huyện để có chính sách ưu đãi, thu hút giáo viên ngoại ngữ, tin học về địa phương công tác với mức hỗ trợ 1 triệu đồng/người, có chế độ ưu đãi đối với những giáo viên có hoàn cảnh khó khăn, công tác ở vùng Càng (500.000 đồng/người/năm).

Bằng những nỗ lực, cố gắng không mệt mỏi của ngành, được sự quan tâm của Huyện ủy, ngành giáo dục và đào tạo Hải Lăng không ngừng phấn đấu trên tất cả các mặt. Với những đóng góp đó, năm 1999, ngành giáo dục và đào tạo Hải Lăng được Chủ tịch Nước tặng thưởng 2 Huân chương Lao động hạng ba<sup>1</sup>; được ngành Giáo dục và đào tạo tỉnh đánh giá là huyện có phong trào giáo dục mạnh nhất tỉnh. Đây là phần thưởng cao quý, xứng đáng với những gì mà ngành Giáo dục và đào tạo Hải Lăng đã cống hiến cho sự nghiệp đào tạo con người trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

---

1. Hai Huân chương Lao động hạng ba cho ngành Giáo dục và đào tạo Hải Lăng và Trường Mầm non xã Hải Phú.

Về y tế, hàng năm, huyện đã đầu tư hàng trăm triệu đồng để xây dựng cơ sở vật chất, củng cố mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở. Đến năm 2000, 100% thôn có nhân viên y tế, 95% trạm xá xã có nữ hộ sinh, 40% các trạm xá xã có bác sĩ, khám và chữa bệnh cho hàng chục ngàn lượt người. Các chương trình y tế quốc tế và quốc gia được tiếp nhận và thực hiện có hiệu quả. Thường xuyên quan tâm, chăm sóc sức khỏe ban đầu, chống suy dinh dưỡng trẻ em. Kết quả, việc tiêm chủng cho trẻ em từ 1 đến 5 tuổi đạt 100%, uống vắc xin phòng bại liệt đạt 98%. Các hoạt động hành nghề y được tư nhân được kiểm tra và thực hiện tốt. Đặc biệt, sau đợt hạn hán kéo dài năm 1998 và trận lũ lịch sử tháng 11-1999 gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của nhân dân trong huyện, ngành Y tế Hải Lăng đã có nhiều cố gắng trong việc chặn đứng các bệnh dịch như tả, thương hàn, sốt xuất huyết... và công tác vệ sinh môi trường.

Bằng nguồn vốn hỗ trợ của Ủy ban Y tế Hà Lan - Việt Nam, huyện đã tiến hành khoan được trên 240 giếng nước bơm tay cung cấp nước sạch cho nhân dân các xã Hải Thiện, Hải Dương, Hải Ba, Hải Quế, Hải Hòa...

Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, đưa lại hiệu quả cao. Công tác truyền thông dân số được các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ, tăng cường việc tuyên truyền, cổ động, giáo dục và hướng dẫn nhân dân sử dụng các biện pháp tránh thai; tăng cường nhận thức

tầm quan trọng của vấn đề dân số, sức ép của dân số đối với sức khỏe cộng đồng, đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Nhờ thực hiện tích cực và cương quyết, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm đáng kể, từ 2,02% xuống còn 1,37% (chỉ tiêu đề ra là 1,6%), trong đó có 4 xã có tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,0% <sup>1</sup>. Các câu lạc bộ như Câu lạc bộ không sinh con thứ 3, Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc lần lượt xuất hiện và hoạt động có hiệu quả; các biện pháp tránh thai được sử dụng phổ biến hơn như dùng sản đạt 77% kế hoạch, đặt vòng tránh thai đạt 93,5%, dùng thuốc tránh thai đạt 115,5%, sử dụng bao cao su đạt 128% kế hoạch.

Hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao cũng được đẩy mạnh, từng bước hình thành các cơ sở văn hóa, thể dục - thể thao tại trung tâm huyện lỵ và một số xã. Đảng bộ thực hiện tốt các nghị quyết của trung ương (khóa VIII), Nghị quyết 87 và 88/CP của Chính phủ về việc lập lại kỷ cương các hoạt động văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của Nhà nước được tăng cường có hiệu quả. Với sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở đã từng bước xây dựng các chính sách về văn hóa, quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động, các thiết chế văn

---

1. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII.



hóa ở cơ sở. Do đó, các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của huyện Hải Lăng có những chuyển biến tích cực, lành mạnh, phong phú và đa dạng, góp phần bồi dưỡng con người mới xã hội chủ nghĩa có nhân cách sống cao đẹp, mang tình cảm, đạo đức và tâm hồn Việt Nam, có tri thức và bản lĩnh ngang tầm với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo kịp xu thế phát triển của thời đại.

Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư đã đẩy lên mạnh mẽ phong trào xây dựng Làng văn hóa, Gia đình văn hóa ở Hải Lăng. Đến năm 2000, toàn huyện đã xây dựng được 37 làng văn hóa, chiếm 57,8% số làng trong huyện<sup>1</sup>.

Hệ thống truyền thanh từng bước được củng cố và nâng cao chất lượng. Bằng chính sách đầu tư huyện hỗ trợ 20%, xã 40%, và hợp tác xã 40%, toàn huyện xây dựng trên 8 trạm truyền thanh cơ sở, nâng tổng số đài trạm lên 34/57 cơ sở. Nhờ vậy, công tác thông tin tuyên truyền có bước chuyển biến tích cực, kịp thời trong việc phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến tận cơ sở. Tiến hành xây dựng mới 8 điểm Bưu điện văn hóa xã, phủ sóng phát thanh, truyền hình cho 21/21 xã, thị trấn, đáp ứng phần nào nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Phương tiện nghe nhìn trong nhân dân cũng tăng từ 5,9% thời kỳ 1991 - 1995 lên 32,75% trong những năm

---

1. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII.

1996 - 2000 <sup>1</sup>. Các phong trào như: đua thuyền, hội thi giọng hát hay, bóng chuyền, bóng đá... cũng diễn ra khá sôi nổi, thu hút hàng nghìn lượt người tham gia.

Các hoạt động sưu tầm, tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa được chú trọng. Đến năm 1997, có 71 di tích được xếp hạng, trong đó có 24 di tích do huyện quản lý, 47 di tích do xã quản lý.

Các chính sách xã hội thường xuyên được sự chú trọng và quan tâm của cộng đồng. Công tác đền ơn, đáp nghĩa đối với những cá nhân và gia đình có công với nước ngày càng được quan tâm hơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Hải Lăng, đến năm 2000 đã xây dựng được 8 nhà bia tưởng niệm, nâng cấp và tu sửa các nghĩa trang liệt sĩ xã, huyện; xây dựng được 94 nhà tình nghĩa với tổng số tiền 1,39 tỷ đồng và quỹ đền ơn, đáp nghĩa 499,7 triệu đồng.

Thực hiện Pháp lệnh của Chủ tịch Nước về việc phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đến năm 2000 toàn huyện đã có 216 bà mẹ được Nhà nước truy tặng, phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng; các mẹ còn sống được các địa phương, cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng suốt đời. Có 8 cá nhân được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 14/21 xã, thị trấn được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân <sup>2</sup>. Công tác tìm

---

1. Xem: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII.

2. Xem cụ thể ở phần Phụ lục.

kiểm, quy tập mộ liệt sĩ được thực hiện tích cực. Hoàn thành việc khen thưởng kháng chiến và giải quyết xong hồ sơ tổn động sau chiến tranh. Các đối tượng xã hội như người không nơi nương tựa, nghèo đói, cơ nhỡ, tàn phế... được Đảng bộ và nhân dân quan tâm, tạo nên nét đẹp của cuộc sống cộng đồng, góp phần giảm bớt khó khăn cho nhiều gia đình và cá nhân.

Đối với phong trào xóa đói, giảm nghèo, Đảng bộ huyện chủ trương khuyến khích toàn dân tham gia tiết kiệm nhằm tích lũy vốn để mở rộng sản xuất, tập trung thực hiện chương trình vay vốn từ quỹ quốc gia để giải quyết việc làm. Tính từ năm 1996 đến 1998 đã có 6.041 lượt hộ nghèo được vay vốn với tổng số tiền 10 tỷ 467 triệu đồng, tổng dư nợ 9 tỷ 050 triệu đồng<sup>1</sup>. Phần lớn các hộ vay vốn đúng mục đích và đạt hiệu quả thiết thực. Nhờ vậy, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, hộ nghèo giảm đáng kể, từ 21,8% xuống còn 12,2%.

### *c) Quốc phòng - an ninh*

Quán triệt quan điểm Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI về quốc phòng - an ninh là "Giáo dục cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gắn phát triển kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế. Nâng cao cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, đặc

---

1. Xem: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1998 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999.

biệt quan tâm xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân"; đồng thời "nâng cao chất lượng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới"<sup>1</sup>, Đảng bộ đã thường xuyên chăm lo giáo dục, nâng cao nhận thức đối với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân về hai nhiệm vụ chiến lược, về âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, về vai trò của quần chúng nhân dân trong thế trận lòng dân, chiến tranh nhân dân.

Đảng bộ chủ động đấu tranh, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảng bộ cũng chú trọng lãnh đạo thực hiện các Nghị định 36/CP, 39/CP, 40/CP, 87/CP và Chỉ thị 406/CP của Chính phủ về việc lập lại trật tự an toàn giao thông, lập lại trật tự trên lĩnh vực văn hóa - xã hội... Các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ngày càng đi vào nề nếp. Chủ động nắm chắc diễn biến tình hình, cơ bản xử lý dứt điểm tại chỗ những vấn đề nảy sinh trong xã hội. Tăng cường công tác tấn công tội phạm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Các cơ quan hành pháp như Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án... hoạt động có hiệu

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XI, XII.

quả và tương đối đồng bộ. Công tác thanh tra, kiểm tra, thụ lý và thi hành án được tăng cường, đúng pháp luật. Các vụ vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm minh, đơn thư khiếu nại thường xuyên được giải quyết tốt... tạo môi trường thuận lợi cho nhân dân yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Gắn liền với việc xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương bao gồm xây dựng lực lượng, tổ chức huấn luyện, thao tập, diễn tập, tuyển quân hàng năm... đều hoàn thành xuất sắc. Hàng năm giao quân đều đạt chỉ tiêu 100%: năm 1995 giao 200 người, năm 1996 giao 140 người, năm 1997 giao 112 người, năm 1998 giao 90 người, năm 1999 giao 90 người<sup>1</sup>. Năm 2000, trong 21 xã và thị trấn, 25 đơn vị tự vệ thường xuyên duy trì chế độ báo động, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu hàng năm với quân số đạt 80 - 90%. Đi đầu trong việc thực hiện công tác sẵn sàng chiến đấu là dân quân các xã Hải Phú, Hải Thượng, Hải Dương, Hải Vĩnh...

Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cũng được tiến hành đều đặn hàng năm, năm cao nhất đạt tỷ lệ 1,85%, năm thấp nhất đạt 1,7%; xây dựng lực lượng tự vệ chiếm từ 60 đến 70% so với cán bộ công nhân viên chức. Công tác Đảng trong lực lượng quân

---

1. Xem tóm tắt thành tích *Tổng kết phong trào thi đua quyết thắng 1995 - 1999* của lực lượng vũ trang huyện Hải Lăng.

sự địa phương được chú trọng, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ ngày càng tăng. Năm 1995 đạt 9,5%; năm 1996 đạt 12,1%; năm 1997 đạt 13%; năm 1998 đạt 13,2%; năm 1999 đạt 13,5%<sup>1</sup>.

Ban Chỉ huy quân sự huyện còn phối hợp với Ban Giám hiệu các trường phổ thông để tổ chức giáo dục quốc phòng cho các em học sinh. Số lượng tham gia năm 1995 là 875 em, năm 1996 là 958 em, năm 1997 là 1.117 em, năm 1998 là 1.603 em, năm 1999 là 1.035 em.

Công tác hậu phương quân đội cũng có những chuyển biến tích cực. Ngoài việc đảm bảo đời sống cho những gia đình chính sách, hàng năm huyện đều tổ chức khám và điều trị cho những thương bệnh binh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, huy động hàng trăm triệu đồng xây nhà tình nghĩa, xây dựng nghĩa trang liệt sĩ, tìm kiếm và quy tập mộ liệt sĩ...

Với những thành tích trên, Nhà nước đã phong tặng Viện Kiểm sát nhân dân huyện 1 Huân chương Lao động hạng ba, Công an huyện 1 Huân chương Chiến công hạng ba, Quân sự huyện 1 Huân chương Chiến công hạng hai. Xã Hải Dương 5 năm liền được Bộ Công an tặng cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào Bảo vệ an ninh Tổ quốc khối nông thôn toàn tỉnh.

---

1. Xem tóm tắt thành tích *Tổng kết phong trào thi đua quyết thắng 1995 - 1999* của lực lượng vũ trang huyện Hải Lăng.

## 2. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể

Việc đổi mới và kiện toàn hệ thống tổ chức đảng là yêu cầu hết sức bức thiết cho giai đoạn cách mạng mới. Đảng bộ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về việc đổi mới và nâng cao sức chiến đấu của Đảng, trên cơ sở lấy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội làm trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt.

Từ kinh nghiệm thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, bước sang giai đoạn 1996 - 2000, trước những biến động của tình hình thế giới, sự chống phá của các thế lực thù địch, Đảng bộ Hải Lăng đã biết phát huy sức mạnh tổng hợp, hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc trên tất cả các mặt trận. Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng.

Trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, Đảng bộ chủ động triển khai tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện học tập các Nghị quyết của Trung ương (khóa VIII) như các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4, 5, 6; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy... nhằm đưa nội dung các nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống. Đội ngũ báo cáo viên được củng cố, báo chí được cung cấp tận các chi bộ xã, thị trấn; chủ động xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Là một huyện ngân sách còn khó khăn, nhưng với truyền thống "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", tôn vinh những công lao đóng góp của đội ngũ cán bộ, đảng viên đi trước, Đảng bộ chủ động ban hành chính sách khen thưởng đối với đảng viên nhận Huy hiệu 40, 50, 60 tuổi Đảng, đổi mới hình thức trao tặng Huy hiệu Đảng đến tận cơ sở, nhằm động viên những đảng viên có nhiều cống hiến và giáo dục thế hệ trẻ.

Việc nâng cao năng lực, sức chiến đấu cho đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn được Đảng bộ quan tâm kịp thời. Hàng năm, Đảng bộ có chính sách quy hoạch, đào tạo và sắp xếp đội ngũ cán bộ theo hướng chuẩn hóa. Trong 5 năm 1996 - 2000 đã đào tạo được 40 cán bộ có trình độ cử nhân chính trị, 51 cán bộ đại học chuyên môn, 165 trung cấp lý luận chính trị, 208 trung cấp chuyên môn, 136 cán bộ cấp xã và hợp tác xã tốt nghiệp văn hóa cấp III. Các đảng viên mới đã học xong chương trình lý luận chính trị phổ thông. Đến năm 2000, các trưởng, phó phòng, ban cấp huyện trở lên đều đã tốt nghiệp đại học, có nhiều đồng chí có bằng đại học chuyên môn và cử nhân chính trị.

Cán bộ chủ chốt ở xã cũng được quan tâm đào tạo nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo ở địa phương, hầu hết đã tốt nghiệp văn hóa cấp III và trung cấp lý luận chính trị hoặc chuyên môn, trong đó có 99 đồng chí đã và đang học đại học. Nhờ vậy các đảng bộ xã không ngừng được nâng cao năng lực lãnh đạo, nhất là lãnh đạo kinh tế, đủ khả năng hoàn thành nhiệm



vụ của Đảng, lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công tác xây dựng chi bộ nông thôn vững mạnh được đặc biệt quan tâm, hàng năm đã tổ chức mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ xây dựng Đảng, ra Nghị quyết 02-NQ/TV về nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo của chi bộ nông thôn; thông qua việc trực báo định kỳ hàng quý với Thường vụ Huyện ủy nhằm không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, nhất là năng lực lãnh đạo phát triển kinh tế. Hầu hết đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú và cán bộ chủ chốt của huyện, cán bộ các ban của Đảng bộ về dự sinh hoạt và chỉ đạo chi bộ nông thôn gắn với phụ trách địa bàn dân cư để kịp thời tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đồng thời tích cực vận động nhân dân đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giữ vững sự ổn định và phát triển ở nông thôn.

Công tác đào tạo, phát triển đảng viên mới được Đảng bộ quan tâm. Trong 5 năm 1996 - 2000, Đảng bộ tổ chức được 22 lớp bồi dưỡng đối tượng Đảng cho 862 quần chúng ưu tú, trong đó có 489 quần chúng được kết nạp vào Đảng, đưa số đảng viên trong huyện lên 1.770 đồng chí. Đặc biệt, Đảng bộ luôn quan tâm công tác xây dựng Đảng ở các trường học... Đến năm 2000, 100% số trường học có đảng viên, 95% thôn có chi bộ đảng, 100% đảng viên tham gia sinh hoạt nơi cư trú, phân công 93 cán bộ về chỉ đạo các chi bộ nông thôn, chi bộ yếu kém.

Công tác kiểm tra Đảng được thực hiện thường xuyên nhằm làm trong sạch đội ngũ cán bộ, làm tăng lòng tin của nhân dân vào Đảng. Phối hợp chặt chẽ với thanh tra và các cơ quan nhà nước trong công tác kiểm tra. Năm 2000 đã kiểm tra và kết luận 62 cơ sở đảng, gồm 48 chi bộ và 14 đảng bộ, xử lý kỷ luật nghiêm khắc 115 trường hợp, trong đó khai trừ khỏi Đảng 27, cách chức 8, cảnh cáo 53, khiển trách 27; thi hành kỷ luật 1 cấp ủy đảng cơ sở và 1 chi ủy chi bộ<sup>1</sup>, thay thế 21 cán bộ thuộc diện Thường vụ Huyện ủy quản lý do năng lực hạn chế, tiêu chuẩn chính trị không đảm bảo và vi phạm phẩm chất đạo đức. Nhờ làm tốt công tác kiểm tra nên số cơ sở đảng trong sạch vững mạnh tăng hàng năm, không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

Gắn liền với công cuộc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ Hải Lăng phát huy vai trò quản lý, điều hành của hệ thống chính quyền các cấp và các tổ chức quần chúng. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan từ cấp huyện đến cơ sở tập trung xử lý, giải quyết các công việc theo thẩm quyền, đúng phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, tránh chồng chéo, ách tắc trong công việc; thành lập Tổ công tác liên ngành để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân; tổ chức tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời; hạn chế hoặc lồng ghép các cuộc

---

1. Huyện ủy Hải Lăng: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII, Hải Lăng, tháng 2-2000.

hợp và nâng cao tính hiệu quả công việc. Sắp xếp lại các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và tinh giảm biên chế, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban; đổi mới công tác quản lý, lề lối làm việc, khắc phục tình trạng hành chính hóa; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Nhờ vậy, chính quyền các cấp đã cụ thể hóa những nội dung trong Nghị định bằng những chính sách, giải pháp để tổ chức thực hiện. Đồng thời, xây dựng các quy định, quy chế như: Quy chế tiếp dân; Quy trình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; Quy trình xây dựng quy ước, hương ước; Quy chế làm việc của chính quyền các cấp; Quy chế phối hợp giữa chính quyền với mặt trận các cấp... Sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng đã đem lại hiệu quả thiết thực, không khí dân chủ trong nội bộ Đảng và nhân dân được nâng lên, lòng tin của nhân dân vào Đảng được khẳng định. Nhân dân tin tưởng, phấn khởi thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của mình, đồng thời tham gia xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân. Trong cuộc bầu cử Quốc hội khóa X (7-1997) có 99,84% cử tri đi bầu cử; và trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp, mặc dù bị thiệt hại và chịu ảnh hưởng nặng nề của trận lũ lịch sử cuối năm 1999, nhưng vẫn có 99,99% cử tri đi bầu. Với sự lãnh đạo của Đảng bộ, các tổ chức quần chúng hoạt động có hiệu quả. Nhiều phong trào thi đua sôi nổi của các tổ chức quần chúng đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội

như các phong trào Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, Thanh niên lập nghiệp, Xóa đói giảm nghèo... xây dựng Hải Lăng giàu về kinh tế, đẹp về văn hóa, mạnh về an ninh - quốc phòng; hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hoạt động của mặt trận, các đoàn thể quần chúng tập trung vào việc vận động thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, tăng giàu; phát huy dân chủ cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa mới. Nhờ vậy, nguồn lực trong nhân dân được phát huy mạnh mẽ, đóng góp hàng tỷ đồng cùng với nguồn vốn của Nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Như vậy, kể từ ngày lập lại huyện Hải Lăng (tháng 5-1990), quá trình tiếp tục đổi mới kinh tế - xã hội đã tạo ra sự phát triển nhanh chóng; tình trạng suy thoái kinh tế, chậm phát triển văn hóa - xã hội được khắc phục.

Qua 10 năm lập lại huyện, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng của huyện Hải Lăng ngày càng ổn định và có bước phát triển mới, từ thị trấn đến nông thôn đang dần hình thành vóc dáng đô thị hóa, từng bước hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới đạt kết quả cao hơn trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

## KẾT LUẬN

LỊCH sử Đảng bộ huyện Hải Lăng thời kỳ 1975 - 2000 là chặng đường khôi phục, phát triển kinh tế gắn liền với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; là giai đoạn đầu xây dựng quê hương sau chiến tranh tàn phá nặng nề và phương thức sản xuất lạc hậu; tạo ra những tiền đề quan trọng cho bước phát triển của huyện nhà vào đầu thế kỷ XXI. Đây cũng là lịch sử của quá trình kế thừa, phát huy truyền thống của một huyện anh hùng trong đấu tranh cách mạng thành sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương theo đường lối đổi mới của Đảng.

Từ một huyện có nền nông nghiệp còn thấp kém, hậu quả chiến tranh để lại nặng nề, cơ sở vật chất hầu như không có gì đáng kể, tình hình chính trị - xã hội diễn biến phức tạp; thêm vào đó, điều kiện khí hậu, thời tiết mưa bão, lũ lụt, hạn hán liên tiếp xảy ra, cuộc sống của nhân dân trong huyện đều thiếu thốn, khó khăn mọi bề; song dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, hòa cùng niềm phấn khởi, vui mừng của nhân dân vì quê hương giải phóng, đất nước hòa bình, thống nhất, gia đình, bà con được đoàn tụ, cán

bộ, đảng viên, nhân dân và các lực lượng vũ trang đoàn kết một lòng, chung tay xây dựng lại quê hương theo đường lối của Đảng, nhất là thực hiện công cuộc đổi mới. Sau hai năm phục hồi, cải tạo và hàn gắn vết thương chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng đã từng bước đưa nền kinh tế thoát khỏi những khó khăn của thời hậu chiến, nhanh chóng ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn đời sống nhân dân trong công cuộc xây dựng chế độ mới.

Từ năm 1977 đến 1990, hai huyện Hải Lăng và Triệu Phong hợp nhất thành huyện Triệu Hải trong bối cảnh khó khăn đủ bề, vừa phải tiếp tục khắc phục hậu quả chiến tranh, khai hoang, phục hóa đất đai, vừa phải tập trung xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất, đời sống. Với đặc thù của một huyện có quy mô lớn, nhưng Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đã tạo nên những biến đổi sâu sắc: sản xuất có bước phát triển, đời sống mọi mặt của nhân dân trên bốn vùng kinh tế tạm ổn định, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và đời sống văn hóa tinh thần từng bước được nâng lên; quan hệ sản xuất mới ngày càng được củng cố; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; phong trào thi đua hành động cách mạng nẩy nở nhiều điển hình tiên tiến và nhân tố tích cực trên tất cả mọi mặt hoạt động.

Dẫu còn nhiều việc cần phải tiếp tục nỗ lực phấn đấu, nhưng thời kỳ Triệu Hải (1977 - 1990) đã tạo

được nền tảng căn bản, để từ đó Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng tiếp tục phát huy thành quả đạt được, khắc phục những tồn tại, đưa huyện nhà tiến kịp bước đường đổi mới vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng.

Từ khi Hải Lăng được lập lại (1-5-1990), Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo toàn diện về các mặt kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và công tác xây dựng Đảng.

Về kinh tế, giải quyết đồng bộ các khâu trong quá trình sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa, đảm bảo sản lượng lương thực gần bằng 1/3 sản lượng lương thực toàn tỉnh; từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, giảm dần tỉ trọng giá trị nông nghiệp trong cơ cấu nền kinh tế, tăng giá trị kinh tế của các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Cơ sở vật chất - kỹ thuật có bước phát triển mạnh mẽ, đồng bộ; bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới; hệ thống điện, đường, trường, trạm phát triển nhanh chóng; bước đầu hình thành đáng dấp đô thị ở trung tâm huyện lỵ và một số tiểu vùng kinh tế, tạo bước đi căn bản cho quá trình xây dựng nông thôn mới ở các giai đoạn tiếp theo.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến mới cả về dân trí, dân sinh và dân chủ; một số lĩnh vực phát triển nổi trội so với mặt bằng chung của tỉnh như việc phổ cập giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, quy hoạch và đào tạo cán bộ... Đời sống nhân dân nói chung và gia đình chính sách nói riêng không

ngừng được cải thiện, không còn hộ đói, giảm bớt hộ nghèo, số hộ giàu hàng năm tăng đáng kể.

Quốc phòng - an ninh không ngừng củng cố và tăng cường, hệ thống chính trị thường xuyên được kiện toàn và ngày càng phát triển về chất, phát hiện và xử lý đúng đắn nhiều vấn đề đặt ra từ thực tiễn cuộc sống, phục vụ và chăm lo tốt hơn đời sống quần chúng, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Từ những thành quả quan trọng đã đạt được, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII khẳng định: "Nền kinh tế huyện nhà vẫn tiếp tục phát triển khá, cơ sở hạ tầng tăng nhanh, văn hóa - xã hội có những chuyển biến tiến bộ, đảm bảo sự ổn định chính trị, đời sống nhân dân cải thiện đáng kể, bộ mặt nông thôn mới có nhiều khởi sắc. Đó là tiền đề quan trọng để chúng ta vững tin xây dựng những chủ trương có tính đột phá trong thời kỳ mới".

Thực tiễn của quá trình phấn đấu và trưởng thành với những thành tựu to lớn mà Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Hải Lăng đạt được trong giai đoạn 1975 - 2000 đã giúp cho Đảng bộ rút ra các bài học kinh nghiệm sau:

1. Vận dụng một cách sáng tạo chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng vào thực tiễn địa phương nhằm tạo ra những bước đi vững chắc trên từng lĩnh vực. Mạnh dạn đề ra nhiều giải pháp mới có tính chất đột phá; thực hiện việc đi tắt, đón đầu trong ứng dụng



các tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao dân trí, cải thiện mọi mặt đời sống của quần chúng nhân dân.

2. Coi trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, không ngừng phát huy truyền thống đoàn kết và thường xuyên chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, coi đó là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Luôn coi trọng công tác vận động quần chúng, thực hiện tốt dân chủ cơ sở, tuân thủ phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; chăm lo nâng cao dân trí, khuyến khích tài năng, huy động tối đa sức mạnh của nhân dân vào sự nghiệp cách mạng; luôn luôn gắn bó mật thiết với quần chúng, tập trung giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc đặt ra từ cơ sở, làm cho mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân không ngừng được củng cố, tăng cường, niềm tin của nhân dân đối với Đảng bộ ngày càng vững chắc.

4. Hết sức coi trọng công tác cán bộ, xem đó là một trong những nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng ở huyện nhà. Vừa chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ đứng đầu của hệ thống chính trị, vừa kiên quyết thay thế những cán bộ không đáp ứng yêu cầu; coi trọng công tác quy hoạch cán bộ, khơi dậy mọi nguồn lực nhằm đẩy nhanh công tác đào tạo cán bộ. Kiên quyết sắp xếp đội ngũ cán bộ theo hướng chuẩn hóa, nhằm tạo ra một đội ngũ cán bộ có phẩm chất, đạo đức và năng lực

công tác, đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng mới.

5. Đề cao ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực, nuôi dưỡng và khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế tại chỗ là chủ yếu; đồng thời biết tranh thủ ngoại lực, huy động các nguồn lực có được từ bên ngoài, để đạt được hiệu quả cao trong sự nghiệp xây dựng, phát triển; xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội phải gắn chặt với nhiệm vụ giữ vững quốc phòng - an ninh và kỷ cương phép nước.

Những thành quả tốt đẹp, những kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng trong những năm khôi phục, phát triển và bước đầu đổi mới nền kinh tế - xã hội là tài sản vật chất lẫn tinh thần quý giá; đó không chỉ là niềm tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, mà còn là điểm tựa quan trọng, tiền đề cần thiết để toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Hải Lăng bước vào giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Với truyền thống vẻ vang và khí thế cách mạng tiến công, Đảng bộ và nhân dân Hải Lăng quyết tâm xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp, tiến bước vững chắc vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới; cùng với nhân dân cả nước, cả tỉnh phấn đấu hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên quê hương, đất nước.

## PHỤ LỤC

### I - THÀNH TÍCH ĐƯỢC KHEN THƯỞNG \*

- Huyện Hải Lăng được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

- 16 Đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Mỹ:

1. Xã Hải Thượng
2. Xã Hải Phú
3. Xã Hải Lệ
4. Xã Hải Vĩnh
5. Xã Hải Lâm
6. Xã Hải An
7. Xã Hải Sơn
8. Xã Hải Tân
9. Xã Hải Chánh
10. Xã Hải Ba
11. Xã Hải Quế
12. Xã Hải Xuân
13. Xã Hải Hòa
14. Xã Hải Dương

---

\* Số liệu tính đến tháng 12-2002.

15. Ban An ninh huyện Hải Lăng

16. Đoàn Biên phòng 212 (Mỹ Thủy - Hải An)

• Cá nhân được tuyên dương anh hùng:

| STT | Họ và tên                           | Xã         | Thời kỳ     |
|-----|-------------------------------------|------------|-------------|
| 1.  | Liệt sĩ Phan Thanh Chung<br>(Thiêm) | Hải Thượng | chống<br>Mỹ |
| 2.  | Liệt sĩ Trần Thị Tâm                | Hải Khê    | "           |
| 3.  | Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Thiết           | Hải Lệ     | "           |
| 4.  | Liệt sĩ Mai Văn Toàn                | Hải Ba     | "           |
| 5.  | Liệt sĩ Trần Thị Tuyết              | Hải Xuân   | "           |
| 6.  | Đồng chí Văn Thị Xuân               | Hải Phú    | "           |
| 7.  | Đồng chí Võ Thiết                   | Hải Trường | "           |
| 8.  | Đồng chí Trần Hữu Thủy              | Hải Phú    | "           |

• Bà mẹ Việt Nam anh hùng:

| STT | Họ và tên     | Quê quán | Ghi chú  |
|-----|---------------|----------|----------|
| 1.  | Võ Thị Sảng   | Hải An   | còn sống |
| 2.  | Phan Thị Dỡ   | Hải An   |          |
| 3.  | Phan Thị Phàn | Hải An   |          |
| 4.  | Mai Thị Đoán  | Hải An   |          |
| 5.  | Lê Thị Doãn   | Hải An   |          |
| 6.  | Đặng Thị Hồi  | Hải An   |          |
| 7.  | Phan Thị Thạo | Hải An   |          |
| 8.  | Mai Thị Thanh | Hải An   |          |

| <i>STT</i> | <i>Họ và tên</i> | <i>Quê quán</i> | <i>Ghi chú</i> |
|------------|------------------|-----------------|----------------|
| 9.         | Lê Thị Hế        | Hải An          | còn sống       |
| 10.        | Võ Thị Thanh     | Hải An          |                |
| 11.        | Nguyễn Thị Tấn   | Hải An          |                |
| 12.        | Võ Thị Dẫn       | Hải An          |                |
| 13.        | Đoàn Thị Đă      | Hải An          |                |
| 14.        | Nguyễn Thị Lãnh  | Hải An          |                |
| 15.        | Đặng Thị Lếu     | Hải An          |                |
| 16.        | Đặng Thị Chung   | Hải An          |                |
| 17.        | Nguyễn Thị Liên  | Hải An          |                |
| 18.        | Đặng Thị Nghi    | Hải An          |                |
| 19.        | Võ Thị Hiên      | Hải An          |                |
| 20.        | Nguyễn Thị Duyên | Hải An          |                |
| 21.        | Phan Thị Thanh   | Hải An          |                |
| 22.        | Võ Thị Lộc       | Hải Ba          |                |
| 23.        | Võ Thị Rốt       | Hải Ba          |                |
| 24.        | Nguyễn Thị Bep   | Hải Ba          |                |
| 25.        | Mai Thị Trương   | Hải Ba          |                |
| 26.        | Lê Thị Rợ        | Hải Ba          |                |
| 27.        | Mai Thị Lễ       | Hải Ba          |                |
| 28.        | Nguyễn Thị Lưu   | Hải Chánh       |                |
| 29.        | Hoàng Thị Dâu    | Hải Chánh       |                |
| 30.        | Bùi Thị Thiù     | Hải Chánh       |                |
| 31.        | Nguyễn Thị Lũ    | Hải Chánh       |                |
| 32.        | Nguyễn Thị Sáu   | Hải Chánh       |                |

| <i>STT</i> | <i>Họ và tên</i> | <i>Quê quán</i> | <i>Ghi chú</i> |
|------------|------------------|-----------------|----------------|
| 33.        | Lê Thị Thử       | Hải Chánh       |                |
| 34.        | Nguyễn Thị Thởi  | Hải Chánh       |                |
| 35.        | Dương Thị Tuyên  | Hải Chánh       |                |
| 36.        | Nguyễn Thị Mười  | Hải Chánh       |                |
| 37.        | Hồ Thị Tới       | Hải Dương       |                |
| 38.        | Nguyễn Thị Nậy   | Hải Dương       |                |
| 39.        | Nguyễn Thị Xơ    | Hải Dương       |                |
| 40.        | Nguyễn Thị Giá   | Hải Dương       |                |
| 41.        | Trần Thị Diên    | Hải Dương       |                |
| 42.        | Nguyễn Thị Chi   | Hải Dương       |                |
| 43.        | Nguyễn Thị Nào   | Hải Dương       |                |
| 44.        | Lê Thị Địu       | Hải Dương       |                |
| 45.        | Phan Thị Mượn    | Hải Dương       |                |
| 46.        | Nguyễn Thị Túc   | Hải Hòa         |                |
| 47.        | Lê Thị Bốc       | Hải Hòa         |                |
| 48.        | Nguyễn Thị Xuy   | Hải Hòa         |                |
| 49.        | Lê Thị Móc       | Hải Hòa         |                |
| 50.        | Nguyễn Thị Thúc  | Hải Khê         | còn sống       |
| 51.        | Lê Thị Thiù      | Hải Khê         | còn sống       |
| 52.        | Nguyễn Thị Nậy   | Hải Khê         | còn sống       |
| 53.        | Trần Thị Suý     | Hải Khê         | còn sống       |
| 54.        | Trần Thị Lan     | Hải Khê         |                |
| 55.        | Nguyễn Thị Uy    | Hải Khê         |                |
| 56.        | Văn Thị Thơi     | Hải Khê         |                |

| STT | Họ và tên        | Quê quán | Ghi chú  |
|-----|------------------|----------|----------|
| 57. | Hồ Thị Vui       | Hải Khê  |          |
| 58. | Trần Thị Nậy     | Hải Khê  |          |
| 59. | Lê Thị Lan       | Hải Khê  |          |
| 60. | Lê Thị Nghệt     | Hải Khê  |          |
| 61. | Văn Thị Vện      | Hải Khê  |          |
| 62. | Dương Thị Thí    | Hải Khê  |          |
| 63. | Trần Thị Tành    | Hải Khê  |          |
| 64. | Nguyễn Thị Té    | Hải Khê  |          |
| 65. | Lê Thị Tắc       | Hải Khê  |          |
| 66. | Trương Thị Uyên  | Hải Khê  |          |
| 67. | Trần Thị Đuốc    | Hải Khê  |          |
| 68. | Văn Thị Kha      | Hải Khê  |          |
| 69. | Huỳnh Thị Yêm    | Hải Khê  |          |
| 70. | Trần Thị Phụng   | Hải Khê  |          |
| 71. | Đặng Thị Thị     | Hải Khê  |          |
| 72. | Trần Thị Bích    | Hải Khê  |          |
| 73. | Hoàng Thị Xin    | Hải Lâm  | còn sống |
| 74. | Nguyễn Thị Thoại | Hải Lâm  | còn sống |
| 75. | Nguyễn Thị Tý    | Hải Lâm  |          |
| 76. | Nguyễn Thị Tiềm  | Hải Lâm  |          |
| 77. | Nguyễn Thị Viễn  | Hải Lâm  |          |
| 78. | Nguyễn Thị Uyên  | Hải Lâm  |          |
| 79. | Võ Thị Hôi       | Hải Lâm  |          |
| 80. | Nguyễn Thị Hứa   | Hải Lâm  |          |

| STT  | Họ và tên        | Quê quán | Ghi chú  |
|------|------------------|----------|----------|
| 81.  | Nguyễn Thị Xuyên | Hải Lâm  | còn sống |
| 82.  | Nguyễn Thị Xảo   | Hải Lâm  |          |
| 83.  | Nguyễn Thị Ốm    | Hải Lâm  |          |
| 84.  | Trần Thị Đốc     | Hải Lâm  |          |
| 85.  | Trần Thị Vàng    | Hải Lâm  |          |
| 86.  | Nguyễn Thị Mèo   | Hải Lâm  |          |
| 87.  | Nguyễn Thị Tý    | Hải Lâm  |          |
| 88.  | Nguyễn Thị Chính | Hải Lâm  |          |
| 89.  | Nguyễn Thị Tuyết | Hải Lệ   |          |
| 90.  | Phạm Thị Chụt    | Hải Lệ   |          |
| 91.  | Hồ Thị Thí       | Hải Lệ   |          |
| 92.  | Hồ Thị Lê        | Hải Lệ   |          |
| 93.  | Nguyễn Thị Tý    | Hải Lệ   |          |
| 94.  | Nguyễn Thị Con   | Hải Lệ   |          |
| 95.  | Ngô Thị Bơi      | Hải Lệ   |          |
| 96.  | Nguyễn Thị Kiến  | Hải Lệ   |          |
| 97.  | Nguyễn Thị Thí   | Hải Lệ   |          |
| 98.  | Nguyễn Thị Ngẩn  | Hải Lệ   |          |
| 99.  | Nguyễn Thị Tám   | Hải Lệ   |          |
| 100. | Ngô Thị Liên     | Hải Lệ   |          |
| 101. | Phạm Thị Cạn     | Hải Lệ   |          |
| 102. | Nguyễn Thị Duật  | Hải Lệ   |          |
| 103. | Hồ Thị Đào       | Hải Lệ   |          |
| 104. | Ngô Thị Yến      | Hải Lệ   |          |



| STT  | Họ và tên        | Quê quán | Ghi chú                    |
|------|------------------|----------|----------------------------|
| 105. | Phan Thị Thỏn    | Hải Lệ   |                            |
| 106. | Hồ Thị Kiều      | Hải Lệ   |                            |
| 107. | Ngô Thị Khướu    | Hải Lệ   | còn sống                   |
| 108. | Phan Thị Địu     | Hải Lệ   | còn sống                   |
| 109. | Hà Thị Chút      | Hải Lệ   |                            |
| 110. | Trần Thị Mít     | Hải Phú  | còn sống<br>(có 9 liệt sĩ) |
| 111. | Nguyễn Thị Bạ    | Hải Phú  |                            |
| 112. | Văn Thị Huệ      | Hải Phú  |                            |
| 113. | Văn Thị Thùy     | Hải Phú  |                            |
| 114. | Trịnh Thị Phượng | Hải Phú  |                            |
| 115. | Lê Thị Thanh     | Hải Phú  |                            |
| 116. | Văn Thị Lý       | Hải Phú  |                            |
| 117. | Nguyễn Thị Thiện | Hải Phú  |                            |
| 118. | Trần Thị Miên    | Hải Phú  |                            |
| 119. | Nguyễn Thị Luân  | Hải Phú  |                            |
| 120. | Văn Thị Diên     | Hải Phú  |                            |
| 121. | Trần Thị Hân     | Hải Phú  |                            |
| 122. | Trần Thị Cường   | Hải Phú  |                            |
| 123. | Trần Thị Nào     | Hải Phú  |                            |
| 124. | Văn Thị Vinh     | Hải Phú  |                            |
| 125. | Văn Thị Thủ      | Hải Phú  |                            |
| 126. | Trần Thị Meng    | Hải Phú  |                            |
| 127. | Văn Thị Huy      | Hải Phú  |                            |

| STT  | Họ và tên        | Quê quán   | Ghi chú  |
|------|------------------|------------|----------|
| 128. | Nguyễn Thị Mãn   | Hải Phú    | còn sống |
| 129. | Văn Thị Chư      | Hải Phú    |          |
| 130. | Trần Thị Tránh   | Hải Phú    |          |
| 131. | Nguyễn Thị Quý   | Hải Phú    |          |
| 132. | Trần Thị Dẫn     | Hải Phú    |          |
| 133. | Hoàng Thị Bái    | Hải Quế    |          |
| 134. | Dương Thị Hôi    | Hải Quế    |          |
| 135. | Lê Thị Vườn      | Hải Quế    |          |
| 136. | Nguyễn Thị Uyên  | Hải Quế    |          |
| 137. | Võ Thị Thiù      | Hải Quy    |          |
| 138. | Thái Thị Ngoạn   | Hải Quy    | còn sống |
| 139. | Nguyễn Thị Tràng | Hải Sơn    |          |
| 140. | Nguyễn Thị Tâm   | Hải Sơn    |          |
| 141. | Lê Thị Liễu      | Hải Tân    |          |
| 142. | Lê Thị Lang      | Hải Tân    |          |
| 143. | Nguyễn Thị Lựu   | Hải Tân    |          |
| 144. | Bùi Thị Chất     | Hải Tân    |          |
| 145. | Nguyễn Thị Thi   | Hải Tân    |          |
| 146. | Trần Thị Duận    | Hải Tân    |          |
| 147. | Phan Thị Quỳ     | Hải Tân    |          |
| 148. | Nguyễn Thị Bàu   | Hải Tân    |          |
| 149. | Hoàng Thị Hú     | Hải Tân    |          |
| 150. | Nguyễn Thị Liễu  | Hải Tân    |          |
| 151. | Lê Thị Vy        | Hải Thượng |          |

| STT  | Họ và tên       | Quê quán   | Ghi chú  |
|------|-----------------|------------|----------|
| 152. | Lê Thị Thị      | Hải Thượng | còn sống |
| 153. | Nguyễn Thị Kiên | Hải Thượng | còn sống |
| 154. | Nguyễn Thị Siêm | Hải Thượng | còn sống |
| 155. | Trần Thị Giòng  | Hải Thượng | còn sống |
| 156. | Phan Thị Nãi    | Hải Thượng | còn sống |
| 157. | Đào Thị Vui     | Hải Thượng | còn sống |
| 158. | Bùi Thị Bộc     | Hải Thượng | còn sống |
| 159. | Phan Thị Phi    | Hải Thượng | còn sống |
| 160. | Đào Thị Hoài    | Hải Thượng | còn sống |
| 161. | Lê Thị Thuyền   | Hải Thượng | còn sống |
| 162. | Nguyễn Thị Kiêm | Hải Thượng | còn sống |
| 163. | Đào Thị Lách    | Hải Thượng |          |
| 164. | Nguyễn Thị Mẹo  | Hải Thượng |          |
| 165. | Phan Thị Thí    | Hải Thượng |          |
| 166. | Trần Thị Mùi    | Hải Thượng |          |
| 167. | Lê Thị Phi      | Hải Thượng |          |
| 168. | Phan Thị Diếp   | Hải Thượng |          |
| 169. | Trần Thị Bốc    | Hải Thượng |          |
| 170. | Lê Thị Ổi       | Hải Thượng |          |
| 171. | Phan Thị Nguyễn | Hải Thượng |          |
| 172. | Phan Thị Thảo   | Hải Thượng |          |
| 173. | Nguyễn Thị Quỳ  | Hải Thượng |          |
| 174. | Lê Thị Đẩu      | Hải Thượng |          |
| 175. | Nguyễn Thị Biên | Hải Thượng |          |

| <i>STT</i> | <i>Họ và tên</i> | <i>Quê quán</i> | <i>Ghi chú</i> |
|------------|------------------|-----------------|----------------|
| 176.       | Phan Thị Sâm     | Hải Thượng      |                |
| 177.       | Phan Thị Diệp    | Hải Thượng      |                |
| 178.       | Phan Thị Nguyệt  | Hải Thượng      |                |
| 179.       | Lê Thị Triền     | Hải Thượng      |                |
| 180.       | Nguyễn Thị Điều  | Hải Thượng      |                |
| 181.       | Nguyễn Thị Ngại  | Hải Thượng      |                |
| 182.       | Đào Thị Nồng     | Hải Thượng      |                |
| 183.       | Hồ Thị Chông     | Hải Thượng      |                |
| 184.       | Nguyễn Thị Đốc   | Hải Thượng      |                |
| 185.       | Lê Thị Khôi      | Hải Thượng      |                |
| 186.       | Hồ Thị Chinh     | Hải Thượng      |                |
| 187.       | Nguyễn Thị Thiên | Hải Thượng      |                |
| 188.       | Lê Thị Suối      | Hải Thượng      |                |
| 189.       | Trần Thị Dự      | Hải Thượng      |                |
| 190.       | Lê Thị Dương     | Hải Thượng      |                |
| 191.       | Trần Thị Hoàn    | Hải Thượng      |                |
| 192.       | Nguyễn Thị Cáo   | Hải Thượng      |                |
| 193.       | Đào Thị Cẩm      | Hải Thượng      |                |
| 194.       | Vương Thị Hựu    | Hải Thành       |                |
| 195.       | Lý Thị Em        | Hải Thành       |                |
| 196.       | Nguyễn Thị La    | Hải Thành       |                |
| 197.       | Hoàng Thị Miên   | Hải Thành       |                |
| 198.       | Hoàng Thị Lự     | Hải Thành       |                |
| 199.       | Đặng Thị Thi     | Hải Thiện       | còn sống       |

| STT  | Họ và tên        | Quê quán   | Ghi chú  |
|------|------------------|------------|----------|
| 200. | Lê Thị Nghĩa     | Hải Thiện  |          |
| 201. | Lê Thị Đói       | Hải Thiện  |          |
| 202. | Phan Thị Miên    | Hải Thọ    |          |
| 203. | Phan Thị Lữ      | Hải Thọ    |          |
| 204. | Trương Thị Lữ    | Hải Trường | còn sống |
| 205. | Trương Thị Dực   | Hải Trường | còn sống |
| 206. | Võ Thị Chanh     | Hải Trường |          |
| 207. | Mai Thị Chút     | Hải Trường |          |
| 208. | Nguyễn Thị Chút  | Hải Vĩnh   |          |
| 209. | Nguyễn Thị Thạc  | Hải Vĩnh   |          |
| 210. | Nguyễn Thị Lịch  | Hải Vĩnh   |          |
| 211. | Cái Thị Chánh    | Hải Vĩnh   |          |
| 212. | Phan Thị Quế     | Hải Vĩnh   |          |
| 213. | Nguyễn Thị Mão   | Hải Vĩnh   |          |
| 214. | Võ Thị Nga       | Hải Vĩnh   |          |
| 215. | Nguyễn Thị Thia  | Hải Vĩnh   |          |
| 216. | Nguyễn Thị Dung  | Hải Vĩnh   |          |
| 217. | Nguyễn Thị Trữ   | Hải Vĩnh   |          |
| 218. | Hoang Thị Sử     | Hải Vĩnh   |          |
| 219. | Nguyễn Thị Thoan | Hải Vĩnh   |          |
| 220. | Nguyễn Thị Thuần | Hải Vĩnh   |          |
| 221. | Nguyễn Thị Hoè   | Hải Vĩnh   | còn sống |
| 222. | Cái Thị Kính     | Hải Xuân   | còn sống |
| 223. | Lê Thị Ý         | Hải Xuân   |          |

| STT  | Họ và tên      | Quê quán | Ghi chú |
|------|----------------|----------|---------|
| 224. | Lê Thị Vê      | Hải Xuân |         |
| 225. | Lê Thị Dự      | Hải Xuân |         |
| 226. | Cáp Thị Tiến   | Hải Xuân |         |
| 227. | Cáp Thị Dung   | Hải Xuân |         |
| 228. | Cáp Thị Toại   | Hải Xuân |         |
| 229. | Lê Thị Ứng     | Hải Xuân |         |
| 230. | Lê Thị Đích    | Hải Xuân |         |
| 231. | Lê Thị Hạnh    | Hải Xuân |         |
| 232. | Lê Thị Dỵ      | Hải Xuân |         |
| 233. | Nguyễn Thị Nậy | Hải Xuân |         |
| 234. | Nguyễn Thị Tốt | Hải Xuân |         |

• **Huân, huy chương:**

- Toàn huyện có 9.986 người được khen thưởng huân, huy chương, bằng khen kháng chiến các loại, trong đó:

*Huân chương Độc lập:* 88 người

*Huân, huy chương:* 9.319 người

*Bằng khen của Chính phủ:* 480 người

*Bằng khen của UBND tỉnh:* 99 người

- Có 9 đơn vị và 2 cá nhân được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động, Huân chương Chiến công các hạng, gồm:

+ *Huân chương Chiến công:*

Công an huyện Hải Lăng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba

Quân sự huyện Hải Lăng: 1 Huân chương Chiến công  
hạng hai

+ *Huân chương Lao động*:

Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Hải Lăng: 1 Huân chương Lao động  
hạng ba

Phòng Tổ chức và lao động xã hội huyện Hải Lăng: 1 Huân chương Lao động  
hạng ba

Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng: 1 huân chương Lao động  
hạng ba

Trường Mầm non xã Hải Phú: 1 Huân chương Lao động  
hạng ba

Hợp tác xã sản xuất - kinh doanh - dịch vụ tổng hợp Long Hưng: 2 Huân chương Lao động  
hạng ba

1 Huân chương Lao động  
hạng hai

1 Huân chương Lao động  
hạng nhất

Hợp tác xã Đại An Khê: 1 Huân chương Lao động  
hạng ba.

Huyện đoàn Hải Lăng: 1 Huân chương Lao động  
hạng ba.

Đồng chí Văn Ngọc Hùng: 1 Huân chương Lao động  
hạng ba

Đồng chí Cáp Đình Hội: 1 Huân chương Lao động  
hạng ba

## II - MỘT VÀI SỐ LIỆU THỐNG KÊ \*

• Liệt sĩ:

Toàn huyện có 3.361 liệt sĩ, trong đó:

| STT | Địa phương    | Số liệt sĩ |
|-----|---------------|------------|
| 1.  | Xã Hải Lệ     | 298        |
| 2.  | Xã Hải Phú    | 135        |
| 3.  | Xã Hải Thượng | 453        |
| 4.  | Xã Hải Xuân   | 218        |
| 5.  | Xã Hải Quy    | 148        |
| 6.  | Xã Hải Vĩnh   | 208        |
| 7.  | Xã Hải Ba     | 138        |
| 8.  | Xã Hải An     | 219        |
| 9.  | Xã Hải Khê    | 139        |
| 10. | Xã Hải Dương  | 106        |
| 11. | Xã Hải Quế    | 169        |
| 12. | Xã Hải Thành  | 108        |
| 13. | Xã Hải Thiện  | 107        |
| 14. | Xã Hải Thọ    | 106        |
| 15. | Xã Hải Lâm    | 187        |
| 16. | Xã Hải Trường | 121        |
| 17. | Xã Hải Sơn    | 87         |
| 18. | Xã Hải Chánh  | 136        |
| 19. | Xã Hải Tân    | 192        |
| 20. | Xã Hải Hòa    | 86         |

\* Số liệu tính đến tháng 12-2002.



• Thương binh và những người được hưởng chính sách như thương binh:

Toàn huyện có 1.895 người, trong đó:

| <i>STT</i> | <i>Địa phương</i> | <i>Số người</i> |
|------------|-------------------|-----------------|
| 1.         | Xã Hải Lệ         | 273             |
| 2.         | Xã Hải Phú        | 130             |
| 3.         | Xã Hải Thượng     | 326             |
| 4.         | Xã Hải Xuân       | 72              |
| 5.         | Xã Hải Quy        | 52              |
| 6.         | Xã Hải Vĩnh       | 108             |
| 7.         | Xã Hải Ba         | 62              |
| 8.         | Xã Hải An         | 235             |
| 9.         | Xã Hải Khê        | 63              |
| 10.        | Xã Hải Dương      | 16              |
| 11.        | Xã Hải Quế        | 70              |
| 12.        | Xã Hải Thành      | 25              |
| 13.        | Xã Hải Thiện      | 54              |
| 14.        | Xã Hải Thọ        | 22              |
| 15.        | Xã Hải Lâm        | 89              |
| 16.        | Xã Hải Trường     | 62              |
| 17.        | Xã Hải Sơn        | 47              |
| 18.        | Xã Hải Chánh      | 60              |
| 19.        | Xã Hải Tân        | 68              |
| 20.        | Xã Hải Hòa        | 12              |
| 21.        | Thị trấn Hải Lăng | 49              |

• **Bệnh binh và những người được hưởng chính sách:**

- 153 người là bệnh binh.
- 1.403 người có công với cách mạng đã được hưởng chính sách.
- 2.273 người tham gia hoạt động kháng chiến đã được hưởng chính sách.

• **Nghĩa trang liệt sĩ và bia tưởng niệm:**

- Có 11 nghĩa trang liệt sĩ, với 8.220 mộ liệt sĩ, trong đó:

|                                |                   |
|--------------------------------|-------------------|
| + Nghĩa trang Trung tâm huyện: | 1700 mộ liệt sĩ.  |
| + Nghĩa trang xã Hải Thượng:   | 1.994 mộ liệt sĩ. |
| + Nghĩa trang xã Hải Phú:      | 1.966 mộ liệt sĩ. |
| + Nghĩa trang xã Hải Trường:   | 1.175 mộ liệt sĩ. |
| + Nghĩa trang xã Hải Vĩnh:     | 288 mộ liệt sĩ.   |
| + Nghĩa trang xã Hải Thiện:    | 238 mộ liệt sĩ.   |
| + Nghĩa trang xã Hải Quế:      | 225 mộ liệt sĩ.   |
| + Nghĩa trang xã Hải Thọ:      | 214 mộ liệt sĩ.   |
| + Nghĩa trang xã Hải Chánh:    | 166 mộ liệt sĩ.   |
| + Nghĩa trang xã Hải Sơn:      | 164 mộ liệt sĩ.   |
| + Nghĩa trang xã Hải Khê:      | 90 mộ liệt sĩ.    |

- Có 18 nhà bia ghi danh liệt sĩ.

- Có 3 bia tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ (Phan Thanh Chung, Trần Thị Tâm, Mai Văn Toàn).

• **Di tích lịch sử:**

- Bia Chốt thép Vũ Trung Thương tại ngã ba Long Hưng, xã Hải Phú.

- Bia tưởng niệm nhân dân Mỹ Thủy (xã Hải An) bị thực dân Pháp tàn sát.

- Bia 9 dũng sĩ Phường Sấn, xã Hải Phú.

- Bia chứng tích ở Phú Long, xã Hải Phú (một trong những chi bộ ra đời đầu tiên của Đảng bộ Hải Lăng).

• Di tích lịch sử - văn hóa:

- Đình làng Câu Nhi, xã Hải Tân.

### **III - DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY HẢI LĂNG VÀ TRIỆU HẢI QUA CÁC NHIỆM KỲ (1975 - 2000) \***

#### **1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng (1975 - 4-1977)**

1. Lê Văn Hoan
2. Võ Thanh Bình
3. Bùi Văn Huy
4. Hồng Minh
5. Trần Quang Thế
6. Hoàng Khương
7. Hoàng Xuân Hòa
8. Hoàng Thanh Đạm
9. Phương Nam

---

\* Những chữ viết tắt: UVTV: Ủy viên Thường vụ, UBND: Ủy ban nhân dân, HĐND: Hội đồng nhân dân, UBMTTQVN: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

10. Phan Thị Cam Thảo
11. Lê Thị Thi
12. Văn Thị Thuyền
13. Văn Ngọc Lối
14. Trần Ngọc Ánh
15. Ngô Quận
16. Lê Đạt
17. Trần Phương
18. Hồ Quyết Thắng
19. Trần Minh Sơn
20. Hồ Mười
21. Nguyễn Xuân An
22. Nguyễn Béo
23. Nguyễn Văn Thắng

**Ban Thường vụ Huyện ủy Hải Lăng**  
**(1975 - 4-1977)**

1. Võ Thanh Bình - Quyền Bí thư Huyện ủy (đến 5-1976 đi học)
2. Lê Văn Hoan - Bí thư Huyện ủy (thay đồng chí Bình)
3. Hồng Minh - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện
4. Bùi Văn Huy - Phó Bí thư thường trực
5. Hoàng Khương - UVTV, Trưởng ban Tổ chức (sau đó chuyển ra Cam Lộ)
6. Trần Quang Thế - UVTV, Huyện đội trưởng

7. Hoàng Xuân Hòa - UVTV, phụ trách hợp tác hóa nông nghiệp
8. Hoàng Thanh Đạm - UVTV, Chủ tịch UBMTTQVN huyện

**2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải, khóa I (4-1977 - 1-1980)**

**Chính thức:**

1. Lê Văn Hoàn
2. Hồng Minh
3. Trần Xuyên Tâm
4. Hồ Ánh Ngân
5. Nguyễn Kham
6. Dương Quang Lưu
7. Võ Thanh Bình
8. Văn Viết Hóa
9. Nguyễn Văn Truyền
10. Lê Quang
11. Trương Hữu Quốc
12. Nguyễn Xuân An
13. Nguyễn Khung
14. Lê Quang Hòa
15. Lê Hữu Thắng
16. Trương Loan
17. Nguyễn Thị Huệ
18. Trần Minh Sơn

19. Văn Thị Huệ
20. Hoàng Xuân Hòa
21. Đỗ Kim Oanh
22. Lê Thế
23. Trần Quang Thế
24. Lê Anh Phương
25. Võ Đình Thông
26. Lê Văn Lợi
27. Trần Minh Thủy

**Dự khuyết:**

1. Nguyễn Văn Doan
2. Hoàng Anh Quyết

**Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Hải, khóa I**

- |                    |                                   |
|--------------------|-----------------------------------|
| 1. Lê Văn Hoan     | - Bí thư Huyện ủy                 |
| 2. Hồng Minh       | - Phó Bí thư thường trực          |
| 3. Trần Xuyên Tâm  | - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện |
| 4. Hồ Ánh Ngân     | - UVTV, Trưởng ban Tổ chức        |
| 5. Nguyễn Kham     | - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện   |
| 6. Dương Quang Lưu | - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện   |
| 7. Võ Thanh Bình   | - UVTV, Chủ tịch UBMTTQVN huyện   |

8. Nguyễn Văn Truyền - UVTV, Trưởng ban Tuyên giáo  
(sau đó đồng chí Lê Quang  
thay thế)
9. Văn Viết Hóa - UVTV, trực tiếp chỉ đạo hợp  
tác xã điểm

**3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải,  
khóa II (1-1980 - 11-1982)**

**Chính thức:**

1. Lê Văn Hoan
2. Trần Phương Thạc
3. Hồ Ánh Ngân
4. Nguyễn Kham
5. Dương Quang Lưu
6. Lê Thương
7. Trương Hoàng Hà
8. Lê Hữu Thăng
9. Trần Quang Thế
10. Trương Hữu Quốc
11. Lê Lợi
12. Nguyễn Xuân An
13. Võ Thanh Bình
14. Lê Văn Lợi
15. Nguyễn Xuân Hiền
16. Nguyễn Hiền

17. Võ Đình Thông
18. Nguyễn Huỳnh
19. Nguyễn Trí Trang
20. Hoàng Phước
21. Đỗ Kim Oanh
22. Lê Xuân Quang
23. Trần Thị Thi
24. Vũ Sơn Bình
25. Lê Thị Kim Cúc
26. Hồ Thanh Mười
27. Lê Vũ Bằng
28. Bùi Quang Lộc
29. Nguyễn Văn Doan
30. Trần Đăng Khoa
31. Hoàng Tiến Lân
32. Đoàn Thanh Bình
33. Phạm Hậu

**Dự khuyết:**

1. Nguyễn Hữu Quang
2. Trần Thị Thiện



## **Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Hải, khóa II**

1. Lê Văn Hoan - Bí thư Huyện ủy
2. Hồ Ánh Ngân - Phó Bí thư thường trực (sau là Chủ tịch UBND huyện khi đồng chí Thạc không về nhận công tác)
3. Trần Phương Thạc - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện (có bầu nhưng chưa về nhận công tác)
4. Trần Xuyên Tâm - Phó Bí thư thường trực (bổ sung cuối năm 1980)
5. Nguyễn Kham - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
6. Dương Quang Lưu - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
7. Lê Thương - UVTV, Trưởng ban Tuyên giáo
8. Trương Hoàng Hà - UVTV, Trưởng ban Tổ chức
9. Lê Hữu Thăng - UVTV, Bí thư Huyện đoàn, phụ trách Dân vận
10. Trần Quang Thế - UVTV, Huyện đội trưởng
11. Trương Hữu Quốc - UVTV, Trưởng Công an huyện
12. Lê Lợi - UVTV, Bí thư xã Hải Thiện, chỉ đạo hợp tác xã điểm của huyện Triệu Hải

#### 4. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải khóa III (11-1982 - 9-1986)

Chính thức:

1. Lê Văn Hoan
2. Nguyễn Kham
3. Dương Quang Lưu
4. Phan Thế Thụ
5. Lê Thương
6. Trương Hoàng Hà
7. Nguyễn Xuân An
8. Văn Viết Hóa
9. Trần Quang Thế
10. Lê Hữu Thắng
11. Trương Hữu Quốc
12. Đoàn Thanh Bình
13. Nguyễn Tiến Châu
14. Lê Thị Kim Cúc
15. Nguyễn Văn Doan
16. Nguyễn Hiền
17. Võ Thị Quỳnh Hoa
18. Hoàng Xuân Hòa
19. Trần Đăng Khoa
20. Nguyễn Thị Thu Hiền
21. Hoàng Tiến Lân

22. Nguyễn Văn Khung
23. Nguyễn Xuân Hiền
24. Bùi Quang Lộc
25. Văn Ngọc Lối
26. Hồ Thanh Mười
27. Ngô Thanh Nghị
28. Lê Anh Phương
29. Nguyễn Hữu Quang
30. Hoàng Anh Quyết
31. Lê Thanh Tuấn
32. Võ Đình Thông
33. Trần Lê Vinh

**Dự khuyết:**

1. Đỗ Kim Oanh
2. Nguyễn Thị Vy

**Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Hải, khóa III**

1. Lê Văn Hoan - Bí thư Huyện ủy (sau đó chuyển lên tỉnh, UVTV Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh)
2. Dương Quang Lưu - Phó Bí thư (sau đó là Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Lê Văn Hoan)
3. Phan Thế Thụ - Phó Bí thư thường trực

- |                     |                                   |
|---------------------|-----------------------------------|
| 4. Nguyễn Kham      | - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện |
| 5. Trần Quang Thế   | - UVTV, Huyện đội trưởng          |
| 6. Nguyễn Xuân An   | - UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra |
| 7. Trương Hoàng Hà  | - UVTV, Trưởng ban Tổ chức        |
| 8. Lê Thương        | - UVTV, Trưởng ban Tuyên giáo     |
| 9. Văn Viết Hóa     | - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện   |
| 10. Lê Hữu Thắng    | - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện   |
| 11. Trương Hữu Quốc | - UVTV, Trưởng Công an huyện      |

(Sau khi đồng chí Lê Văn Hoan chuyển lên tỉnh, Huyện ủy đã bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Xuân Hiền vào Ban Thường vụ Huyện ủy).

## **5. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải, khóa IV (9-1986 - 1-1989)**

**Chính thức:**

1. Dương Quang Lưu
2. Văn Viết Hóa
3. Võ Xuân Trữ
4. Lê Quang Hòa
5. Nguyễn Xuân An
6. Phan Ngọc Kiều
7. Trương Hoàng Hà

8. Hoàng Xuân Hòa
9. Lê Vũ Bằng
10. Trần Quang Thế
11. Nguyễn Xuân Hiền
12. Hoàng Anh Quyết
13. Trần Ngọc Ánh
14. Nguyễn Hiền
15. Nguyễn Hữu Quang
16. Nguyễn Thị Vy
17. Nguyễn Thị Thu Hiền
18. Lê Anh Đình
19. Lê Anh Phương
20. Nguyễn Văn Khung
21. Lê Khước
22. Lê Thanh Tuấn
23. Đoàn Thanh Bình
24. Nguyễn Tiến Châu
25. Võ Thị Quỳnh Hoa
26. Nguyễn Văn Song
27. Trần Minh Sơn
28. Lê Đình Triêu
29. Ngô Thanh Nghị
30. Hoàng Tiến Lăn
31. Văn Hàn Thuyên
32. Nguyễn Văn Doan
33. Hồ Thanh Mười

34. Trần Minh Khiên
35. Đỗ Minh Quang
36. Nguyễn Xuân Kiềm
37. Nguyễn Đá
38. Vũ Sơn Bình
39. Nguyễn Minh Chương

**Dự khuyết:**

1. Hoàng Chí Khiếu
2. Đỗ Hoàng Dế
3. Hoàng Văn Quang
4. Lê Văn Dăng
5. Hồ On
6. Bùi Xuân Kha
7. Nguyễn Đức Sáng
8. Lê Phước Hòa
9. Lê Thị Phụng
10. Lê Phúc Thiện

**Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Hải, khóa IV**

1. Dương Quang Lưu - Bí thư Huyện ủy (sau đó chuyển lên Ban Kinh tế Tỉnh ủy Bình Trị Thiên năm 1986)
2. Nguyễn Đức Hoan - UVTV Tỉnh ủy Bình trị Thiên, được Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Lưu chuyển công tác

- |                      |                                                          |
|----------------------|----------------------------------------------------------|
| 3. Văn Viết Hóa      | - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện                        |
| 4. Võ Xuân Trữ       | - Phó Bí thư thường trực                                 |
| 5. Lê Vũ Bằng        | - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện                          |
| 6. Phan Ngọc Kiều    | - UVTV, Trưởng ban Tuyên giáo                            |
| 7. Lê Quang Hòa      | - UVTV, Trưởng ban Tổ chức                               |
| 8. Trần Quang Thế    | - UVTV, Huyện đội trưởng                                 |
| 9. Nguyễn Xuân An    | - UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra                        |
| 10. Trương Hoàng Hà  | - UVTV, Bí thư thị trấn Triệu Hải                        |
| 11. Hoàng Xuân Hòa   | - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện                          |
| 12. Nguyễn Xuân Hiền | - UVTV, Phó Chủ tịch UBMTTQ VN huyện, Trưởng ban Dân vận |

(Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Hải, khóa IV gồm 11 đồng chí, sau đó đồng chí Dương Quang Lưu chuyển lên tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Hoan là UVTV Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Dương Quang Lưu từ ngày 15-1-1987).

**6. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải,  
khóa V (1-1989 - 5-1990)**

**Chính thức:**

1. Văn Viết Hóa
2. Võ Xuân Trữ
3. Trần Quang Diệp
4. Hồ Thanh Mười
5. Phan Ngọc Kiều
6. Lê Khước
7. Nguyễn Hiền
8. Nguyễn Minh Chương
9. Trần Ngọc Ánh
10. Nguyễn Xuân Hiền
11. Trần Minh Sơn
12. Lê Quang Hòa
13. Vũ Sơn Bình
14. Lê Anh Phương
15. Nguyễn Văn Song
16. Nguyễn Thị Thu Hiền
17. Hoàng Chí Khiếu
18. Lê Vũ Bằng
19. Lê Anh Đình
20. Hoàng Văn Quang
21. Trần Thị Thỉ
22. Trương Hoàng Hà



23. Nguyễn Đức Sáng
24. Trương Ngọc Ứng
25. Lê Thị Kim Cúc
26. Ngô Thanh Nghị
27. Võ Thị Quỳnh Hoa
28. Nguyễn Đức Lợi
29. Phan Sĩ Tương
30. Hoàng Xuân Hòa
31. Nguyễn Tiến Châu
32. Lê Thị Minh
33. Lê Phước Hòa
34. Bùi Xuân Kha
35. Văn Hàn Thuyên

**Dự khuyết:**

1. Phan Văn Khôi
2. Hoàng Anh Quyết
3. Nguyễn Xuân Quyền
4. Hồ Ghi
5. Phan Thị Sen
6. Trương Tiến Soạn

**Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Hải, khóa V**

1. Văn Viết Hóa - Bí thư Huyện ủy (tháng 2-1990 bổ sung lên Tỉnh ủy, là Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách nông nghiệp)

2. Võ Xuân Trữ - Phó Bí thư thường trực, Quyền Bí thư Huyện ủy (sau khi đồng chí Văn Viết Hóa chuyển lên tỉnh)
3. Hoàng Xuân Hòa - UVTV thường trực (được bổ sung lúc đồng chí Võ Xuân Trữ lên làm Quyền Bí thư, Chủ tịch HĐND huyện)
4. Lê Vũ Bằng - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện
5. Nguyễn Minh Chương - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
6. Trần Minh Sơn - UVTV, Trưởng ban Tổ chức (sau đó đồng chí Sơn chuyển lên tỉnh và đồng chí Trương Ngọc Ứng thay)
7. Trần Ngọc Ánh - UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
8. Phan Ngọc Kiều - UVTV, Trưởng ban Tuyên giáo
9. Trần Quang Diệp - UVTV, Huyện đội trưởng
10. Nguyễn Xuân Hiền - UVTV, Phó Chủ tịch UBMTTQ VN huyện
11. Vũ Sơn Bình - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
12. Lê Khước - UVTV, Trưởng Công an huyện

**7. Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời huyện Hải Lăng do Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị chỉ định khi mới lập lại huyện (5-1990 - 9-1991)**

1. Hoàng Xuân Hòa
2. Lê Khước
3. Trần Ngọc Ánh
4. Hoàng Anh Quyết
5. Lê Anh Phương
6. Lê Anh Đình
7. Nguyễn Thị Thu Hiền
8. Nguyễn Tiến Châu
9. Hồ Ghi
10. Bùi Xuân Kha
11. Nguyễn Đức Sáng
12. Phan Văn Khôi
13. Lê Phước Hòa
14. Lê Thị Kim Cúc
15. Nguyễn Xuân Quyền

**Ban Thường vụ lâm thời Huyện ủy Hải Lăng**

1. Hoàng Xuân Hòa - Bí thư Huyện ủy
2. Lê Khước - UVTV thường trực
3. Trần Ngọc Ánh - UVTV, Chủ tịch HĐND huyện
4. Hoàng Anh Quyết - UVTV, Chủ tịch UBND huyện

(Ban Chấp hành lâm thời được chỉ định từ Ban Chấp hành Đảng bộ Triệu Hải chia ra, không có chỉ định bổ sung thêm)

**8. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng,  
khóa X (9-1991 - 3-1996)**

1. Lê Khước
2. Hoàng Anh Quyết
3. Văn Ngọc Hùng
4. Lê Phước Hòa
5. Trần Việt Quốc
6. Phạm Xuân Mượn
7. Dương Ngọc Dũng
8. Phạm Đình Phùng
9. Nguyễn Đức Sáng
10. Nguyễn Trí Giạc
11. Nguyễn Thị Thu Hiền
12. Lê Anh Phương
13. Nguyễn Ngọc Chiến
14. Văn Ngọc Lợi
15. Phan Văn Linh
16. Trần Vĩnh Quang
17. Nguyễn Thế
18. Phạm Hồng Thái
19. Võ Minh Huyền
20. Phan Văn Khôi
21. Hoàng Xuân Bình
22. Trần Ngọc Ánh
23. Khổng Trung
24. Hoàng Văn Vinh

## **Ban Thường vụ Huyện ủy Hải Lăng, khóa X**

1. Lê Khước - Bí thư Huyện ủy
2. Hoàng Anh Quyết - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện
3. Văn Ngọc Hùng - UVTV thường trực (1991), Phó Bí thư thường trực (1993)
4. Lê Phước Hòa - UVTV, Trưởng ban Xây dựng Đảng, sau đó làm Phó Chủ tịch UBND huyện
5. Trần Viết Quốc - UVTV, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện
6. Phạm Xuân Mượn - UVTV, Trưởng Công an huyện
7. Dương Ngọc Dũng - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện (1993)

## **9. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng, khóa XI (3-1996 - 10-2000)**

1. Lê Khước
2. Văn Ngọc Hùng
3. Khổng Trung
4. Trần Ngọc Ánh
5. Trần Đức Tâm
6. Nguyễn Ngọc Chiến
7. Nguyễn Trí Giạc
8. Nguyễn Đức Sáng

9. Mai Văn Giang
10. Hoàng Anh Hiền
11. Phạm Văn Thắng
12. Phạm Đình Phùng
13. Phan Văn Linh
14. Lê Quang Vũ
15. Lê Anh Phương
16. Nguyễn Thị Thu Hiền
17. Nguyễn Thị Hằng
18. Văn Xuân Thơ
19. Võ Văn Quang (Sinh)
20. Phan Hữu Xuân
21. Hoàng Phước Quỳnh
22. Nguyễn Phước Tuy
23. Nguyễn Thế
24. Cáp Xuân Banh
25. Hoàng Văn Vinh
26. Văn Ngọc Lợi
27. Võ Minh Huyền
28. Phạm Hồng Thái
29. Võ Việt Thịnh
30. Lê Thú
31. Lê Quang Cường
32. Nguyễn Đăng Đức

33. Văn Ngọc Uy
34. Hồ Vĩnh Hiếu
35. Hoàng Tế
36. Đặng Bá Trách
37. Phan Văn Khôi
38. Lê Phúc Thiện
39. Cáp Kim Dục

### **Ban Thường vụ Huyện ủy Hải Lăng, khóa XI**

1. Lê Khước - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện, được bầu vào Thường vụ Tỉnh ủy và được điều động làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
2. Văn Ngọc Hùng - Phó Bí thư thường trực, được bầu làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Lê Khước (1-6-1996), Chủ tịch HĐND huyện
3. Trần Ngọc Ánh - UVTV, đến tháng 6-1996 làm Phó Bí thư thường trực
4. Khổng Trung - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện, sau đó chuyển lên tỉnh (1998), Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh
5. Trần Đức Tâm - Chi cục trưởng Chi cục thuế, Phó Chủ tịch UBND, Quyền Chủ tịch thay đồng chí Trung; Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện (1999)

6. Nguyễn Ngọc Chiến - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
7. Nguyễn Trí Giạc - UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, sau đó đi học (9-1998)
8. Nguyễn Đức Sáng - UVTV, Trưởng ban Tổ chức
9. Mai Văn Giang - UVTV, Trưởng ban Tuyên giáo
10. Phạm Đình Phùng - UVTV, Trưởng ban Dân vận, sau đó là Phó Chủ tịch HĐND
11. Hoàng Anh Hiền - UVTV, Trưởng Công an huyện
12. Phạm Văn Thắng - UVTV, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện
13. Lê Quang Vũ - Chủ tịch UBMTTQVN huyện, được bầu UVTV, Trưởng ban Dân vận thay đồng chí Phùng (1997), sau đó làm Phó Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh
14. Lê Anh Phương - Chủ tịch Hội Nông dân, được bầu UVTV, Trưởng ban Dân vận thay đồng chí Lê Quang Vũ (10-1998)
15. Hoàng Phước Quỳnh - Trưởng phòng Tài chính, được bầu UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra thay đồng chí Giạc đi học (1998)

(Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ XI gồm 11 đồng chí, trong nhiệm kỳ có 4 đồng chí chuyển công tác, bổ sung thêm 4 đồng chí).



**10. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng,  
khóa XII (từ tháng 10-2000)**

1. Văn Ngọc Hùng
2. Trần Ngọc Ánh
3. Trần Đức Tâm
4. Nguyễn Ngọc Chiến (\*)
5. Phạm Đình Phùng
6. Nguyễn Đức Sáng
7. Mai Văn Giang
8. Nguyễn Trí Giạc
9. Hoàng Phước Quỳnh (\*)
10. Phạm Văn Thắng (\*)
11. Hoàng Anh Hiền
12. Văn Xuân Thơ
13. Phan Văn Linh
14. Nguyễn Thị Thu Hiền
15. Nguyễn Thị Hằng
16. Võ Văn Quang (Sinh)
17. Hoàng Văn Vinh (\*)
18. Nguyễn Phước Tuy
19. Cáp Xuân Banh
20. Lê Anh Phương
21. Đặng Bá Trách
22. Phan Văn Khôi

23. Phan Kế Quỳnh
24. Trần Đới
25. Lê Thị Vinh (\*)
26. Lê Thú
27. Lê Quang Cường
28. Văn Ngọc Uy
29. Hồ Vĩnh Hiếu
30. Phan Thanh Hành
31. Bùi Văn Ninh
32. Nguyễn Đức Thành
33. Cáp Kim Dực
34. Trần Minh Hiền
35. Phạm Ngọc Minh (\*)
36. Cáp Xuân Tá
37. Văn Ngọc Tửu (\*)

(\*): Xem thêm *Ghi chú* ở trang sau.

### **Ban Thường vụ Huyện ủy Hải Lăng, khóa XII**

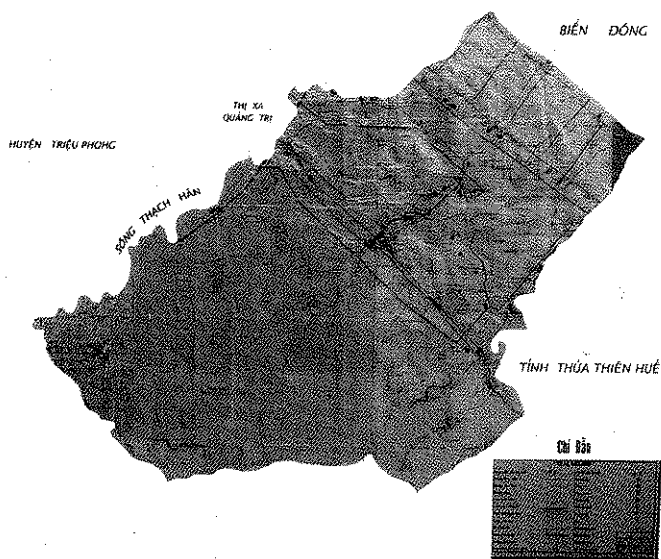
- |                  |                                                      |
|------------------|------------------------------------------------------|
| 1. Văn Ngọc Hùng | - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện |
| 2. Trần Ngọc Ánh | - Phó Bí thư thường trực Huyện ủy                    |
| 3. Trần Đức Tâm  | - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện                    |

4. Nguyễn Ngọc Chiến - UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
5. Phạm Đình Phùng - UVTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện
6. Nguyễn Trí Giạc - UVTV, Trưởng ban Dân vận
7. Nguyễn Đức Sáng - UVTV, Trưởng ban Tổ chức
8. Mai Văn Giang - UVTV, Trưởng ban Tuyên giáo
9. Hoàng Phước Quỳnh - UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
10. Phạm Văn Thắng - UVTV, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện
11. Hoàng Anh Hiền - UVTV, Trưởng Công an huyện

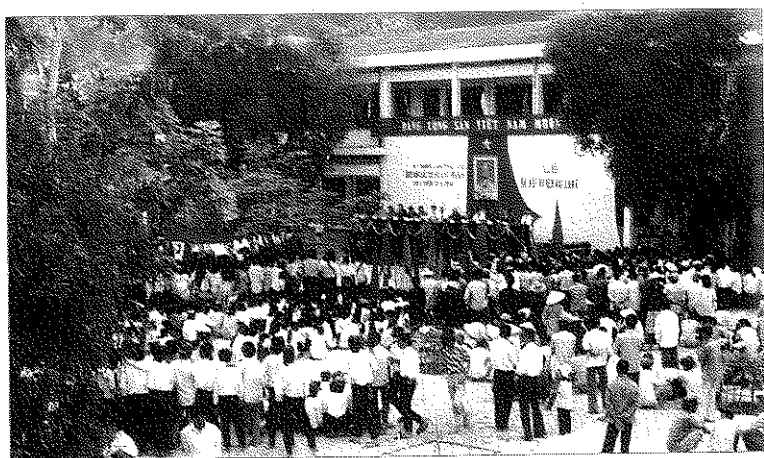
(Sau Đại hội khóa XII tổ chức tháng 10 năm 2000, có bổ sung Ban Thường vụ Huyện ủy và Phó Chủ tịch UBND huyện. Đồng chí Phạm Văn Thắng chuyển lên tỉnh, đồng chí Trần Minh Hiền được chỉ định làm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện và bầu bổ sung vào Ban Thường vụ thay đồng chí Phạm Văn Thắng. Đồng chí Hoàng Phước Quỳnh chuyển lên tỉnh, bổ sung đồng chí Lê Thị Vinh vào Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra. Đồng chí Nguyễn Ngọc Chiến chuyển lên tỉnh, bổ sung đồng chí Văn Xuân Thơ vào Ban Thường vụ, và bầu bổ sung đồng chí Phan Văn Linh làm Phó Chủ tịch UBND huyện, đồng chí Nguyễn Trí Giạc làm Chủ tịch UBMTTQVN huyện. Đồng chí Mai Văn Giang chuyển công tác đến Đảng ủy Dân chính đảng tỉnh, bầu bổ sung đồng chí Hoàng Văn Vinh vào Ban Thường vụ, làm

Trưởng ban Tuyên giáo; đồng chí Phạm Ngọc Minh được chỉ định vào Huyện ủy, làm Chánh Văn phòng; đồng chí Cáp Xuân Tá được chỉ định vào Huyện ủy làm Bí thư Huyện đoàn và đồng chí Văn Ngọc Tũu, Phó ban Tổ chức, được chỉ định bổ sung vào Huyện ủy).

# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN HẢI LĂNG



*Bản đồ hiện trạng kinh tế - xã hội huyện Hải Lăng*



*Lễ ra mắt lập lại huyện Hải Lăng (1-5-1990)*



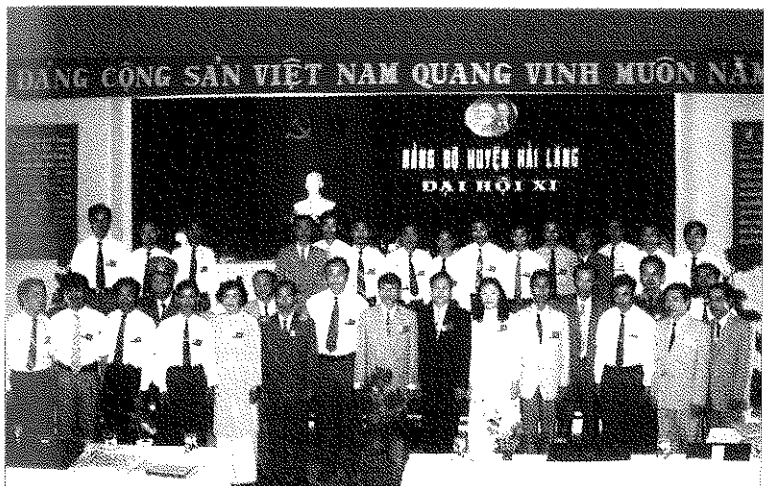


*Lễ kỷ niệm 20 năm giải phóng huyện Hải Lăng (1975-1995)  
và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang  
nhân dân, ngày 19-3-1995*





*Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng  
lần thứ X (1991-1995)*



*Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng  
lần thứ XI (1996-2000)*



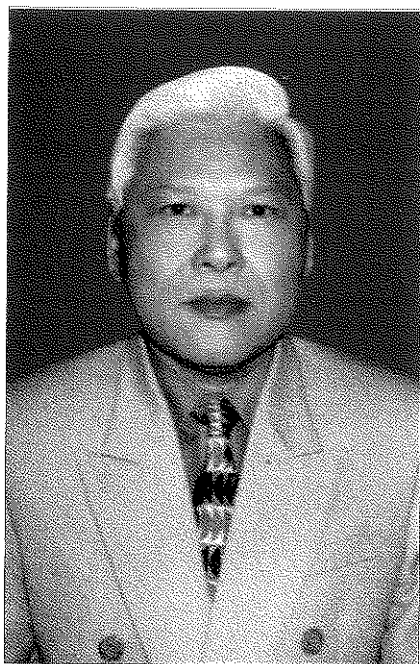
*Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hái Lăng  
lần thứ XII (2000-2005)*



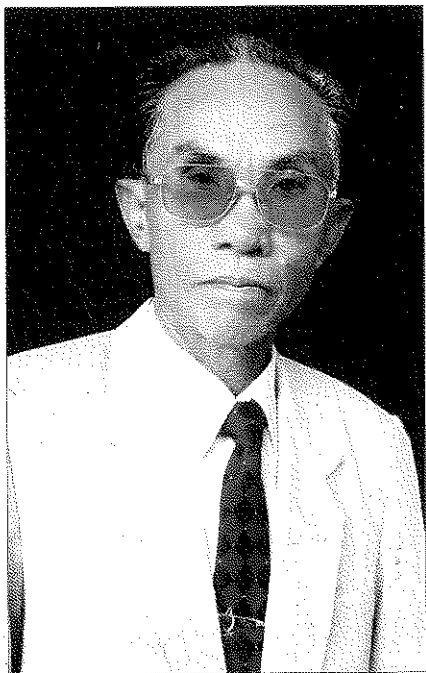
*Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND và UBND  
tỉnh Quảng Trị làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy  
Hái Lăng, ngày 23-2-2000*



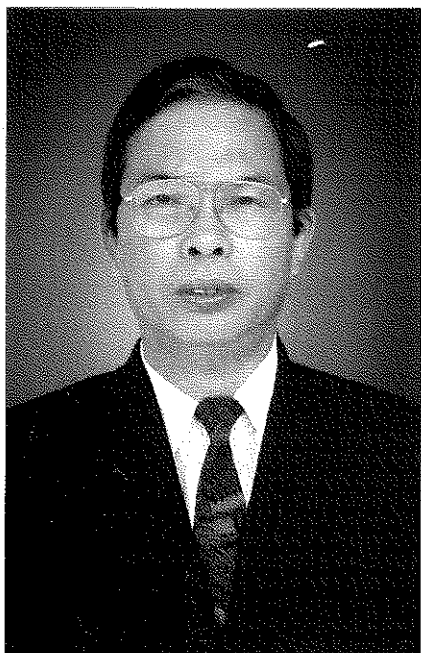
*Đồng chí LÊ VĂN HOAN  
Bí thư Huyện ủy Hải Lăng  
(1976-1983)*



*Đồng chí NGUYỄN ĐỨC HOAN  
Bí thư Huyện ủy thời kỳ 1987-1989*



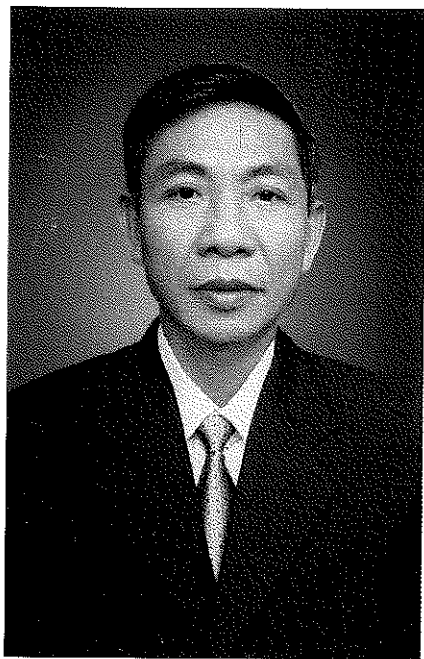
*Đồng chí VĂN VIẾT HÓA  
Bí thư Huyện ủy thời kỳ 1989-1990*



*Đồng chí VÕ XUÂN TRỮ  
Q.Bí thư Huyện ủy, tháng 3-1990*

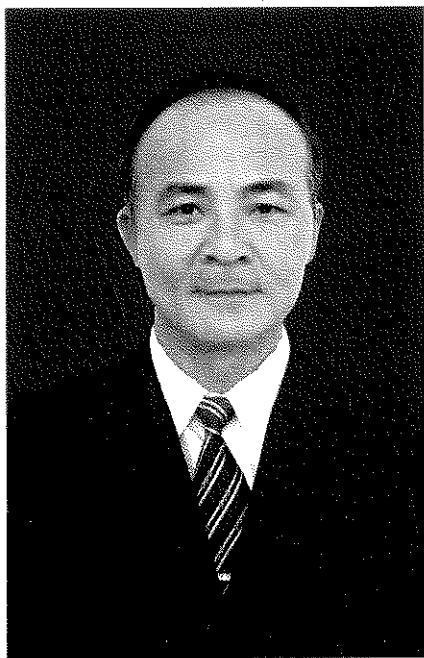


*Đồng chí HOÀNG XUÂN HÒA*  
*Bí thư Huyện ủy thời kỳ 1990-1991*



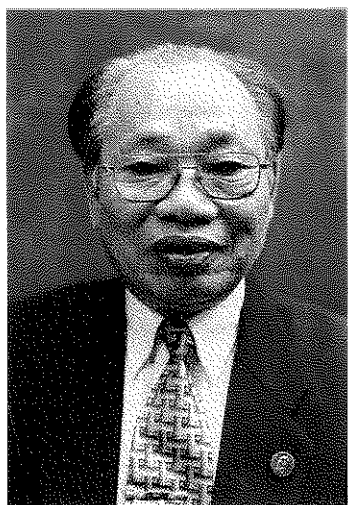
*Đồng chí LÊ KHUỐC*  
*Bí thư Huyện ủy thời kỳ 1991-1996*





*Đồng chí VĂN NGỌC HÙNG  
Bí thư Huyện ủy thời kỳ 1996-2005*

HÌNH ẢNH CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ BÍ THƯ  
HUYỆN ỦY HẢI LĂNG QUA CÁC  
THỜI KỲ TỪ 1975 ĐẾN 2000



*Đồng chí*  
**NGUYỄN HỒNG MINH**  
(1975-1980)



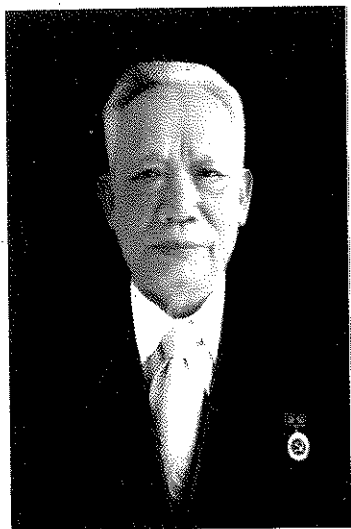
*Đồng chí*  
**BÙI VĂN HUY**  
(1975-1977)



*Đồng chí*  
**TRẦN XUYÊN TÂM**  
*(1977-1980)*



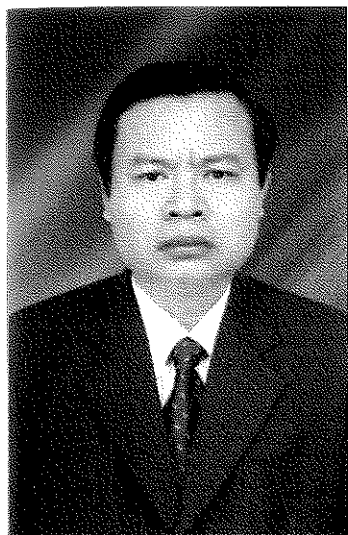
*Đồng chí*  
**HỒ ÁNH NGÂN**  
*(1980-1982)*



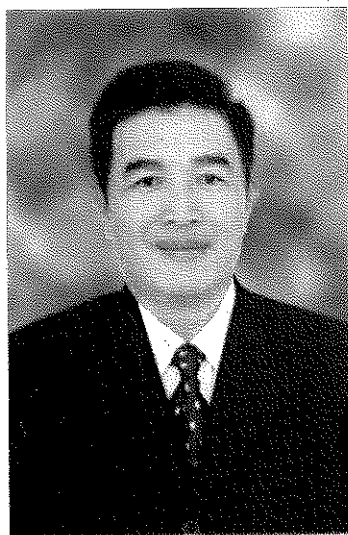
*Đồng chí*  
**PHAN THẾ THỤ**  
*(1982-1986)*



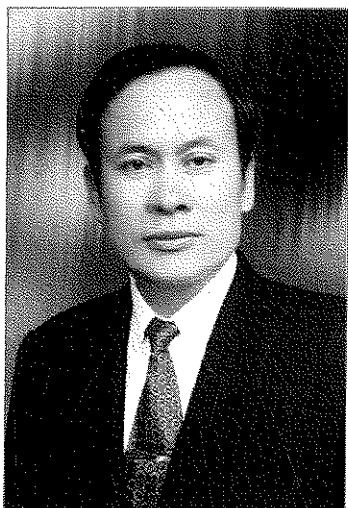
*Đồng chí*  
**NGUYỄN KHÂM**  
*(1982-1986)*



*Đồng chí*  
**LÊ VŨ BẢNG**  
(1989-1991)



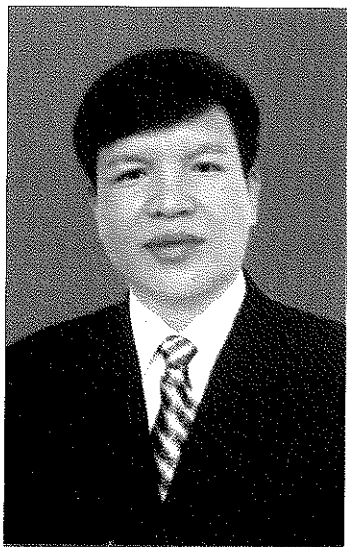
*Đồng chí*  
**HOÀNG ANH QUYẾT**  
(1991-1996)



*Đồng chí*  
**KHÔNG TRUNG**  
(1996-1998)



*Đồng chí*  
**TRẦN NGỌC ÁNH**  
(1996-2005)



*Đồng chí*  
**TRẦN ĐỨC TÂM**  
(1999-2005)



*Đồng chí Lê Khả Phiêu - Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng  
về kiểm tra tình hình lũ lụt tại Hải Lăng, tháng 11-1999*

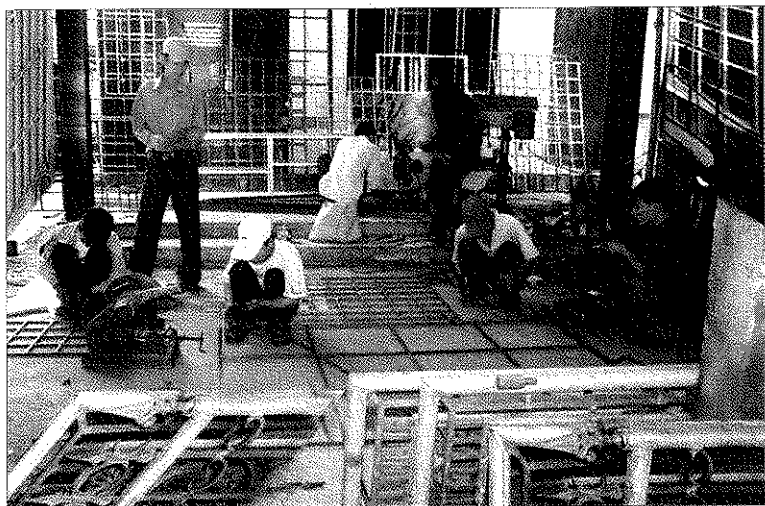


*Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình, thay mặt Chủ tịch nước,  
trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho  
Ban An ninh huyện Hải Lăng, tháng 8-1995*

# ỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ







**ĐẶC SẢN QUẢNG TRỊ**

*Rượu Xika*

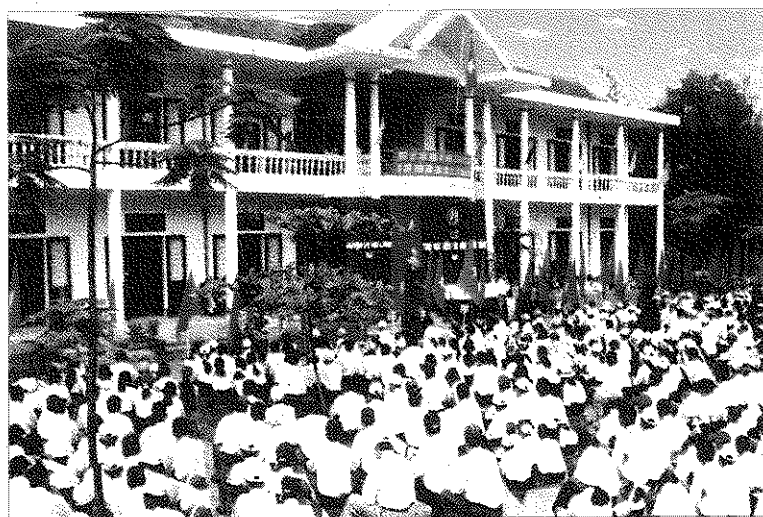
**GIÁ CẢ**

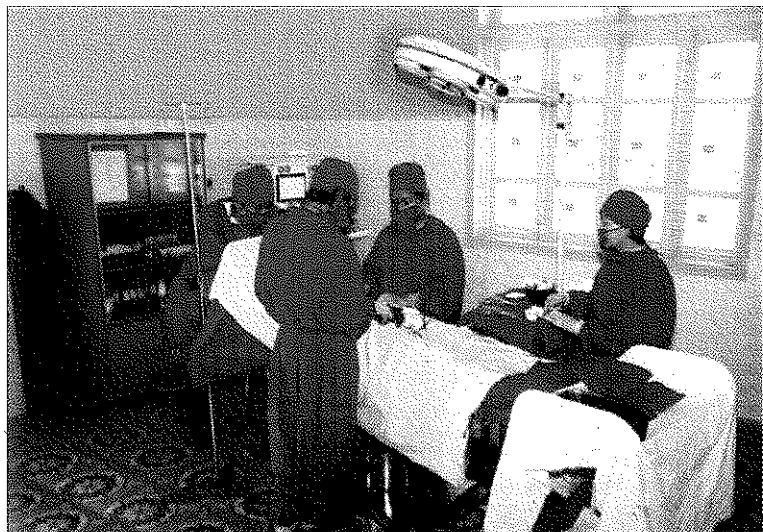
|                  |         |
|------------------|---------|
| Rượu Xika 100ml  | 12.000  |
| Rượu Xika 200ml  | 20.000  |
| Rượu Xika 300ml  | 28.000  |
| Rượu Xika 400ml  | 36.000  |
| Rượu Xika 500ml  | 44.000  |
| Rượu Xika 600ml  | 52.000  |
| Rượu Xika 700ml  | 60.000  |
| Rượu Xika 800ml  | 68.000  |
| Rượu Xika 900ml  | 76.000  |
| Rượu Xika 1000ml | 84.000  |
| Rượu Xika 1200ml | 92.000  |
| Rượu Xika 1400ml | 100.000 |
| Rượu Xika 1600ml | 108.000 |
| Rượu Xika 1800ml | 116.000 |
| Rượu Xika 2000ml | 124.000 |

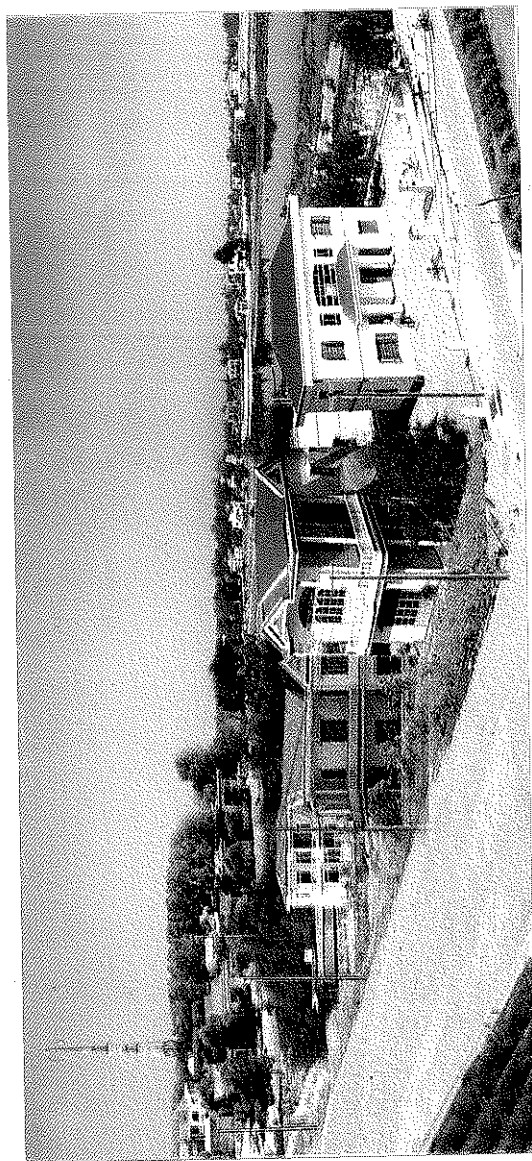
**ĐIỂM BÁN**

|             |         |
|-------------|---------|
| Điểm bán 1  | 12.000  |
| Điểm bán 2  | 20.000  |
| Điểm bán 3  | 28.000  |
| Điểm bán 4  | 36.000  |
| Điểm bán 5  | 44.000  |
| Điểm bán 6  | 52.000  |
| Điểm bán 7  | 60.000  |
| Điểm bán 8  | 68.000  |
| Điểm bán 9  | 76.000  |
| Điểm bán 10 | 84.000  |
| Điểm bán 11 | 92.000  |
| Điểm bán 12 | 100.000 |
| Điểm bán 13 | 108.000 |
| Điểm bán 14 | 116.000 |
| Điểm bán 15 | 124.000 |

# MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI







Một góc thị trấn Hải Lăng thời kỳ đổi mới



*Hội thảo về Lịch sử Đảng bộ huyện Hải Lăng thời kỳ 1975-2000*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phòng An ninh Hải Lăng: *Báo cáo tổng kết công tác an ninh năm 1975*, Hải Lăng, 1975.
- *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam* (14 - 20-12-1976).
- Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết BCH Đảng bộ huyện Hải Lăng*, số 235/NQ/BCHHU, Hải Lăng, 1976.
- UBND huyện Hải Lăng: *Báo cáo tổng kết vụ đông - xuân năm 1975 - 1976*, Hải Lăng, 1976.
- Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Huyện ủy (mở rộng) về nhiệm vụ, công tác năm 1976*.
- Huyện ủy Hải Lăng: *Sơ kết phong trào tập thể 1973 - 1976*, Hải Lăng, 1976.
- Phòng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Hải Lăng: *Báo cáo tình hình công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp 1975 - 1976*, Hải Lăng, 1976.
- Trường Chinh: *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1976.
- *Báo cáo tình hình, chuẩn bị cuộc họp Tỉnh ủy lần XI*, Hải Lăng, 6-1976.
- Phòng Y tế Hải Lăng: *Dự án công tác y tế huyện Hải Lăng năm 1976*, Hải Lăng, 1976.
- Huyện ủy Hải Lăng: *Phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 1976 - 1980 và nhiệm vụ năm 1977*, Hải Lăng, 1977.

- Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1977.

- Đoàn Thanh niên Triệu Hải: *Báo cáo tổng kết công tác Đoàn Triệu Hải năm 1978*, Triệu Hải, 1978.

- Mặt trận Tổ quốc huyện Triệu Hải: *Báo cáo tổng kết công tác Mặt trận năm 1978*, Triệu Hải, 1978.

- Đảng bộ huyện Triệu Hải: *Báo cáo tại Đại hội Đảng bộ lần thứ II của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải*, Quảng Trị, tháng 1-1980.

- Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ III (đợt hai)*, Triệu Hải, ngày 8-11-1982.

- Ủy ban nhân dân huyện Triệu Hải: *Báo cáo của UBND huyện Triệu Hải trong kỳ họp thứ 3 khóa III Hội đồng nhân dân huyện Triệu Hải*, Quảng Trị, tháng 12-1982.

- Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tình hình năm 1883*, Triệu Hải, 25-12-1883.

- Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm 1984*, Triệu Hải, 1984.

- Hội Phụ nữ huyện Triệu Hải: *Báo cáo tình hình phong trào phụ nữ huyện Triệu Hải năm 1984*.

- Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tóm tắt tình hình 1984*, Quảng Trị, 12-1984.

- Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm 1985*, Triệu Hải, 1985.

- Đảng bộ huyện Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ tư*, Triệu Hải, 30-8-1986.

- Mặt trận Tổ quốc huyện Triệu Hải: *Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động Mặt trận 1983 - 1986 và nhiệm vụ công tác Mặt trận năm 1987 - 1990*, Triệu Hải, 1986.

- Phòng Nông nghiệp huyện Triệu Hải: *Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp năm 1988 và phương hướng năm 1989*, Triệu Hải, 24-11-1988.

- Hội đồng nhân dân huyện Triệu Hải: *Báo cáo tình hình năm 1987. Phương hướng nhiệm vụ biện pháp năm 1988*, Triệu Hải, 1988.

- UBND huyện Triệu Hải: *Báo cáo tình hình năm 1988. Phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp năm 1989*", Quảng Trị, 27-1-1989.

- Huyện ủy Triệu Hải: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Hải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V*, Triệu Hải, 1-1989.

- Huyện ủy Hải Lăng: *Dự thảo Báo cáo chính trị nhiệm kỳ 1991 - 1995*, Hải Lăng, 1991.

- Huyện ủy Hải Lăng: *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Lăng tại Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995 (vòng 2)*, Hải Lăng, 8-1991.

- UBND huyện Hải Lăng: *Báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội 1990 - 1994*, Hải Lăng, 1994.

- Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

- Huyện ủy Hải Lăng: *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995. Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch 1996*, Hải Lăng, 1996.

- Huyện ủy Hải Lăng: *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI*, Hải Lăng, 1996.

- Niên giám thống kê 1990 - 1995, Hải Lăng, 1996.

- Niên giám thống kê 1996 - 1997, Hải Lăng, 1998.

- Huyện ủy Hải Lăng: *Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ IX (Khóa XI) về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1998*, Hải Lăng, 1998.



- UBND huyện Hải Lăng: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1998, Hải Lăng, 1999.

- Tóm tắt thành tích Tổng kết phong trào thi đua quyết thắng 1995 - 1999 của lực lượng vũ trang huyện Hải Lăng, Hải Lăng, 1999.

- Báo cáo tại Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến huyện Hải Lăng lần thứ I ngày 16-6-1999, chào mừng Quảng Trị 10 năm đổi mới và phát triển.

- UBND huyện Hải Lăng: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1998 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999.

- Phòng Giáo dục và đào tạo Hải Lăng: 10 năm tổng kết công tác giáo dục - đào tạo, Hải Lăng, 1999.

- Huyện ủy Hải Lăng: Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XII, Hải Lăng, tháng 2-2000.

- Phòng Thống kê Hải Lăng: Niên giám thống kê 1999 - 2000, Hải Lăng, 2001.

# MỤC LỤC

|                                                                                                                                                             | Trang |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| • Lời Nhà xuất bản                                                                                                                                          | 5     |
| • Lời mở đầu                                                                                                                                                | 7     |
| <b>Chương I</b>                                                                                                                                             | 9     |
| ĐẢNG BỘ HẢI LĂNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (3-1975 - 3-1977)                                | 9     |
| <i>I - Tình hình Hải Lăng sau ngày giải phóng</i>                                                                                                           | 9     |
| <i>II - Đảng bộ Hải Lăng lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định cuộc sống, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (3-1975 - 3-1977)</i> | 11    |
| 1. Về kinh tế                                                                                                                                               | 12    |
| 2. Về văn hóa - xã hội                                                                                                                                      | 22    |
| 3. Về quốc phòng - an ninh                                                                                                                                  | 27    |
| <i>III - Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể</i>                                                                                               | 29    |
| <b>Chương II</b>                                                                                                                                            | 34    |
| ĐẢNG BỘ TRIỆU HẢI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN HẢI LĂNG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (3-1977 - 5-1990)                           | 34    |

|                                                                                                    |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <i>I - Đảng bộ Triệu Hải lãnh đạo nhân dân Hải Lăng xây dựng và bảo vệ quê hương (1977 - 1985)</i> | 34 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                              |    |
|------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1. Xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh. | 34 |
|------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                     |    |
|-----------------------------------------------------|----|
| 2. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể | 60 |
|-----------------------------------------------------|----|

|                                                                                                             |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <i>II - Đảng bộ Triệu Hải lãnh đạo nhân dân Hải Lăng bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 1990)</i> | 75 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                  |    |
|------------------------------------------------------------------|----|
| 1. Xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh | 75 |
|------------------------------------------------------------------|----|

|                                                     |    |
|-----------------------------------------------------|----|
| 2. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể | 96 |
|-----------------------------------------------------|----|

|                   |     |
|-------------------|-----|
| <b>Chương III</b> | 104 |
|-------------------|-----|

|                                                                                                                                                     |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>ĐẢNG BỘ HẢI LĂNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA (5-1990 - 12-2000)</b> | 104 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|

|                                                                         |     |
|-------------------------------------------------------------------------|-----|
| <i>I - Đảng bộ Hải Lăng trong 5 năm đầu lập lại huyện (1990 - 1995)</i> | 104 |
|-------------------------------------------------------------------------|-----|

|                                                              |     |
|--------------------------------------------------------------|-----|
| 1. Những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh | 108 |
|--------------------------------------------------------------|-----|

|                                                     |     |
|-----------------------------------------------------|-----|
| 2. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể | 126 |
|-----------------------------------------------------|-----|

|                                                                                                                                             |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <i>II - Đảng bộ Hải Lăng lãnh đạo nhân dân tiếp tục công cuộc đổi mới và thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2000)</i> | 130 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|

|                                                              |     |
|--------------------------------------------------------------|-----|
| 1. Những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh | 133 |
|--------------------------------------------------------------|-----|

|                                                     |     |
|-----------------------------------------------------|-----|
| 2. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể | 155 |
|-----------------------------------------------------|-----|

|                             |     |
|-----------------------------|-----|
| <b>Kết luận</b>             | 161 |
| • <i>Phụ lục</i>            | 167 |
| • <i>Tài liệu tham khảo</i> | 209 |

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

TRỊNH THỨC HUỲNH

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

LÊ MINH NGHĨA

*Biên tập nội dung:* NGUYỄN DUY TỜ

*Biên tập kỹ, mỹ thuật:* THU HƯƠNG

*Trình bày, bìa:* QUANG VINH

*Chế bản vi tính:* QUANG THẮNG

*Sửa bản in:* DUY TỪ

*Đọc sách mẫu:* DUY TỪ

---

In 1.500 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Xí nghiệp in Chuyên dùng Thừa Thiên-Huế. Giấy phép xuất bản số: 104-486/CXB-QLXB cấp ngày 21-4-2004. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5-2004.